SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Thời gian ký: 2026-07-18T15:10:32+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 773 /QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch được điều chỉnh, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về phê duyệt nội dung quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần điều chỉnh và được điều chỉnh một số nội dung bởi Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố;

Theo Báo cáo thẩm định số 34/BC-HĐTĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Hội

đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng tại Công văn số 731/BDDHTKT-KH ngày 27 tháng 02 năm 2026, Sở Công Thương tại Công văn số 886/SCT-KHTC ngày 27 tháng 02 năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 1987/SNNMT-KHTC ngày 28 tháng 2 năm 2026 và ý kiến của Sở Tài chính tại Tờ trình số 73/TTr-STC ngày 28 tháng 02 năm 2026 về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

Thành phố Đà Nẵng có diện tích tự nhiên 11.859,59 km², bao gồm 93 xã, phường và 01 đặc khu (*Hoàng Sa*), có phạm vi tọa độ trên đất liền từ khoảng 14°57'10" đến 16°14'00" vĩ độ Bắc, từ 107°12'40" đến 108°44'20" kinh độ Đông, vùng bờ biển thuộc Biển Đông (*trong phạm vi phân cấp cho địa phương quản lý*) và quần đảo Hoàng Sa.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Quán triệt đầy đủ các chủ trương, chiến lược của Đảng và Nhà nước, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên tục và kế thừa giữa các cấp quy hoạch quốc gia, vùng và địa phương; phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, mục tiêu chung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế, vị trí địa kinh tế của thành phố Đà Nẵng và phát huy tốt vai trò kết nối vùng.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng năng suất lao động làm động lực trung tâm; phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn làm định hướng cốt lõi, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế. Các phương án phát triển phải hướng đến mục tiêu giảm phát thải carbon, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, bố trí không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội tối ưu, tạo thêm các không gian phát triển mới, phù hợp với mô hình tổ chức hành chính mới, với xu thế tổ chức sản xuất mới, xu thế đô thị hóa và phát huy được những lợi thế của thành phố Đà Nẵng, tạo ra các động lực phát triển mới. Không gian phát triển phải thể hiện được vai trò Đà Nẵng là cực tăng trưởng quan trọng và là

trung tâm phát triển của khu vực miền Trung và Tây Nguyên, bảo đảm tăng tính liên kết, hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau giữa các ngành kinh tế và hạn chế thấp nhất các xung đột phát triển giữa các ngành, đồng thời bảo đảm tính kết nối không gian vùng với các địa phương khu vực miền Trung - Tây Nguyên và rộng hơn là với cả nước và quốc tế; khai thác có hiệu quả lợi thế địa kinh tế của Đà Nẵng là trung tâm kinh tế lớn của cả nước.

- Phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa đô thị và nông thôn, miền núi; bảo đảm sự hài hòa về lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường trong suốt quá trình phát triển. Xây dựng thành phố thông minh, hiện đại và giàu bản sắc văn hóa; con người Đà Nẵng tiến bộ, văn minh, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa, ý chí tự lực, tự cường của vùng đất Xứ Quảng.

- Nâng cao tiềm lực quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống, đặc biệt chú trọng các địa bàn chiến lược, khu vực biên giới biển, hải đảo. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, chính quyền hoạt động hiệu lực hiệu quả, đảm bảo dân chủ và chủ động trong quản lý.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng thành phố Đà Nẵng đáng sống, thông minh, sinh thái, giàu bản sắc, môi trường sống chất lượng cao, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao; kinh tế phát triển năng động gắn với chuyển đổi xanh, trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khoa học, công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao của đất nước; là điểm đến hấp dẫn của thế giới; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học; bảo đảm quốc phòng và an ninh vững chắc.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 11% - 12%/năm.

+ Đến năm 2030: GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 8.500 USD; cơ cấu GRDP với tỷ trọng dịch vụ khoảng 57,3%, công nghiệp - xây dựng khoảng 27,9%, nông - lâm - ngư nghiệp khoảng 4,0% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 10,8%; năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 55% vào tăng trưởng, tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 35-40% GRDP.

+ Giai đoạn 2026-2030: tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân khoảng 14-15%/năm, thu ngân sách nhà nước tăng bình quân 10%/năm, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tăng bình quân 10-12%/năm. Đà Nẵng thuộc nhóm 20% địa phương dẫn đầu cả nước về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và các chỉ số hiệu quả quản trị, chuyển đổi số,... tạo môi trường kinh doanh minh bạch, hấp dẫn nhà đầu tư.

- Về xã hội

+ Đến năm 2030, dân số thành phố khoảng 3,1 triệu người (*nếu tính cả dân số quy đổi, tổng dân số toàn thành phố khoảng 3,8 - 4,0 triệu người*), tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2026-2030 khoảng 1,7%/năm; tuổi thọ trung bình dự kiến nâng lên trên 75,6 tuổi, chất lượng dân số được nâng lên.

+ Phúc lợi xã hội được đảm bảo, đến năm 2030 thành phố cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,787.

+ Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo: 100% trẻ em trong độ tuổi được đi học, duy trì phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; trên 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75-80%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 37- 40%. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực đô thị duy trì ở mức thấp (dưới 3,5%).

+ Thành phố trở thành trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của quốc gia, trong nhóm dẫn đầu về chuyển đổi số, an toàn thông tin và kinh tế số; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo mang tầm khu vực; chi đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt trên 1,5% GRDP.

+ Phấn đấu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; số bác sĩ trên 1 vạn dân đạt 19 bác sĩ; số giường bệnh trên 1 vạn dân khoảng 70,3 giường bệnh; mọi người dân được quản lý, theo dõi sức khỏe, được tiếp cận dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe; ít nhất 90% số người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có người chăm sóc được các cơ sở trợ giúp xã hội tư vấn, trợ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Các di sản và di tích văn hóa, lịch sử được bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị, trở thành nguồn lực phát triển quan trọng; xây dựng và phát triển thương hiệu văn hóa Đà Nẵng, giữ vững danh hiệu là "*Thành phố đáng sống*" gắn với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Tỷ lệ cơ quan báo chí địa phương thực hiện chuyển đổi số đạt 100%. Mỗi xã, phường có ít nhất một thiết chế văn hóa - thể thao - thông tin đạt chuẩn.

- Về phát triển đô thị và nông thôn

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 66,5%.

+ Số đơn vị hành chính đô thị là phường đạt tối thiểu 29 phường (*tăng ít nhất 6 phường so với hiện nay*).

+ Quy hoạch và phát triển các đô thị đáp ứng các tiêu chí về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị được đầu tư nâng cấp, phát triển đồng bộ theo hướng hiện đại, bảo đảm vận tải công cộng đáp ứng 10-25% nhu cầu đi lại; diện tích nhà ở bình quân đạt trên 32 m²/người.

+ Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 75,7%, trong đó tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại 11,3%.

+ Kiên cố hoá 80% kênh mương các loại và công trình thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng.

- Về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

+ Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn trên 80%.

+ Chỉ số chất lượng môi trường không khí xung quanh (AQI) dưới 100, chỉ số chất lượng môi trường nước (WQI) trên 51.

+ 100% chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 90% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy chuẩn môi trường.

+ Dưới 50% chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom; trên 50% các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh được cải tạo, phục hồi môi trường; 100% các bãi bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh được cải tạo, phục hồi môi trường.

+ Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom xử lý đạt chuẩn trước khi xả ra môi trường đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%; các cụm công nghiệp đang hoạt động hoàn thành các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo kế hoạch, lộ trình do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đạt 100%.

+ Thành phố duy trì và mở rộng các không gian xanh, chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị trên 6 m²/người.

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 54%; toàn bộ các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn được bảo vệ, tổ chức thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng, phục hồi đa dạng sinh học và đầu tư khai thác bền vững.

+ Thực hiện đầy đủ cam kết của Việt Nam tại COP26 về giảm phát thải, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

- Về quốc phòng, an ninh

Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển đảo quốc gia; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn "An toàn về an ninh trật tự", "Cơ sở vững mạnh toàn diện" về quốc phòng, an ninh đạt 100%.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Thành phố Đà Nẵng là thành phố di sản - sáng tạo - giàu bản sắc, sinh thái,

thông minh, đáng sống, đẳng cấp khu vực Châu Á, có kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ, môi trường sống an toàn, trong lành, chất lượng cao; kinh tế phát triển hiệu quả theo hướng kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp, là trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm công nghiệp công nghệ cao, trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trung tâm logistics cấp quốc gia và quốc tế, trung tâm công nghiệp văn hóa và kinh tế thể thao, điểm đến du lịch hàng đầu; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên, đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Đà Nẵng, đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực trung tâm, lấy chất lượng, hiệu quả làm tiêu chí chủ đạo đánh giá kết quả phát triển

- Phát huy cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố, các cơ chế hoạt động của khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, khu kinh tế mở Chu Lai, khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang... để đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp và dịch vụ.

- Phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, gắn với chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Phát triển du lịch chất lượng cao, dịch vụ đa dạng, có thương hiệu, gắn với bảo tồn, phát huy giá trị và bản sắc văn hóa truyền thống, lịch sử, di sản văn hóa. Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào Khu thương mại tự do, phát triển mạnh dịch vụ logistics đưa Đà Nẵng trở thành trung tâm logistics cấp quốc gia, trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế; trung tâm tài chính quốc tế hoạt động hiệu quả; phát triển các dịch vụ thương mại, khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao chất lượng cao…

- Phát triển công nghiệp theo hướng sản xuất xanh, sạch, tuần hoàn, số hóa toàn diện, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường và thị trường quốc tế, tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ cao và công nghệ thông tin. Hình thành các trung tâm nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm sản phẩm mới, sản phẩm tạo giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh và tham gia vào chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu; thu hút đầu tư vào các nhóm ngành có khả năng cạnh tranh như: phương tiện vận tải điện hóa, thiết bị điện tử và công nghiệp công nghệ số (*AI, robot, bán dẫn, vật liệu mới, nano*), công nghệ sinh học, công nghiệp năng lượng (điện - khí), chế biến nông sản công nghệ cao.

- Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; đầu tư các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ số; phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đẩy mạnh xuất khẩu. Triển khai các chương trình phát triển kinh tế thủy sản bền vững, phát triển khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo, nuôi trồng thủy sản sinh thái, hữu cơ, an toàn dịch

bệnh. Khai thác và phát huy giá trị tài nguyên rừng trên cơ sở bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Tổ chức lại không gian nông thôn theo hướng phát triển vùng sản xuất tập trung, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu với sâm Ngọc Linh là cây chủ lực; phát triển công nghiệp chế biến nông sản, du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch cộng đồng,... nâng cao thu nhập và chất lượng sống của người dân nông thôn.

(2) Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ

- Hoàn thiện hạ tầng các khu chức năng (*khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, cảng biển, trung tâm logistics, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm/khu du lịch)*, hạ tầng số (*dữ liệu số và kết nối tốc độ cao, phục vụ đổi mới sáng tạo và các cụm động lực kinh tế*), hạ tầng xã hội (*thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao*).

- Phát triển hệ thống giao thông đa phương thức đồng bộ kết nối không gian nội bộ thành phố, liên kết vùng và quốc tế thông suốt; trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị và đường đô thị tốc độ cao kết nối các cụm đô thị Đà Nẵng - Hội An - Tam Kỳ - Chu Lai; hạ tầng kết nối vùng và quốc gia, quốc tế (*các cảng biển, các sân bay, các ga đường sắt, các cửa khẩu...*).

- Phát triển hạ tầng đô thị, nông thôn, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu và bảo đảm phát triển bền vững.

(3) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tổ chức thực hiện tốt và hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm khoa học và công nghệ, chuyển đổi số và sáng tạo cấp quốc gia; đô thị thông minh đi đầu về ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, dịch vụ công và đời sống; có môi trường kinh doanh hấp dẫn đối với doanh nghiệp công nghệ cao, startup, quỹ đầu tư mạo hiểm... Phát triển hệ thống hạ tầng khoa học, công nghệ hiện đại với trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây bảo đảm phục vụ dịch vụ công, doanh nghiệp, giáo dục và đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo tiêu chuẩn quốc tế. Đà Nẵng đi đầu cả nước về phát triển các sản phẩm công nghệ mới; hình thành các khu nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao với các phòng thí nghiệm mở cho AI, robot, bán dẫn, vật liệu mới, nano, sinh học, liên kết doanh nghiệp tham gia R&D và thử nghiệm sản phẩm. Xây dựng hạ tầng kết nối tốc độ cao phục vụ chính quyền số, tổ chức giao thông thông minh, quản lý đô thị tự động, gắn kết cộng đồng,... hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, thương mại hóa và sở hữu trí tuệ.

(4) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tổ chức đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố, đồng thời thực hiện các giải pháp thu hút, hấp dẫn nhân tài có trình độ quốc tế, thu hút chuyên gia, trí thức, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế đến làm việc, sinh sống lâu dài tại Đà Nẵng, chú trọng nhân lực chất lượng cao và kỹ năng số. Trọng dụng nhân tài dựa trên năng lực, hiệu quả công việc và

đóng góp thực tiễn, để thành phố sớm có đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư trình độ cao trong các lĩnh vực mũi nhọn, nhất là về công nghệ cao (*AI, robot, bán dẫn, lượng tử, vật liệu mới, nano, sinh học...*). Tạo lập môi trường làm việc, nghiên cứu thuận lợi tại các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu thương mại tự do.

(5) Phát triển kinh tế tư nhân

Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao, là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, đi tiên phong trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững. Tổ chức thực hiện tốt và hiệu quả Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, triển khai đầy đủ, đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, thông qua các chương trình số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính đối với kinh tế tư nhân về gia nhập, rút lui khỏi thị trường, đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, thuế, hải quan, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn... Thực hiện phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp có thương hiệu và tiềm lực trong và ngoài nước đến thành phố kinh doanh, đầu tư. Phát động và hỗ trợ khởi nghiệp trên tất cả các lĩnh vực.

(6) Bảo vệ và cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học; thích ứng với biến đổi khí hậu và chủ động phòng chống thiên tai

- Chủ động phòng ngừa, kiểm soát tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường; tập trung giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, nhất là chất thải rắn, nước thải đô thị, nước thải công nghiệp; phục hồi và bảo vệ đa dạng sinh học, không đánh đổi môi trường, cân bằng tự nhiên để phát triển kinh tế. Sắp xếp, phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học để đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu bảo tồn và phát triển kinh tế biển, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường và yêu cầu quốc phòng an ninh; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường.

- Thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước, năng lượng, giảm phát thải, nâng cao chất lượng môi trường sống.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với nâng cao năng lực quản lý rủi ro thiên tai; tăng cường theo dõi, giám sát, đầu tư trang thiết bị góp phần cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết cực đoan; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản và hạ tầng. Kiểm soát chặt chẽ, hạn

chế phát triển tại các khu vực có nguy cơ cao về ngập lụt, lũ quét, sạt lở, xói lở bờ sông, bờ biển; tổ chức hợp lý không gian thoát lũ, không gian dự trữ nước; đầu tư nâng cấp, nâng cao năng lực hệ thống đê điều, hồ chứa và các công trình phòng, chống thiên tai. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng và khả năng thích ứng của cộng đồng trước các rủi ro do thiên tai và biến đổi khí hậu.

b) Các khâu đột phá

- Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Đà Nẵng, đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực trung tâm, lấy chất lượng, hiệu quả làm tiêu chí chủ đạo đánh giá kết quả phát triển.

- Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phương án phát triển các ngành kinh tế

a) Phát triển các ngành dịch vụ

(1) Các ngành dịch vụ quan trọng

- Dịch vụ du lịch

Phát triển du lịch với vai trò là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, bảo đảm bền vững, tạo tác động lan tỏa thúc đẩy sự phát triển của các ngành dịch vụ khác. Xây dựng Đà Nẵng trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn của thế giới, cực tăng trưởng du lịch quốc gia đóng vai trò hạt nhân thúc đẩy phát triển du lịch của vùng Bắc Trung Bộ, vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; phát triển du lịch trên nền tảng văn hóa, xanh, sáng tạo, hiện đại, đa dạng sản phẩm du lịch, hình thành hệ thống sản phẩm du lịch đặc thù. Phát huy các lợi thế đặc trưng của Đà Nẵng về vị trí địa lý, cảnh quan, tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa,... để phát triển du lịch chất lượng cao, các sản phẩm/dịch vụ cao cấp và siêu sang, có khả năng cạnh tranh và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tổ chức không gian du lịch hợp lý trên cơ sở khai thác, phát huy thế mạnh không gian địa giới hành chính mở rộng của thành phố và bảo đảm tính liên kết vùng, liên kết quốc gia và quốc tế. Hình thành không gian du lịch theo mô hình "*Một điểm đến - Nhiều trải nghiệm*", gắn kết biển - đô thị - văn hóa - sinh thái - di sản; tạo mối quan hệ liên kết giữa các di sản văn hóa thế giới: phố cổ Hội An - thánh địa Mỹ Sơn (Đà Nẵng) - cố đô Huế - vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Trị), thành nhà Hồ (Thanh Hóa), đẩy mạnh phát triển du lịch di sản, phát huy thế mạnh con đường di sản miền Trung.

Phát triển Đà Nẵng trở thành một trung tâm du lịch lớn tầm cỡ quốc gia và quốc tế với các vùng không gian du lịch trọng tâm gồm:

- Không gian du lịch biển, đảo gồm: khu vực biển Làng Vân - Nam Ô - Xuân Thiều - Thanh Khê - Mân Thái - Mỹ An (*du lịch nghỉ dưỡng, giải trí biển chất lượng cao, sự kiện quốc tế, kinh tế đêm, cộng đồng*), khu vực biển bán đảo

Sơn Trà *(du lịch sinh thái biển cao cấp)*, khu vực biển Hà My - An Bàng - Cửa Đại - đảo Cù Lao Chàm (*du lịch biển gắn với di sản, sinh thái, cộng đồng, giải trí biển chất lượng cao*), khu vực biển Duy Nghĩa - Thăng An - Thăng Trường (*du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp kết hợp thể thao, giải trí biển),* khu vực biển Cửa Khe, Tam Thanh - Tam Tiến - đảo Tam Hải *(du lịch sinh thái biển gắn với cộng đồng*), phát triển du lịch cao cấp, siêu sang tại hòn Sơn Chà, du lịch tham quan quần đảo Hoàng Sa. Hình thành chuỗi các khu đô thị dịch vụ du lịch ven biển, khu đô thị hướng biển để phát triển các dịch vụ du lịch cao cấp. Đầu tư xã Tam Hải thành xã đảo du lịch sinh thái cộng đồng (*khu vực sinh thái với mật độ xây dựng thấp, ưu tiên phát triển không gian cây xanh, mặt nước với con người làm trọng tâm, phát triển du lịch ẩm thực*).

+ ***Không gian du lịch văn hóa - di sản***: gồm không gian di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An - khu đền tháp Mỹ Sơn kết nối với danh thắng Ngũ Hành Sơn và các di tích quốc gia đặc biệt khác như: Phật viện Đồng Dương, đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh (gồm các di tích thành phần: Khâm Đức, Bến Giằng, Đèo Bù Lạch), Thành Điện Hải,... các cụm di tích văn hóa - lịch sử quốc gia, cụm văn hóa bản địa các vùng đồng bào dân tộc miền núi; không gian văn hóa cộng đồng, không gian văn hóa sáng tạo tại các đô thị trung tâm thành phố; các điểm du lịch gắn kết các di tích văn hóa, di tích lịch sử. Đầu tư và tái thiết các đô thị dịch vụ du lịch gắn với di sản thế giới (Hội An, Mỹ Sơn), công viên văn hóa - danh nhân phía Nam thành phố, công viên văn hóa gắn với bảo tàng văn hóa đồng bào thiểu số phía Tây và Tây Nam thành phố.

+ ***Không gian du lịch sinh thái - làng nghề - lễ hội truyền thống***: không gian sinh thái tại Hải Vân, Bà Nà, bán đảo Sơn Trà, các khu vực phía Tây và Tây Nam thành phố (*khu vực rừng Đỗ Quyên, rừng Pơ Mu, rừng Lim...; khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh, khu bảo tồn loài và sinh cảnh voi, khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa, khu bảo vệ cảnh quan Nam Hải Vân, các hồ thuỷ điện, khu vực ngoài vùng lõi khu đền tháp Mỹ Sơn...);* phát triển núi Bằng Am trở thành khu du lịch sinh thái mới; không gian du lịch làng nghề, lễ hội truyền thống tại Hội An - Kim Bồng - Thanh Hà; chuỗi du lịch làng nghề gắn với hành trình di sản Đà Nẵng - Huế. Xây dựng hành lang sông Thu Bồn, sông Tam Kỳ, sông Trường Giang, Vĩnh Điện trở thành vùng đệm chiến lược cho phát triển sinh thái - văn hóa bền vững.

+ ***Không gian du lịch đô thị gắn với cửa ngõ du lịch - sân bay, cảng biển***, gồm: (1) Không gian du lịch đô thị phía Bắc thành phố: khu vực trung tâm thành phố gắn với đô thị sân bay (*sân bay quốc tế Đà Nẵng*), khu bán đảo Sơn Trà gắn với du lịch, cảng biển Tiên Sa thành điểm đến du lịch văn hoá, trưng bày làng nghề, sản phẩm xứ Quảng; khu phức hợp Danang Downtown; các điểm du lịch ẩm thực, lễ hội sự kiện, MICE, các sản phẩm du lịch ban đêm tại trung tâm thành phố, dọc hai bờ Sông Hàn - sông Cổ Cò. (2) Không gian du lịch đô thị phía Nam thành phố: khu vực các phường Tam Kỳ - Bàn Thạch - Hương Trà, khu đô thị sân bay Chu Lai gắn với khu kinh tế mở Chu Lai, cảng Kỳ Hà, kết nối với khu phức hợp tổ chức sự kiện/lễ hội quy mô quốc tế tại Thăng An/Thăng Trường; các điểm du lịch ẩm thực, lễ hội sự kiện, du lịch ban đêm tại trung tâm

thành phố, dọc hai bờ sông Tam Kỳ - Bàn Thạch.

+ ***Không gian du lịch liên ngành:*** gồm không gian du lịch y tế, chăm sóc sức khỏe gắn với phát triển cây dược liệu (mô hình rừng - dược liệu - du lịch cộng đồng – chăm sóc sức khỏe tại khu vực phía Nam và vùng núi phía Tây thành phố, khu vực trồng sâm Ngọc Linh; các điểm du lịch: Sông Vàng, A.Vương, Nông Sơn, Trà Linh, Trà Tập, Trà Leng, Tam Mỹ, Cù Lao Chàm, Quế Sơn và các khu vực phía Tây và Tây Nam thành phố); các không gian đổi mới sáng tạo, khu công nghiệp sinh thái/công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính, khu kinh tế mở, khu kinh tế cửa khẩu... (phát triển các loại hình du lịch kết hợp nghiên cứu, trải nghiệm, du lịch nông nghiệp nông thôn...); không gian du lịch gắn với kinh tế thể thao (*Hòa Xuân, Tam Kỳ...*).

- Thương mại

Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm thương mại quy mô lớn của khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên, với kết cấu hạ tầng và hệ thống phân phối đồng bộ, hiện đại, là đầu mối phát luồng hàng hóa của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, kết nối với cả nước và thị trường thế giới. Phát triển khu chức năng thương mại dịch vụ trong khu thương mại tự do Đà Nẵng, tạo không gian thử nghiệm các mô hình thương mại, logistics, dịch vụ tài chính, thương mại quốc tế và thương mại điện tử xuyên biên giới. Định hướng hình thành, phát triển chợ đầu mối tổng hợp quốc tế có quy mô lớn tại thành phố.

Định hướng không gian phát triển thương mại theo mô hình đa trung tâm, liên kết theo trục và hội nhập quốc tế, phát huy tối đa lợi thế địa kinh tế, địa chiến lược của thành phố trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên, bảo đảm sự liên thông giữa đô thị trung tâm, khu công nghiệp, khu kinh tế, cửa khẩu và các đầu mối giao thông quốc gia, quốc tế với các vùng động lực thương mại chủ yếu.

+ *Trục thương mại trung tâm Đà Nẵng - Nam Giang - Bờ Y (Quảng Ngãi):* là trục thương mại, logistics chủ đạo, kết nối từ hệ thống cảng biển và cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng đến cửa khẩu quốc tế Nam Giang, liên thông đến khu vực Bờ Y (Quảng Ngãi) trên hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC), giữ vai trò cửa ngõ giao thương quốc tế, thúc đẩy phát triển logistics xuyên biên giới, thương mại biên mậu và các dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu trong tiểu vùng Mekong mở rộng.

+ *Trục thương mại Chu Lai - Tam Hiệp - Tam Thăng (khu kinh mở Chu Lai):* là trung tâm hậu cần kỹ thuật và logistics đa phương thức, đóng vai trò trung chuyển, phân phối hàng hóa cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và là trung tâm trung chuyển hàng hoá quốc tế qua cảng hàng không quốc tế Chu Lai và các cảng biển phía Nam.

Phát triển thương mại qua biên giới nhằm tăng cường hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển logistics liên quốc gia và mở rộng thị trường khu vực ASEAN, trọng điểm là tổ chức khai thác hiệu quả cửa khẩu quốc tế Nam Giang và nâng cấp cửa khẩu Tây Giang theo quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới Việt Nam -

Lào, hình thành các đầu mối giao thương quan trọng kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC) mở rộng với các thị trường Lào, Thái Lan và Myanmar.

- Dịch vụ vận tải, logistics

Phát triển vận tải, logistics hướng đến thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm logistics của khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Cảng Liên Chiểu, cảng Tam Hòa – Tam Hiệp – Tam Giang – Kỳ Hà, cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, cảng hàng không quốc tế Chu Lai và ga hàng hóa đường sắt Đà Nẵng là những cửa ngõ giao nhận; hình thành mạng lưới logistisc theo các tuyến giao thông đường sắt, đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, liên kết vận chuyển hàng hóa với các địa phương, các quốc gia trong khu vực ASEAN và quốc tế.

Tại các cảng biển quốc tế hình thành các trung tâm logistics cấp I quốc gia và cấp II của vùng và các trung tâm logistics chuyên dụng, trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế bảo đảm cung cấp các dịch vụ logistics và trung chuyển hàng hóa, đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước, xuất nhập khẩu của thành phố và toàn khu vực miền Trung và Tây Nguyên; cung cấp dịch vụ logistics cho luồng hàng hóa quốc tế trung chuyển trên hành lang kinh tế Đông - Tây qua Đà Nẵng.

Tại các khu vực cảng hàng không quốc tế, hình thành các trung tâm logistics, trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế, trung tâm vận tải hành khách và hàng hóa chuyên dụng, tạo cơ sở hạ tầng phát triển các dịch vụ vận tải, kho bãi, giao nhận, bốc xếp hàng hóa…

Tại các ga đường sắt, các bến xe: quy hoạch, bố trí hệ thống kho bãi, hình thành các trung tâm logistics giao nhận, phân phối hàng hóa quy mô nhỏ và vừa của từng khu vực.

- Dịch vụ tài chính - ngân hàng

Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng theo hướng hiện đại, an toàn, ổn định và bền vững, phù hợp với vai trò của thành phố Đà Nẵng là đô thị trung tâm của vùng và cửa ngõ hội nhập quốc tế. Tổ chức các hoạt động dịch vụ tài chính - ngân hàng gắn với không gian đô thị, các trung tâm thương mại, trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các cực tăng trưởng của thành phố. Hình thành hệ thống tài chính đa dạng, bao gồm: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ đầu tư, nhằm nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Đà Nẵng là một trong những động lực quan trọng nhằm nâng cao chuẩn mực hoạt động, năng lực cạnh tranh và mức độ hội nhập của thị trường tài chính - ngân hàng trên địa bàn thành phố. Phát triển bền vững các sản phẩm, các dịch vụ tài chính dựa trên nền tảng công nghệ tự động hóa, kết nối đa chiều và thông minh hóa của công nghệ hiện đại, đảm bảo an ninh, an toàn, chủ động cung cấp các giải pháp công nghệ tài chính cho các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

- Dịch vụ thông tin - truyền thông

Phát triển dịch vụ thông tin và truyền thông đảm bảo hỗ trợ tối ưu cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số và tạo động lực mới phát triển các ngành du lịch, tài chính, ngân hàng, logistics, công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các lĩnh vực văn hóa - xã hội, môi trường… Nâng cao chất lượng bưu chính, chuyển phát, kết hợp thương mại điện tử với chuyển phát, áp dụng công nghệ thông tin để tự động hoá khâu chia chọn, giám sát hàng hoá, bưu phẩm..., phát triển dịch vụ bưu chính số.

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, đa dạng và rộng khắp; cung cấp hạ tầng tính toán, lưu trữ chuyên sâu để triển khai các ứng dụng lõi liên quan đến Cách mạng công nghiệp 4.0 (*trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, IoT, block-chain, điện toán đám mây, tự động hoá*). Xây dựng trung tâm an toàn an ninh thông tin (*Security of Center*), sớm hoàn thành phủ sóng 5G toàn thành phố. Thu hút đầu tư trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế (*Tier III, Tier IV)* và trung tâm dữ liệu xanh (*Green Data Center*) để phục vụ nhu cầu lưu trữ không chỉ của thành phố mà cho cả khu vực miền Trung, Tây Nguyên và các doanh nghiệp đa quốc gia. Bổ sung 01 tuyến cáp quang quốc tế trên biển tại Đà Nẵng. Xây dựng mạng lưới thiết bị IoT phục vụ đa mục đích gồm: cảnh báo cháy rừng, nguồn nước, lũ lụt, giao thông,… Thúc đẩy phát triển xã hội số và dịch vụ công trực tuyến.

- Dịch vụ giáo dục và đào tạo

Phát triển dịch vụ giáo dục và đào tạo hướng tới mục tiêu Đà Nẵng trở thành trung tâm giáo dục và đào tạo chất lượng cao tầm cỡ quốc gia và khu vực Đông Nam Á, thực hiện các dịch vụ đào tạo nhân lực có trình độ cao cho cả trong nước và quốc tế. Thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục, đào tạo quốc tế vào phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông, mầm non.

Nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục và đào tạo theo hướng hội nhập, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Phát triển "Khu Đại học" ở phía Bắc gắn với chiến lược phát triển Đại học quốc gia Đà Nẵng và "Đô thị Nghiên cứu - Đào tạo" ở phía Nam gắn với khu kinh tế mở Chu Lai và đô thị Tam Kỳ. Liên kết hệ thống giáo dục đại học với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trung tâm nghiên cứu, cơ sở sản xuất và dịch vụ… hình thành hệ sinh thái giáo dục - đào tạo, gắn đào tạo với nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học, công nghệ. Tổ chức đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao trong một số lĩnh vực như: chip bán dẫn, AI, công nghệ sinh học, lượng tử, logistics, năng lượng tái tạo, du lịch… cho các nước ASEAN và khu vực Châu Á cũng như các doanh nghiệp, tập đoàn, công ty xuyên quốc gia đầu tư vào Đà Nẵng và khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

- Dịch vụ khoa học và công nghệ

Phát triển khoa học và công nghệ là một ngành dịch vụ quan trọng, là động lực trung tâm, tạo đột phá để phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 và các năm tiếp theo. Tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo Đà Nẵng giữ vững vai trò "đầu tàu" về khoa học và công nghệ của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Phát triển

sàn giao dịch công nghệ quốc gia, vừa hoạt động trực tiếp vừa vận hành trên nền tảng số, tạo đầu mối thuận lợi, trung gian kết nối bên cung (*các viện, trường*) và bên cầu (*doanh nghiệp*); mở rộng các khu công nghệ cao và công viên phần mềm; phát triển hạ tầng dữ liệu số dùng chung, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu và chuyên gia… để phục vụ việc tra cứu và chuyển giao công nghệ nhanh chóng. Lựa chọn phát triển các dịch vụ công nghệ mũi nhọn (*chip bán dẫn, AI, công nghệ xanh*). Thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học trên cơ sở thị trường và thương mại hóa.

- Dịch vụ y tế

Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm dịch vụ y tế chất lượng cao của khu vực miền Trung và Tây Nguyên, đưa dịch vụ y tế trở thành một ngành kinh tế quan trọng, đóng góp vào sự phát triển chung của thành phố. Thu hút đầu tư các cơ sở y tế đạt tiêu chuẩn quốc tế, phát triển mô hình "Du lịch y tế" (*Medical Tourism*), mô hình chăm sóc, bảo trợ người cao tuổi, mô hình y tế thông minh - du lịch y tế - dịch vụ chăm sóc sức khỏe cao cấp, dịch vụ chăm sóc sức khỏe nghỉ dưỡng (*Wellness*)… Tổ chức các hoạt động y tế chuyên sâu, chất lượng cao, các hoạt động điều trị bằng dược liệu, vật lý trị liệu cao cấp phục vụ đối tượng khách du lịch (*đặc biệt là khách quốc tế)*, các dịch vụ chăm sóc, bảo trợ người cao tuổi, phục hồi sức khỏe sau điều trị,… Đẩy mạnh chuyển đổi số, đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, điều trị; tăng cường xã hội hóa, thu hút các cơ sở y tế ngoài công lập, nhất là các bệnh viện, các trung tâm nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất kinh doanh trang thiết bị, sinh phẩm, dược phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe có thương hiệu quốc tế.

- Dịch vụ văn hóa, thể thao và giải trí

Phát triển các dịch vụ văn hoá, thể thao và giải trí với trọng tâm là các ngành công nghiệp văn hóa, kinh tế thể thao, các hoạt động giải trí chất lượng cao trở thành ngành kinh tế quan trọng gắn kết với du lịch. Đầu tư hạ tầng văn hóa, thể thao đồng bộ, hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm các điều kiện để đăng cai tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, thi đấu giải trí lớn của quốc gia, khu vực và thế giới. Nghiên cứu tổ chức các giải thể thao mới như: thể thao biển, thể thao mạo hiểm, thám hiểm, trường đua công thức 1, các giải đấu thể thao điện tử (*eSport*),… định vị thương hiệu Đà Nẵng là thành phố của các sự kiện văn hóa, thể thao tầm cỡ châu Á và thế giới. Phát triển công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế dịch vụ có khả năng cạnh tranh cao.

Hình thành các tổ hợp/khu phức hợp công viên lễ hội sự kiện quốc tế quy mô lớn, đa chức năng tổ chức hội chợ/triển lãm, các đại nhạc hội âm nhạc, lễ hội/sự kiện quốc gia, quốc tế, dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng...

(2) Các ngành dịch vụ khác

Phát triển lĩnh vực thông tin - báo chí - xuất bản theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, giàu bản sắc, kết hợp với phát triển văn hóa, du lịch và công nghiệp văn hóa, góp phần lan tỏa giá trị và quảng bá hình ảnh thành phố. Xây

dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm báo chí, truyền thông lớn của miền Trung và cả nước.

Phát triển các ngành dịch vụ khác như: hoạt động chuyên môn về pháp luật, kế toán và kiểm toán, trụ sở văn phòng, tư vấn quản lý, hành chính và hỗ trợ… đảm bảo cung cấp đầy đủ, đồng bộ và đa dạng các loạt hình dịch vụ phục vụ nhu cầu của hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân.

b) Phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp trên cơ sở kết nối hiệu quả giữa các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu thương mại tự do, hình thành hệ sinh thái công nghiệp hiện đại, đổi mới sáng tạo, lấy công nghiệp công nghệ cao làm trọng tâm. Tái bố trí lại các cơ sở sản xuất công nghiệp, di dời các ngành sản xuất ô nhiễm vào những khu công nghiệp đặc thù ở địa điểm thích hợp và có hệ thống xử lý, khắc phục ô nhiễm đạt tiêu chuẩn. Định hướng chuyển đổi một số khu công nghiệp hiện hữu thành khu công nghiệp sinh thái hoặc trung tâm logistics, khu đô thị - dịch vụ khi hết thời hạn thực hiện dự án; tiếp tục xây dựng lộ trình chuyển đổi Khu dịch vụ thủy sản Đà Nẵng sang khu đô thị - dịch vụ - hạ tầng công cộng đô thị, phù hợp với định hướng phát triển đô thị. Phát triển các cụm công nghiệp chủ yếu ở các xã nông thôn để phát triển công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, hoạt động của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

(1) Các ngành công nghiệp quan trọng

- Công nghiệp công nghệ cao

Phát triển công nghiệp công nghệ cao là một trong những trụ cột tăng trưởng, cùng với khu vực dịch vụ giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế của thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2030 hình thành một hệ sinh thái công nghiệp công nghệ cao có tính tích hợp cao, trong đó công nghiệp số/công nghệ thông tin đóng vai trò hạ tầng nền, công nghiệp điện tử và bán dẫn là động lực, các ngành cơ khí ô tô, phương tiện vận tải và công nghiệp hỗ trợ là không gian lan tỏa công nghệ.

Phát triển các khu công nghiệp công nghệ số tập trung, tạo không gian cho các doanh nghiệp thử nghiệm các giải pháp truyền thông mới, mạng xã hội thế hệ mới và các dịch vụ nội dung số an toàn. Thu hút đầu tư các lĩnh vực điện tử, bán dẫn, thiết bị điện tử thông minh, phương tiện giao thông điện hóa và công nghiệp hỗ trợ, gắn với các khu công nghiệp, khu thương mại tự do, các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D).

- Công nghiệp cơ khí

Định hướng tập trung thu hút đầu tư vào ngành cơ khí, ô tô và phương tiện vận tải điện hóa nhằm hình thành khu vực tích tụ ngành trên địa bàn, gồm: phương tiện vận tải, phương tiện giao thông đô thị, phương tiện đường thủy, phương tiện bay tầm thấp/phương tiện bay không người lái (UAV), tàu đường sắt, tàu đô thị và tàu cao tốc. Thu hút ngành công nghiệp hàng không, tập trung vào lĩnh vực đại tu, bảo trì, sửa chữa máy bay (MRO) tại khu đô thị sân bay Chu Lai.

- Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm

Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm và đồ uống phân khúc trung/cao cấp, phục vụ thị trường nội địa, đô thị, du lịch và xuất khẩu chọn lọc, trọng tâm là hình thành các chuỗi sản xuất khép kín gắn với vùng nguyên liệu nông, thủy sản sạch/hữu cơ, nhất là của khu vực miền núi và trung du có nguyên liệu là cây dược liệu quý như: sâm Ngọc Linh, ba kích, sa nhân, áp dụng truy xuất nguồn gốc và các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Phát triển trung tâm công nghiệp dược liệu (sâm Ngọc Linh), xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn GACP-WHO và 3-5 nhà máy đạt GMP-WHO.

- Công nghiệp hỗ trợ

Phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hướng thúc đẩy các mô hình sản xuất OEM/ODM/OBM trong các lĩnh vực cơ khí chính xác, nhựa – cao su kỹ thuật, điện – điện tử và thiết bị tự động hóa.

(2) Các ngành công nghiệp khác

Tái cấu trúc ngành công nghiệp khai khoáng theo hướng khai thác hiệu quả, bảo vệ môi trường, tập trung chế biến sâu, hình thành và phát triển trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ silica. Phát triển công nghiệp hóa chất, hóa dược, phát huy và nâng cấp các phân ngành đã có nền tảng phát triển như công nghiệp cao su, lốp xe và các sản phẩm cao su kỹ thuật; định hướng quy hoạch hình thành các kho hóa chất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm logistics trên địa bàn thành phố đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu Đà Nẵng với sâm Ngọc Linh là cây chủ lực. Phát triển công nghiệp sản xuất và phân phối điện theo hướng ưu tiên năng lượng sạch, tái tạo: điện mặt trời, điện gió, điện khí, thu hút đầu tư vào nghiên cứu, sản xuất thiết bị cho ngành năng lượng tái tạo. Phát triển các ngành công nghiệp dệt, sản xuất trang phục, giầy dép, chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa… phù hợp với tình hình thực tế và chủ yếu thu hút vào các cụm công nghiệp.

c) Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an ninh lương thực, an toàn dịch bệnh, gắn với công nghiệp chế biến và du lịch nông nghiệp, nông thôn. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng xanh, sinh thái, giảm phát thải, sản xuất theo các tiêu chuẩn, nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất. Nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến như: Mô hình rau hữu cơ (ứng dụng quy trình sản xuất không sử dụng hóa chất, phân bón hóa học), mô hình rau VietGap (áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt), mô hình nhà màng, nhà lưới (kiểm soát môi trường, hạn chế sâu bệnh), mô hình thủy canh, khí canh (ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau sạch); mô hình nông nghiệp thông minh: ứng dụng IoT, cảm biến môi trường trong quản lý sản xuất. Hình thành hệ thống vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh và vùng an toàn sinh học: Sản xuất lúa chất lượng cao, vùng chuyên canh rau, cây ăn quả, cây công

nghiệp theo các tiêu chuẩn hữu cơ, GAP; bảo tồn và phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp bản địa, các cây dược liệu quý như: sâm Ngọc Linh, quế Trà My, đẳng sâm, ba kích, sa nhân… Phát triển nông nghiệp đô thị thông minh tại các khu vực đô thị.

Phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, quy hoạch khoảng 700 ha ở khu vực nông thôn để khuyến khích đầu tư phát triển chăn nuôi tập trung *(các vị trí cụ thể sẽ được xác định tại các quy hoạch tiếp theo)*. Đối với khu vực đô thị chỉ phát triển các các mô hình nuôi động vật cảnh, mô hình nông trại kết hợp du lịch sinh thái, trải nghiệm, trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi.

Đầu tư xây dựng từ 03 đến 05 cơ sở giết mổ động vật (bao gồm cả chế biến) tập trung tại một số xã trên địa bàn thành phố với tổng diện tích khoảng 80ha, đảm bảo có khoảng cách phân bố hợp lý theo các vùng kinh tế - sinh thái *(các vị trí cụ thể sẽ được xác định tại các quy hoạch tiếp theo)*; giảm dần các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ hiện tại đang hoạt động theo lộ trình; nghiên cứu, xây dựng các chính sách phù hợp hỗ trợ việc di dời các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ hiện tại.

- Lâm nghiệp

Quản lý, phát triển, khai thác, sử dụng bền vững rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế của rừng, giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng và giá trị văn hóa, lịch sử; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế của người dân. Rà soát, điều chỉnh hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để xác lập ranh giới tọa độ các khu rừng; thực hiện giao rừng, cắm mốc ranh giới rừng ngoài thực địa nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, đáp ứng mục tiêu phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ ven biển và bảo vệ môi trường.

Khoanh nuôi phục hồi rừng gắn với xây dựng nguồn giống cây bản địa, phát triển trồng dược liệu dưới tán rừng. Xây dựng kế hoạch phát triển rừng và khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng theo các chương trình, đề án cơ chế chính sách của trung ương và địa phương. Triển khai thực hiện một số dự án ưu tiên như: phát triển thị trường tín chỉ carbon rừng, trồng dược liệu dưới tán rừng, trồng rừng phòng hộ ven biển, trồng cây gỗ lớn; chuyển đổi một số loài cây rừng trồng sản xuất sang cây bản địa có giá trị kinh tế, đáp ứng biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế dưới tán rừng…

Rà soát, cập nhật các công trình dự án có ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp để điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và phù hợp với chỉ tiêu đất lâm nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thủy sản

Phát triển thủy sản theo hướng bền vững, có trách nhiệm và dựa trên hệ sinh thái, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với bảo vệ, phục hồi nguồn lợi thủy sản và đa dạng sinh học biển. Việc khai thác, nuôi trồng và sử dụng không gian thủy sản phải trên cơ sở sức chịu tải của môi trường, thích

ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Chuyển dịch mô hình khai thác từ tư duy "khai thác thủy sản" sang "kinh tế thủy sản", chuyển mạnh từ "sản lượng" sang "giá trị", từ khai thác thô sang chế biến sâu, bảo quản hiện đại và thương mại thủy sản bền vững. Chú trọng bảo đảm sinh kế cho cộng đồng ngư dân ven biển, gắn với chuyển đổi nghề, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cộng đồng và thúc đẩy các mô hình đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đồng thời kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Giảm dần số lượng tàu thuyền công suất nhỏ khai thác ven bờ, chuyển đổi sang đội tàu xa bờ sử dụng vật liệu mới hiện đại; khai thác thủy sản bảo đảm truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế theo Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghiên cứu đầu tư trung tâm nghề cá lớn tại khu vực phía Nam gắn với ngư trường Hoàng Sa và hiện đại hóa đội tàu và dịch vụ hậu cần; chuyển đổi công năng các cảng cá tại khu vực trung tâm đô thị.

Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển và vùng nước lợ theo mô hình tập trung, công nghệ cao; tăng cường bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn và khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản; nghiên cứu thiết lập hành lang đa dạng sinh học, đường di cư của các loài thủy sản.

d) Phát triển kinh tế biển

- Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển lớn và vững mạnh của cả nước, trở thành đô thị biển thịnh vượng, có bản sắc tầm cỡ khu vực và quốc tế. Phát triển kết cấu hạ tầng ven biển, hải đảo đa mục tiêu, lưỡng dụng, đồng bộ, hiện đại. Phát huy tiềm năng, lợi thế của các đảo để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng công trình lưỡng dụng, hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đầy đủ. Tiếp tục khẳng định chủ quyền bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế; nghiên cứu, xây dựng các chính sách phù hợp hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản, bảo vệ tài nguyên, môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

- Phát triển kinh tế biển xanh, hiện đại và bền vững, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường biển, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường quốc phòng, an ninh. Phân vùng cụ thể cho các ngành kinh tế biển theo nguyên tắc ngoài các khu vực ưu tiên phục vụ quốc phòng, an ninh, các khu vực cấm khai thác hoặc khai thác có điều kiện theo quy định của pháp luật, không gian biển và vùng bờ của thành phố Đà Nẵng được định hướng sử dụng cho khai thác tổng hợp với mật độ và cường độ sử dụng lớn, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu bảo tồn, phát triển kinh tế biển xanh và sinh kế bền vững của cộng đồng. Trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn tổ chức đánh giá, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh ranh giới, thứ tự ưu tiên sử dụng không gian theo quy định pháp luật. Phát triển đồng bộ, có trọng tâm các ngành kinh tế biển chủ lực gồm:

+ Phát triển du lịch biển, đảo bền vững, có trách nhiệm, sáng tạo gắn với

phát triển đô thị đảo xanh, thông minh;

+ Phát triển đô thị ven biển và mở rộng không gian hướng biển theo hướng hiện đại, xanh;

+ Phát triển công nghiệp ven biển, các dịch vụ logistics gắn với phát triển ngành công nghiệp tàu thủy và vận tải biển;

+ Đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản, ưu tiên phát triển nuôi biển và đánh bắt xa bờ, gắn với bảo tồn biển và văn hóa biển;

+ Phát triển năng lượng sạch, xanh từ biển, ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, quốc phòng, an ninh;

+ Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học về biển, nhất là các nghiên cứu đánh giá tổng thể về tiềm năng và phát triển khoáng sản rắn, vật liệu xây dựng dưới đáy biển.

2. Phương án phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

- Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng hội nhập. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển đồng bộ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

- Bảo đảm trẻ em trong độ tuổi đi học các cấp mầm non và phổ thông được tiếp cận công bằng cơ hội học tập; nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông. Tuyển dụng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp với cơ cấu theo cấp học và bộ môn; đồng thời xây dựng đủ phòng học, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển giáo dục.

- Tăng cường giáo dục tiếng Anh, AI, triển khai phương pháp giáo dục Stem để chuẩn bị cho nguồn nhân lực chất lượng cao; hình thành một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt trình độ các nước ASEAN - 4, tập trung đào tạo các nghề như: chip bán dẫn, logistics, vận tải, du lịch biển, cơ khí, tự động hóa... Phát triển hệ sinh thái các trường đại học gắn với các viện/trung tâm nghiên cứu và các doanh nghiệp, tập đoàn lớn ở trong nước, quốc tế.

b) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm khoa học và công nghệ, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của quốc gia. Khoa học và công nghệ là động lực trung tâm, là khâu đột phá để đổi mới mô hình tăng trưởng bền vững, trên cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số phục vụ sản xuất và các lĩnh vực đời sống xã hội, thúc đẩy phát triển các ngành công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, cơ khí chính xác, tự động hóa, công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các công nghệ thúc đẩy giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường...

c) Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân ở tất cả các tuyến, khắc phục tình trạng quá tải tại các bệnh viện tuyến thành phố, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới chăm sóc sức khỏe toàn diện. Thúc đẩy chuyển đổi số y tế toàn diện; xây dựng các cơ sở dữ liệu y tế bảo đảm tiêu chuẩn kết nối, chia sẻ và liên thông đồng bộ. Tổ chức triển khai mô hình du lịch y tế tích hợp giữa bệnh viện - khách sạn - khu nghỉ dưỡng - lữ hành. Chú trọng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các trạm y tế xã, phường, phát triển mạng lưới bác sĩ gia đình, nhân viên y tế khối phố và cộng tác viên, kiểm soát hiệu quả các dịch bệnh. Toàn bộ các trạm y tế xã, phường và điểm trạm được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ, có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và thực hiện được đầy đủ các nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu. Phát triển các cơ sở y tế ở khu vực phía Nam và phía Tây, tại các đầu mối giao thông, trục giao thông của khu vực miền núi và trung du, đủ năng lực tiếp nhận khám và điều trị bệnh cho nhân dân trong khu vực không phải chuyển viện. Hoàn thiện hệ thống phục hồi chức năng; kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, kết hợp hiệu quả giữa các cơ sở y tế và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi trên địa bàn thành phố. Chú trọng thu hút nguồn nhân lực y tế chất lượng cao.

d) Văn hóa, thể thao

- Phát triển văn hóa tiên tiến, hiện đại, giàu bản sắc, con người Đà Nẵng nhân văn, sáng tạo, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Chú trọng phát triển văn hóa cơ sở gắn với bảo tồn bản sắc xứ Quảng, bảo tồn văn hóa bản địa của đồng bào các dân tộc, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa.

- Thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các địa bàn đô thị, nông thôn và miền núi và giữa các cộng đồng dân cư. Thiết chế văn hóa các cấp được đầu tư hoàn thiện, hoạt động hiệu quả. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản lịch sử, văn hóa, nhất là di sản đã được tổ chức UNESCO ghi danh di sản văn hóa thế giới như: đô thị cổ Hội An, khu đền tháp Mỹ Sơn và các di tích văn hóa cấp quốc gia. Bảo đảm tất cả di tích đã xếp hạng theo quy định được rà soát, đánh giá hiện trạng, xây dựng phương án bảo vệ và số hóa. Từng bước hình thành hệ sinh thái văn hóa sáng tạo đa dạng. Xây dựng văn hóa, nghệ thuật phát triển toàn diện, sáng tạo, có bản sắc riêng. Giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh.

- Phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao theo hướng bền vững và chuyên nghiệp. Phấn đấu mọi người dân được tiếp cận, tham gia và thụ hưởng các dịch vụ thể dục, thể thao phù hợp. Xây dựng, phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng rộng khắp, nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc và chất lượng đời sống nhân dân. Phát triển các cơ sở thể dục, thể thao quốc gia trên địa bàn thành phố đồng bộ, hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm các điều kiện để đăng cai tổ chức thành công các sự kiện thể thao lớn của Châu Á và thế giới; phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, gắn phát triển thể dục, thể thao với du lịch, dịch vụ và kinh tế thể thao.

đ) An sinh xã hội

Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp người có công, phát triển các hoạt động trợ giúp xã hội cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trong đó ưu tiên trợ giúp người cao tuổi không có người chăm sóc, không có điều kiện sống tại cộng đồng; chăm sóc người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, người khuyết tật nặng không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân bị buôn bán, người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định, người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường.

3. Phương án bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để phát sinh các điểm nóng về an ninh trật tự, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng bộ đội biên phòng mạnh, phối hợp tốt các lực lượng vũ trang bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển đảo; kiểm soát chặt chẽ các địa bàn trọng yếu, các cửa khẩu, ngăn chặn hiệu quả tình trạng buôn lậu và các tệ nạn xuyên biên giới. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Phát triển kinh tế, xã hội, môi trường kết hợp chặt chẽ với củng cố thế trận quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc cả về tiềm lực và thế trận; bảo đảm đủ nguồn lực xây dựng các công trình chiến đấu, công trình phòng thủ, công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính phục vụ huấn luyện và thực hiện các nhiệm vụ khác; sẵn sàng chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống. Xây dựng các khu dân cư và hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng bảo vệ biên giới, biển, đảo; đầu tư xây dựng các công trình có tính lưỡng dụng. Ưu tiên củng cố, cải tạo, xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh phòng thủ tuyến biên giới và trên biển, đảo.

- Ổn định tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương án tổ chức không gian hoạt động kinh tế - xã hội

Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng **theo 03 vùng** gắn với hình thành các hành lang kinh tế và cụm động lực phát triển, nhằm vừa phát huy được tiềm năng, lợi thế của từng vùng lãnh thổ, vừa giảm thiểu tác động xung đột giữa các ngành kinh tế trụ cột... đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững với tầm nhìn dài hạn.

a) Các vùng

- Vùng kinh tế công nghiệp - dịch vụ - đô thị ven biển phía Đông: là vùng động lực kinh tế lớn và chủ yếu, phạm vi không gian bao gồm khu vực đô thị và đồng bằng ven biển. Vùng có lợi thế nổi trội về nhân lực, kỹ năng quản trị và cơ sở hạ tầng đô thị phát triển; là trung tâm chiến lược (*khu thương mại*

tự do và Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Đà Nẵng), có hệ thống hạ tầng kết nối quốc tế, quốc gia đồng bộ (*hệ thống cảng biển Liên Chiểu, Tiên Sa, Chu Lai, Kỳ Hà; cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Chu Lai; đường sắt Bắc - Nam, cao tốc Bắc - Nam, các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ...*); tập trung các hoạt động công nghiệp và dịch vụ (*khu kinh tế mở Chu Lai, các khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, khu du lịch, các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm y tế, văn hóa, thể thao...*), vùng đóng vai trò hạt nhân kinh tế đa chức năng, trung tâm khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đào tạo nhân lực chất lượng cao, chăm sóc sức khỏe... không chỉ của thành phố Đà Nẵng mà cho cả khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Vùng kinh tế nông nghiệp - lâm nghiệp khu vực trung du và miền núi phía Tây: là vùng kinh tế với các hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp là chủ yếu; phát triển kinh tế, dịch vụ gắn với khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang. Phạm vi không gian vùng là toàn bộ khu vực trung du và miền núi phía Tây của thành phố, trong đó:

+ Khu vực trung du có hoạt động kinh tế chủ đạo là sản xuất nông nghiệp, định hướng phát triển hình thành các vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao. Tại các khu vực tiếp giáp vùng đô thị - công nghiệp - dịch vụ phía Đông, sẽ đón nhận một số tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển một số ngành dịch vụ (*chủ yếu là thương mại và du lịch*) và công nghiệp.

+ Khu vực miền núi phía Tây địa hình phức tạp, kinh tế chủ yếu là lâm nghiệp, dân cư thưa thớt được phân bố theo dạng "điểm - tuyến", có vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, thực hiện các chính sách chung về an sinh xã hội... Với diện tích rừng lớn, có tiềm năng lớn về tài nguyên thiên nhiên như vườn quốc gia Sông Thanh, một phần vườn quốc gia Bạch Mã, khu dự trữ thiên nhiên Ngọc Linh, khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la, khu bảo tồn loài và sinh cảnh voi... Khu vực miền núi cao phía Tây có vai trò quan trọng là không gian xanh, bảo vệ nguồn nước, bảo đảm phát triển bền vững của thành phố và của quốc gia. Là vùng phát triển lâm nghiệp, trồng cây dược liệu quý (*sâm Ngọc Linh, quế Trà My, sa nhân, đẳng sâm...*); vùng có diện tích rừng lớn, có tiềm năng về phát triển ngành kinh tế mới "Mua bán tín chỉ carbon"; phát huy các động lực phát triển mới như: du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn sinh thái và văn hóa bản địa, đồng thời phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện địa hình - khí hậu.

- Vùng kinh tế biển - hải đảo: là vùng không gian phát triển kinh tế biển, gồm toàn bộ khu vực ven biển được phân cấp cho thành phố quản lý và vùng quần đảo Hoàng Sa. Ngoài các khu vực phục vụ quốc phòng, an ninh, các khu vực bảo tồn theo quy định của pháp luật, không gian biển và vùng bờ của thành phố Đà Nẵng được định hướng sử dụng như sau:

+ Khu vực ven biển phát triển các ngành kinh tế biển tổng hợp như: du lịch và dịch vụ biển chất lượng cao, thể thao, giải trí biển, kinh tế hàng hải, cảng

biển và logistics, khai thác, chế biến và dịch vụ thủy sản, công nghiệp ven biển, phát triển đô thị biển và mở rộng không gian hướng biển, phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới...

+ Khu vực ngoài khơi tổ chức các hoạt động khai thác hải sản và phát huy vai trò chiến lược của đặc khu Hoàng Sa. Tiếp tục khẳng định vai trò đặc biệt của đặc khu Hoàng Sa trong chiến lược phát triển không gian biển của thành phố và cả nước, với định hướng khai thác, sử dụng theo nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với bảo tồn hệ sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biển, đảo. Chú trọng các hoạt động khai thác thủy sản hợp pháp, có kiểm soát; nghiên cứu tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển mới...

+ Tại các khu vực có giá trị sinh thái đặc thù được định hướng ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học biển, phục hồi hệ sinh thái và bảo vệ môi trường. Phát triển Cù Lao Chàm, hòn Sơn Chà và không gian lân cận, hình thành không gian sinh thái - cảnh quan đặc thù của thành phố, theo hướng bảo tồn nghiêm ngặt hệ sinh thái rừng và biển, đa dạng sinh học, đồng thời khai thác hợp lý các hoạt động du lịch sinh thái, tham quan, nghiên cứu khoa học với quy mô phù hợp, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh và phát triển bền vững.

Tiếp tục rà soát, đánh giá toàn diện hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường đối với các dự án và việc sử dụng không gian biển tại khu vực bán đảo Sơn Trà, làm cơ sở kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh ranh giới khu bảo tồn biển Sơn Trà và thứ tự ưu tiên sử dụng không gian biển theo quy định của pháp luật, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, không làm suy giảm mục tiêu bảo vệ đa dạng sinh học theo quy hoạch cấp quốc gia. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh ranh giới khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân - Sơn Chà theo hướng bảo đảm thống nhất quản lý hành chính, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

b) Các hành lang kinh tế và các cụm động lực

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông gắn với các trục kinh tế dọc Quốc lộ 1A, cao tốc Bắc - Nam, đường ven biển và đường sắt Bắc Nam trong mối quan hệ mật thiết, liên thông, hỗ trợ lẫn nhau và kết nối với các khu vực phát triển của các địa phương lân cận (*thành phố Huế và tỉnh Quảng Ngãi*). Tập trung phát triển các hoạt động kinh tế tại 03 cụm động lực: (1) Cụm động lực đô thị, dịch vụ thương mại, tài chính, du lịch, di sản, văn hóa, phía Bắc (*khu vực trung tâm Đà Nẵng - Hội An - Điện Bàn*); (2) Cụm động lực công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị mới liên kết Bắc - Nam (*khu vực Nam Hội An: Duy Xuyên - Thăng Bình - Quế Sơn*); (3) Cụm động lực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, logistics, khoa học công nghệ phía Nam (*khu kinh tế mở Chu Lai - Tam Kỳ - Núi Thành...*).

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Tây gắn với đường Đông Trường Sơn và đường Hồ Chí Minh, với các hoạt động chính: khai thác, chế biến khoáng sản; nông, lâm nghiệp; bảo tồn, phát huy văn hoá đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số; cửa ngõ giao thương với các tỉnh Tây Nguyên và thành phố Huế.

- Các hành lang kinh tế Đông - Tây kết nối không gian giữa vùng công nghiệp, dịch vụ, đô thị ven biển phía Đông với vùng nông, lâm nghiệp phía Tây theo các trục quốc lộ: (1) Quốc lộ 40B kết nối phát triển đô thị, đồng bằng với miền núi, vùng căn cứ cách mạng, vùng trung du, vùng dược liệu quý; (2) Quốc lộ 14E, 14H và tuyến đường Hồ Chí Minh qua Khâm Đức nối với cửa khẩu quốc tế Bờ Y, là trục giao lưu với khu vực Tây Nguyên, Nam Lào và Bắc Campuchia; (3) Quốc lộ 14D nối với cửa khẩu quốc tế Nam Giang, thúc đẩy giao lưu kinh tế, hàng hóa với các nước trên hành lang kinh tế Đông - Tây 2; (4) Quốc lộ 14G kết nối vùng Đông (trung tâm đô thị) với cửa khẩu Tây Giang. Phát triển các khu vực cửa ngõ: Tây Giang - Kà Lừm, XeKong - Lào, Nam Giang - Đắc Ta Oọc là các khu vực kinh tế cửa khẩu, định hướng phát triển dịch vụ thương mại, du lịch, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Tại các đầu mối giao thông phát triển các dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, trải nghiệm…

2. Phương án phát triển hệ thống đô thị

- Tổ chức mạng lưới đô thị - nông thôn thành phố Đà Nẵng theo mô hình chuỗi đô thị - đa trung tâm, trong đó hạt nhân đô thị Đà Nẵng đóng vai trò động lực dẫn dắt; đảm bảo phát huy vai trò thành phố trực thuộc trung ương, cực tăng trưởng của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, gắn với các hành lang kinh tế Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông – Tây, kết nối khu vực Tây Nguyên, Nam Lào với hệ thống cảng biển, cảng hàng không và các trung tâm đô thị ven biển.

- Nâng cao chất lượng 24 đô thị hiện hữu, phát triển đô thị mới theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo khả năng đáp ứng các tiêu chí theo quy định, trong đó chú trọng mô hình đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD); nghiên cứu phương án khu vực phát triển đô thị mới gắn với chức năng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và trung tâm hành chính, chính trị của thành phố; phương án liên kết các xã, phường để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, thống nhất, đảm bảo phù hợp với tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị.

- Đầu tư nâng cao trình độ, tiêu chuẩn, chất lượng đô thị phấn đấu đến năm 2030 thành phố Đà Nẵng đạt đầy đủ tiêu chuẩn đơn vị hành chính thành phố trực thuộc trung ương theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

3. Phương án phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế, khu công nghiệp

- Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm công nghệ thông tin trọng điểm, đóng vai trò dẫn dắt chuyển đổi số của khu vực và quốc gia. Mở rộng khu công nghệ cao Đà Nẵng hiện hữu. Hoàn thiện hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu công nghệ số tập trung, hoàn thành và vận hành hiệu quả các dự án công nghệ số như: Không gian Sáng tạo Hòa Xuân, Tòa nhà Viettel Đà Nẵng, khu Công nghệ thông tin Đà Nẵng Bay.

- Xây dựng khu kinh tế mở Chu Lai trở thành một trong những hạt nhân, trung tâm phát triển lớn của thành phố, giữ vai trò là khu kinh tế động lực của toàn khu vực miền Trung và cả nước, mở rộng quy mô đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư. Xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang là khu kinh tế logistics giữ vai trò kết nối giữa khu vực miền Trung với vùng Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan.

- Rà soát, phân loại và điều chỉnh chức năng các khu công nghiệp, di dời các ngành ô nhiễm ra khỏi các khu công nghiệp ở trung tâm Đà Nẵng, bố trí lại vào các khu công nghiệp mới có vị trí, địa điểm và hệ thống hạ tầng phù hợp với yêu cầu quản lý, bảo vệ môi trường. Định hướng đến năm 2050, chuyển đổi chức năng và mô hình của một số khu công nghiệp tại khu vực phía Bắc phù hợp với thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Tiếp tục quy hoạch, hoàn thiện các thủ tục thành lập, đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư vào 40 khu công nghiệp, gồm: 19 khu công nghiệp trong khu kinh tế mở Chu Lai và 21 khu công nghiệp ngoài khu kinh tế mở Chu Lai. Nghiên cứu định hướng phát triển các khu công nghiệp mới chủ yếu tại khu vực phía Tây cao tốc Bắc - Nam.

- Ưu tiên quỹ đất công nghiệp tại các khu công nghiệp Bắc Thăng Bình 1, khu công nghiệp Bắc Thăng Bình 2, khu công nghiệp Phú Xuân để hình thành và phát triển trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ silica.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

4. Phương án phát triển các cụm công nghiệp

- Định hướng quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp chuyên ngành, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, chế biến chế tạo, chế biến nông sản, thực phẩm, logistics và một số ngành, nghề khác khuyến khích đầu tư, di dời vào cụm công nghiệp. Tổng diện tích phát triển cụm công nghiệp tối đa 5.000 ha.

- Việc hình thành các cụm công nghiệp được thực hiện theo hướng linh hoạt, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa bàn xã, phường. Định hướng thu hút các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và dịch vụ, ưu tiên các ngành: chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm; dệt may, da giày; cơ khí; công nghiệp môi trường; công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành kinh tế chủ lực của thành phố. Việc phát triển cụm công nghiệp gắn với mục tiêu tạo mặt bằng sản xuất tập trung cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và làng nghề; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn, đồng thời góp phần di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư, bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường và sử dụng đất hiệu quả.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

5. Phương án phát triển các khu du lịch

Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng các khu du lịch, ưu tiên các địa điểm tiềm năng là khu du lịch quốc gia (*bán đảo Sơn Trà, Bà Nà - Suối Mơ, Cù Lao Chàm*), hòn Sơn Chà và các địa điểm ven biển tại vịnh Đà Nẵng để tạo nền tảng phát triển thành khu du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế; phát triển du lịch sinh thái tại

Cù Lao Chàm, đảo Tam Hải và vườn quốc gia sông Thanh; đầu tư các điểm du lịch văn hóa - lịch sử, khu/điểm tham quan, du lịch vui chơi giải trí hiện đại và đặc sắc; khu/điểm du lịch với thiết kế sáng tạo, xanh, mở rộng về phía Nam và phía Tây thành phố. Phát triển hạ tầng phục vụ tuyến tham quan, du lịch biển trên tuyến hàng hải quốc tế gắn với điểm du lịch biển đảo Hoàng Sa.

- Phát triển các khu nghỉ dưỡng, các loại hình cơ sở lưu trú du lịch phù hợp với đặc thù từng không gian du lịch, trong đó định hướng phát triển cơ sở lưu trú du lịch cao cấp, thiết kế sáng tạo, độc đáo, khác biệt, thân thiện môi trường. Khuyến khích nâng cấp, tái cơ cấu các cơ sở lưu trú du lịch theo hướng chuyên nghiệp, xanh và thông minh.

- Phát triển hình thành các mô hình trung tâm/khu/điểm du lịch vệ tinh để hình thành đa dạng các sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với thương hiệu địa phương đồng thời lan tỏa phát triển ra khu vực lân cận.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

6. Phương án phát triển Khu thương mại tự do

Phát triển Khu thương mại tự do Đà Nẵng trở thành mô hình tiên phong với thể chế vượt trội theo tiêu chuẩn quốc tế để thu hút các nhà đầu tư lớn trên thế giới trong các lĩnh vực ưu tiên, tạo động lực tăng trưởng mới và tạo không gian phát triển mới đưa thành phố phát triển nhanh và bền vững. Khu thương mại tự do Đà Nẵng là trung tâm sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tích hợp công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường; là trung tâm dịch vụ logistics và trung chuyển hàng hóa quốc tế, đóng vai trò là đầu mối quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu; là trung tâm thương mại - dịch vụ cao cấp, đạt tiêu chuẩn quốc tế; là trung tâm đổi mới sáng tạo với cơ sở hạ tầng tích hợp, thông minh, hiện đại, hình thành hệ sinh thái sống - làm việc - giải trí đạt tiêu chuẩn quốc tế, thu hút các chuyên gia, nhân tài trên thế giới đến sinh sống và làm việc.

Tập trung đầu tư hạ tầng và đưa vào hoạt động hiệu quả 7 vị trí khu chức năng Khu thương mại tự do Đà Nẵng với tổng diện tích khoảng 1.881ha (*theo Quyết định 1142/QĐ-TTg ngày 13/6/2025*) gắn với cảng biển Liên Chiểu và cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng. Trong quá trình thực hiện, căn cứ nhu cầu thực tiễn, nghiên cứu thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới, phạm vi Khu thương mại tự do Đà Nẵng, trong đó ưu tiên phát triển các khu chức năng sản xuất, logistics quy mô lớn về phía Nam thành phố gắn với khu kinh tế mở Chu Lai, cảng hàng không quốc tế Chu Lai, cảng biển và ga đường sắt, nhằm khai thác hiệu quả chính sách ưu đãi vượt trội đã được thông qua tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

7. Phương án phát triển Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Đà Nẵng

Xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Đà Nẵng hiện đại,

gắn kết chặt chẽ với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghệ số và tài chính bền vững, tạo nền tảng thử nghiệm có kiểm soát cho các mô hình tài chính mới, tiên phong triển khai và mở rộng các sản phẩm tài sản số, thanh toán số, các nền tảng giao dịch và sàn giao dịch chuyên biệt; thúc đẩy tài trợ chuỗi cung ứng, các dịch vụ của bên thứ ba, các tổ chức cho vay không nhận tiền gửi từ công chúng để bổ trợ tương hỗ với thị trường tài chính truyền thống, hình thành các sản phẩm tài chính chuyên biệt, linh hoạt và sáng tạo.

8. Phương án phát triển các khu nghiên cứu, đào tạo

- Đầu tư hiện đại hoá kết cấu hạ tầng, mở rộng không gian phát triển cho các cơ sở giáo dục đại học hoạt động hiệu quả, tạo cơ sở hạ tầng để Đà Nẵng trở thành trung tâm giáo dục và đào tạo chất lượng cao của cả nước và của khu vực ASEAN.

- Phát triển các khu nghiên cứu, đào tạo, hình thành các đô thị đại học, trong đó ưu tiên hoàn thiện không gian khu đại học quốc gia Đà Nẵng. Định hướng phát triển khu đô thị nghiên cứu – đào tạo phía Nam gắn với khu kinh tế mở Chu Lai và đô thị Tam Kỳ, với vai trò trung tâm nghiên cứu, đào tạo đại học, cao đẳng của khu vực, tập trung vào các nhóm ngành mũi nhọn như logistics, cơ khí, điện - tự động hóa; đồng thời hình thành các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và nghiên cứu, phát triển (R&D), trung tâm phát triển và khai thác dữ liệu lớn (Big Data). Sắp xếp lại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo hiện hữu nhằm giảm tải áp lực khu vực trung tâm hiện tại và kiến tạo động lực phát triển mới về phía Nam thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

9. Phương án phát triển các khu thể dục, thể thao

Phát triển các khu thể dục, thể thao, đầu tư hiện đại hoá hạ tầng kỹ thuật, đầu tư cơ sở vật chất, sân vận động đạt chuẩn quốc tế làm tiền đề thúc đẩy phát triển thể thao thành tích cao, đủ điều kiện tổ chức các sự kiện thể thao quốc gia và quốc tế, gắn với phát triển du lịch và thương hiệu Đà Nẵng, phát triển Đà Nẵng là trung tâm thể thao của khu vực miền Trung và Tây Nguyên và vươn tầm quốc tế.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

10. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

a) Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Phát triển khu vực nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng và đặc thù của từng vùng lãnh thổ. Đối với các xã định hướng phát triển đô thị mới, quy hoạch đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phù hợp với định hướng phát triển đô thị. Đầu tư, tạo các liên kết về hạ tầng kỹ thuật với khu vực đô thị để tạo điều kiện phát triển các hoạt động dịch vụ cho đô thị. Tập trung sắp xếp, ổn định dân cư vùng thường xảy ra thiên tai, tổ chức tái định cư, quy hoạch lại khu dân cư an toàn, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp cho người dân.

b) Phương án phát triển các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công

nghệ cao, vùng sản xuất nông nghiệp, cơ sở giết mổ, tiêu hủy động vật và sản xuất thủy sản tập trung

- Phát triển các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đóng vai trò là các trung tâm triển khai mô hình nông nghiệp hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, gắn với công nghiệp chế biến và du lịch sinh thái, thực hiện chuyển giao công nghệ sản xuất tiên tiến cho bà con nông dân, nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp xanh, sản xuất hữu cơ, tăng giá trị gia tăng, giảm phát thải, nâng cao thu nhập người dân nông thôn.

- Xây dựng các cơ sở giết mổ động vật tập trung, điểm tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh tại các địa phương, đảm bảo khoảng cách, tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm và quy định về bảo vệ môi trường.

- Chuyển dịch cơ sở hạ tầng phục vụ nghề cá về phía Nam thành phố; nâng cấp, xây dựng mới các cơ sở đóng, sửa chữa tàu cá; tổ chức sắp xếp, phân khu vực các đối tượng nuôi, hình thức nuôi thủy sản; tái cơ cấu các cơ sở chế biến thủy sản theo hướng chế biến sâu, bảo quản hiện đại.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

11. Phương án phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Củng cố, mở rộng, thành lập mới và quản lý hiệu quả các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng và cơ sở bảo tồn để lưu giữ, bảo tồn và phát triển nguồn gen đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm, mẫu giống cây trồng và vật nuôi.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

- Khoanh vùng không gian các khu vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tại các khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu di tích lịch sử cấp quốc gia và cấp thành phố đã được cấp có thẩm quyền công nhận. Thực hiện các chương trình, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi, tôn tạo các di sản, di tích lịch sử, văn hóa, bảo đảm giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di sản, di tích.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

12. Phương án phát triển các khu quân sự, an ninh

- Các khu quân sự, an ninh được bố trí đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng trên địa bàn được thực hiện theo bản đồ xác định các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng của Bộ Quốc phòng phê duyệt. Điều chỉnh diện tích đất quốc phòng tại một số vị trí, địa điểm được phép đưa ra ngoài khu quân sự để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố khi phương án được Bộ Quốc phòng trình

cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Việc bố trí các khu an ninh trên địa bàn được thực hiện theo quy hoạch của Bộ Công an phê duyệt.

13. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, những khu vực có vai trò động lực

a) Phương án phát triển các khu vực khó khăn

Xác định các khu vực khó khăn trên địa bàn thành phố trên cơ sở danh mục các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong thời kỳ quy hoạch, tiếp tục ưu tiên triển khai các chương trình, dự án đầu tư nâng cấp, cải thiện các công trình hạ tầng thiết yếu như: đường giao thông, cấp điện, cấp nước sinh hoạt, phủ sóng viễn thông, trạm y tế, trường học, nhất là xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới,... kết hợp với xây dựng nông thôn mới, cải thiện mạnh mẽ điều kiện cơ sở hạ tầng tại địa bàn khó khăn. Tổ chức sắp xếp lại dân cư, di dời khỏi các khu vực thường xảy ra thiên tai. Đầu tư các tuyến giao thông kết nối khu vực miền núi phía Tây với vùng đô thị và đồng bằng ven biển để tăng cường giao lưu kinh tế, văn hóa. Thực hiện chính sách hỗ trợ sinh kế người dân thông qua các mô hình sản xuất nông - lâm kết hợp, trồng dược liệu, chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất, cho vay vốn tín dụng; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Cơ Tu, Gié-Triêng, Ca Dong... gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

b) Phương án phát triển các khu vực có vai trò động lực

- Phát triển các khu vực có vai trò động lực tại trung tâm Đà Nẵng - Hội An - Điện Bàn - Thăng Bình - Duy Xuyên - Tam Kỳ - khu kinh tế mở Chu Lai - Núi Thành, nhấn mạnh phát triển vùng phía Nam Hội An, tạo không gian phát triển mới. Phát triển đô thị theo hướng sinh thái, thông minh; hoàn thiện đồng bộ và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng đô thị của thành phố đáng sống, đẳng cấp khu vực Châu Á.

- Các khu vực có vai trò động lực là nơi tập trung thực hiện chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tư nhân; phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệp cơ khí, ô tô, logistics, trung tâm tài chính quốc tế và khu thương mại tự do.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của thành phố với 05 loại hình giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa, đường biển và đường hàng không theo hướng hiện đại, phù hợp với định hướng quy hoạch quốc gia; bảo đảm kết nối nội vùng và liên vùng theo các trục hành lang kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây, kết nối đồng bộ với cả nước và liên thông quốc tế; lấy các đầu mối giao thông cảng hàng không, cảng biển, ga đường sắt, cửa khẩu quốc tế làm trọng điểm.

a) Đường bộ

- Hoàn thiện các trục kết nối Bắc - Nam theo quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia.

- Nâng cấp, mở rộng các trục quốc lộ kết nối Đông – Tây, như: 14D, 14B, 14E, 14G, 14H, 40B, 24C, hình thành mạng lưới giao thông trọng yếu liên kết vùng từ đồng bằng đến miền núi, kết nối thông suốt giữa khu kinh tế mở Chu Lai với khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang và khu vực Tây Nguyên, với các nước theo hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Đầu tư tuyến đường đô thị tốc độ cao kết nối các khu vực đô thị trung tâm Đà Nẵng - Hội An - Điện Bàn - Thăng Bình - Tam Kỳ - Núi Thành, các trục kết nối phục vụ các khu chức năng trong khu kinh tế mở Chu Lai. Nâng cấp, mở rộng hệ thống đường tỉnh gắn kết các hành lang kinh tế, khu kinh tế và các đô thị; phát triển các tuyến đường có tính kết nối liên xã để nâng cấp thành các tuyến đường tỉnh. Xây dựng các cầu qua sông, các khu vực bến, bãi đỗ xe thuận tiện trong các đô thị, các bãi xe thông minh tại các khu vực trọng điểm.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

b) Đường sắt

- Xây dựng các công trình hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy hoạch hệ thống đường sắt quốc gia.

- Xây dựng các tuyến đường sắt địa phương kết nối các đô thị, cảng biển, cảng hàng không, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

c) Cảng hàng không

Phát triển các cảng hàng không theo quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó:

- Nâng cấp cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng quy mô sân bay cấp 4E.

- Đầu tư xây dựng cảng hàng không quốc tế Chu Lai quy mô sân bay cấp 4F, là trung tâm công nghiệp - dịch vụ hàng không, trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế với các hoạt động vận tải hàng hoá, logistics hàng không, trung tâm đào tạo và huấn luyện bay, trung tâm sửa chữa bảo dưỡng các loại máy bay, sản xuất linh kiện, phụ kiện ngành hàng không gắn kết với FTZ Đà Nẵng và các khu công nghiệp công nghệ cao, hình thành trung tâm sản xuất, chế tác, gia công các sản phẩm công nghệ cao, xuất - nhập khẩu đường hàng không.

- Chuyển đổi công năng sân bay quân sự Nước Mặn thành sân bay lưỡng dụng, phát huy động lực từ hàng không chung và phục vụ phát triển kinh tế tầm thấp.

d) Cảng biển

- Phát triển hệ thống cảng biển thành phố Đà Nẵng theo quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam, gắn với phát triển khu thương mại tự do, hệ thống các khu công nghiệp, cảng hàng không, ga đường sắt, hình thành trung tâm logistics đa phương tiện. Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm cảng biển -

dịch vụ logistics container của miền Trung - Tây Nguyên, là đầu mối hàng hoá quan trọng của hành lang kinh tế Đông - Tây, trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế.

- Đầu tư tuyến luồng mới Cửa Lở kết nối vào các khu bến Tam Hiệp - Tam Hòa, Tam Giang, gắn với xây dựng hoàn thiện khu bến cảng Tam Hiệp, Tam Hòa phục vụ trực tiếp cho khu kinh tế mở Chu Lai, gồm: các bến container, tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí, bến cảng khách và các bến cảng phục vụ ngành công nghiệp khác; khu bến cảng Kỳ Hà, Tam Giang phục vụ trực tiếp cho khu kinh tế mở Chu Lai trong giai đoạn 2026-2030 và từng bước chuyển đổi công năng thành khu bến phục vụ chuỗi dự án khí - điện Cá Voi Xanh. Đầu tư xây dựng mới cảng Liên Chiểu là cảng hàng hóa và các bến công vụ, sà lan. Tiếp tục khai thác hiệu quả khu bến Tiên Sa, Thọ Quang phục vụ dân dụng và quốc phòng, an ninh; đồng thời nghiên cứu chuyển đổi cảng Tiên Sa thành cảng chuyên dùng phục vụ du lịch, chuyển đổi chức năng cảng cá của cảng Thọ Quang, phục vụ cho định hướng phát triển mới theo quy hoạch đô thị.

đ) Đường thủy nội địa

- Phát triển các tuyến luồng, cảng, thủy nội địa quốc gia trên địa bàn thành phố theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa của quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phát triển các tuyến luồng, cảng, bến thủy nội địa địa phương phục vụ vận tải hành khách, hàng hóa và đặc biệt là khách du lịch trên địa bàn. Đầu tư nạo vét luồng các tuyến sông Hàn, Vĩnh Điện, Cổ Cò, Trường Giang, Thu Bồn, khai thác vận tải đường thủy nội địa theo hướng Bắc - Nam, Đông - Tây kết nối với các đảo trong vùng không gian biển của thành phố; phát triển đồng bộ hệ thống cảng, bến thủy nội địa, bến bãi tập kết vật liệu xây dựng theo quy hoạch, bảo đảm kết nối hệ thống giao thông đường thủy nội địa với các loại hình giao thông khác.

- Phát triển, nâng cấp hệ thống cảng cá theo hướng hiện đại, chuyển đổi công năng các cảng cá tại nội thành Đà Nẵng phục vụ đa mục tiêu; phát triển các cảng cá chuyên dùng ở khu vực phía Nam, từng bước di dời hoạt động của các cảng cá ở khu vực phía Bắc về phía Nam thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

e) Công trình hạ tầng giao thông khác

- Phát triển hệ thống cảng cạn theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn quốc gia, xây dựng cảng cạn Hòa Nhơn và phát triển cảng cạn tại các khu logistics có đủ điều kiện.

- Bến xe, bãi đỗ xe: xây dựng mới và nâng cấp các bến xe liên tỉnh tại các khu vực: phía Bắc, phía Nam và phía Tây thành phố. Tại các phường, xã xây dựng các bãi đỗ xe theo quy hoạch chung thành phố và các quy hoạch phân khu, phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu dừng, đỗ phương tiện giao thông.

- Xây dựng các trạm dừng nghỉ trên các tuyến cao tốc, quốc lộ theo quy hoạch ngành.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Đầu tư các dự án nguồn điện lớn, lưới điện 500kV, 220kV theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các dự án, công trình lưới điện 110kV để hoàn thiện mạng lưới truyền tải và phân phối điện phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Ưu tiên nguồn điện phục vụ cho sinh hoạt và cho sản xuất tại các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế, khu thương mại tự do, khu công nghiệp, các cụm công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp, các trung tâm du lịch, logistics...

- Khai thác hiệu quả các nhà máy điện hiện hữu, các nguồn năng lượng hóa thạch; thu hút đầu tư phát triển mới các nguồn điện sạch, tái tạo: điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện sản xuất từ chất thải rắn, năng lượng sạch (*hydrogen, amoniac xanh,...),* các nguồn điện tự sản, tự tiêu, điện mặt trời mái nhà; phát triển có chọn lọc các dự án thủy điện; ưu tiên phát triển điện khí trong nước, phát triển các nguồn điện khí LNG nhập khẩu với quy mô phù hợp.

- Phát triển hệ thống lưu trữ năng lượng phù hợp với tỉ lệ năng lượng tái tạo ngày càng tăng để nâng cao độ tin cậy và sự ổn định của hệ thống điện.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn đến năm 2030 và Chương trình quản lý nhu cầu điện quốc gia; triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính trong ngành năng lượng phù hợp với tình hình phát triển thành phố.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, tiếp tục rà soát, đánh giá, kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung các dự án điện lực bảo đảm quy định và các yêu cầu khác có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt

- Phát triển hệ thống kho dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia, đường ống xăng dầu, khí đốt, các dự án xử lý/hoá lỏng khí theo quy hoạch quốc gia. Bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển tuyến đường ống dẫn khí từ khu vực cảng nhập khẩu đến nơi tiêu thụ, gắn với dự án phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng xanh và khu vực cần nguồn cung khí đốt phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đầu tư các tuyến ống khí thấp áp, trạm chiết nạp LPG, CNG và LNG để cung cấp khí cho các khu kinh tế, khu thương thương mại tự do, khu công nghiệp, khu đô thị, các khách hàng dân dụng (*bệnh viện, trường học, khách sạn, khu nghỉ dưỡng…*).

- Đầu tư xây dựng các kho xăng dầu cấp thành phố nhằm bảo đảm dự trữ xăng dầu, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống trên địa bàn.

- Phát triển thêm các cửa hàng xăng dầu gắn với các trạm dừng nghỉ, tại các khu dân cư, khu đô thị mới, trục giao thông chính... phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với mục đích sử dụng đất,

các quy hoạch có liên quan và các điều kiện, tiêu chí của cửa hàng xăng dầu theo quy định hiện hành.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

4. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng mạng cáp viễn thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông khu vực đô thị trên toàn thành phố; xây dựng cột treo cáp viễn thông phù hợp với điều kiện từng khu vực. Phát triển hệ thống cáp quang biển quốc tế, hướng tới hình thành trung tâm dữ liệu quốc gia (HUB) tại Đà Nẵng. Phát triển mới các trạm thu, phát sóng đáp ứng nhu cầu, đảm bảo cung cấp dịch vụ cho mọi người dân. Ưu tiên phát triển trạm thu, phát tại các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các trung tâm logistics, các địa điểm du lịch.

- Duy trì, đồng thời phát triển thêm hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các xã, phường để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của xã hội về dịch vụ viễn thông công cộng.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

5. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, hạ tầng phòng chống thiên tai

- Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm chức năng tạo nguồn, tích trữ và điều hòa nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các ngành kinh tế khác. Tăng cường khả năng tiêu, thoát nước, chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; khai thác hiệu quả các công trình hồ chứa, đập dâng và hệ thống kênh mương hiện có. Nâng cấp, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi gắn với tăng cường công tác quản lý, vận hành nhằm phát huy hiệu quả lâu dài, bảo đảm an toàn công trình và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

- Đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện các công trình cấp nước tập trung khu vực đô thị và nông thôn, đặc biệt tại các vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và hải đảo. Tăng cường kết nối liên thông giữa hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn, nhất là tại khu vực ven đô thị và các khu dân cư tập trung; khai thác nguồn nước từ các công trình thủy lợi, hồ chứa, đập dâng nhằm bảo đảm nguồn cấp nước sinh hoạt ổn định, an toàn.

- Xây dựng các công trình kết nối, điều hòa, liên kết, chuyển nước, tiến tới hình thành mạng lưới liên kết nguồn nước liên vùng, liên lưu vực để tận dụng tối đa tiềm năng nguồn nước cho phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước trước mắt và lâu dài.

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng phòng chống thiên tai: nâng cấp, cải tạo, xây mới các công trình thủy lợi; tiêu, thoát nước và chống ngập úng; phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; phòng, chống lũ, ngập lụt, phòng

chống sạt lở bờ sông, bờ biển…, theo nguyên tắc chủ động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

6. Phương án phát triển hạ tầng thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang

a) Hạ tầng thoát nước thải

- Phát triển hệ thống thoát nước thải đô thị đồng bộ, tách riêng nước thải và nước mưa tại các khu vực xây dựng mới; từng bước cải tạo, tách hệ thống tại khu vực đô thị hiện hữu. Nước thải được thu gom về các nhà máy xử lý nước thải tập trung theo lưu vực thoát nước, bảo đảm xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Đầu tư mở rộng, nâng công suất các nhà máy xử lý nước thải hiện có; xây dựng mới các trạm xử lý tại các khu vực phát triển đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư tập trung, gắn với mạng lưới tuyến cống thu gom và trạm bơm nước thải.

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới thu gom nước thải toàn thành phố, tăng tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đô thị, góp phần bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng nước sông, hồ và vùng ven biển, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

b) Hạ tầng xử lý chất thải rắn

- Tiếp tục đầu tư tiến tới hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải rắn (*điểm tập kết, trạm trung chuyển, trạm phân loại, khu xử lý, khu liên hợp xử lý...*) với công nghệ tiên tiến, kết hợp thu hồi năng lượng, nhằm giảm thiểu và kiểm soát chất thải thứ cấp phát sinh, hạn chế tối đa lượng chất thải chôn lấp trực tiếp.

- Đầu tư cải tạo, mở rộng, hoàn thiện các khu liên hợp xử lý chất thải rắn, gồm: Khánh Sơn, Đại Lộc, Quế Cường, Nam thành phố và khu xử lý chất thải rắn Hội An , các khu xử lý chất thải rắn phân tán tại khu vực nông thôn, trung du, miền núi,… đảm bảo xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp phát sinh; kêu gọi, đầu tư các nhà máy xử lý, tái chế, gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bùn thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn từ công tác cắt tỉa cây xanh...;

- Sau năm 2030, tiếp tục đầu tư cải tạo mở rộng hạ tầng kỹ thuật khu liên hợp xử lý chất thải rắn Quế Cường, khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam thành phố bao gồm các công năng, hạng mục công trình đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn của thành phố và mục tiêu hướng đến nền kinh tế tuần hoàn.

c) Nghĩa trang

Khoanh vùng đóng cửa các nghĩa trang nhỏ không đảm bảo cách ly trong các khu dân cư và tiến tới di dời về khu nghĩa trang tập trung theo quy hoạch. Định hướng quy hoạch các nghĩa trang tập trung quy mô lớn cho khu vực liên xã tại khu vực phía Tây cao tốc Bắc - Nam, đảm bảo khoảng cách với khu dân cư

và đô thị theo quy chuẩn xây dựng, khuyến khích xã hội hóa mô hình công viên nghĩa trang. Quy hoạch xây dựng cơ sở hoả táng tại các nghĩa trang được quy hoạch xây dựng mới.

(Chi tại Phụ lục XVIII kèm theo)

7. Phương án phát triển không gian ngầm

- Định hướng phát triển không gian ngầm tại khu vực trung tâm. Xây dựng hệ thống không gian ngầm tại các công trình công cộng, dịch vụ, nhà cao tầng, các nút giao thông trọng điểm, các khu vực nhà ga, tuyến đường sắt đô thị…; đồng thời, kết nối với bãi đỗ xe và hầm giao thông ngầm để tạo thành một không gian ngầm hoàn chỉnh, đa năng; khuyến khích khai thác không gian ngầm làm bãi đỗ xe kết hợp thương mại dịch vụ.

8. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

Xây dựng và phát triển hợp lý mạng lưới hạ tầng phòng cháy, chữa cháy; hoàn thiện tổ chức, mô hình phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Hệ thống hạ tầng đô thị, hạ tầng các khu chức năng phải đáp ứng yêu cầu phục vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: công trình giao thông phải đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy (*bảo đảm chiều cao, chiều rộng thông thuỷ, tải trọng của đường, cầu cống, bãi đỗ xe và bãi quay đầu xe cho xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy hoạt động*). Hệ thống cung cấp nước chữa cháy đảm bảo đáp ứng kịp thời nước chữa cháy theo quy định. Hệ thống thông tin liên lạc phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ phải đảm bảo tuân thủ theo quy định và được kết nối với các địa phương lân cận và trung ương.

- Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại trung tâm các xã, phường, các khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu thương mại tự do, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Xây dựng mới, nâng cấp hệ thống các trường học từ mầm non đến phổ thông, trường phổ thông liên cấp, cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục chuyên biệt, bảo đảm kiên cố, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn theo quy định và phục vụ nhu cầu của nhân dân. Bố trí đủ quỹ đất cho giáo dục bảo đảm đủ tiêu chí diện tích đạt chuẩn quốc gia; ưu tiên bố trí quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước được giao quản lý, trụ sở công dôi dư để thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; sử dụng đất ở, đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp không phải là công trình giáo dục và đào tạo, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp sang sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo không phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Phân bố trường học phù hợp với quy mô dân

số, số lượng học sinh của từng địa bàn, bảo đảm bán kính phục vụ hợp lý. Đầu tư trang thiết bị cho các trường phổ thông theo hướng chuẩn hóa và tiến tới hiện đại, nhằm phục vụ tốt công tác giảng dạy - học tập.

Xây dựng mới, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học đối với các cơ sở giáo dục đại học, huy động các nguồn vốn đầu tư hoàn thiện 02 khu đô thị đại học (*khu đại học phía Bắc để phát triển Đại học Đà Nẵng thành đại học quốc gia; khu đô thị nghiên cứu – đào tạo phía Nam gắn với khu kinh tế mở Chu Lai và đô thị Tam Kỳ*). Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp gắn với các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, trung tâm logistics…, hình thành các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, chuyển đổi số quốc gia và quốc tế.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

2. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ tạo nền tảng vật chất - kỹ thuật để thực hiện mục tiêu đưa Đà Nẵng trở thành trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, có vai trò lan tỏa đối với khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Nâng cấp hạ tầng nghiên cứu - phát triển (R&D) trọng điểm cấp thành phố và cấp vùng; phát triển hạ tầng đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; hình thành phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ. Phát triển khu đô thị khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng y tế

Phát triển mạng lưới cơ sở y tế đồng bộ theo mô hình đa tầng: xã, phường - khu vực - thành phố, giảm áp lực cho vùng lõi đô thị và bảo đảm quy chuẩn hiện hành, gắn với không gian phát triển của thành phố; đảm bảo mọi người dân được tiếp cận thuận lợi đối với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cơ bản và chất lượng cao. Các bệnh viện trung ương thực hiện theo quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây mới các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa công lập của thành phố đạt quy mô, trình độ cấp quốc gia, cấp vùng. Xây dựng, nâng cấp, cải tạo một số bệnh viện đa khoa khu vực, trung tâm y tế khu vực. Thu hút đầu tư các bệnh viện tư nhân, quốc tế chất lượng cao và phát triển dịch vụ y tế trở thành một trong những ngành kinh tế - xã hội quan trọng của thành phố, thúc đẩy phát triển du lịch y tế. Phát triển, cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm y tế cấp xã và các điểm trạm đảm bảo quy định tiêu chuẩn về bán kính, quy mô dân số phục vụ, đặc biệt đối với khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi. Xây dựng các cơ sở y tế dự phòng, dân số, mạng lưới cấp cứu ngoại viện, … hình thành mạng lưới cơ sở y tế đồng bộ, hiện đại, chất lượng cao. Định hướng Đà Nẵng đóng vai trò là trung tâm y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân cho cả vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

4. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

- Hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thành phố; nâng cấp các thiết chế văn hóa thể thao cấp xã đạt chuẩn. Đầu tư hạ tầng bảo đảm kết nối số của các thư viện cấp thành phố và hệ thống thư viện quốc gia, hạ tầng văn hóa số, hạ tầng trung tâm văn hóa - nghệ thuật sáng tạo. Quan tâm đầu tư hạ tầng văn hóa, thể thao tại các xã miền núi.

- Đầu tư và kêu gọi đầu tư các dự án văn hóa, thể thao quy mô lớn như: nhà hát lớn thành phố, quảng trường trung tâm thành phố, công viên lễ hội sự kiện quốc tế, trường quay và trung tâm hậu kỳ điện ảnh, trung tâm chiếu phim quốc gia, trung tâm biểu diễn nghệ thuật, các bảo tàng chuyên đề, trung tâm văn hóa - điện ảnh - hội nghị, thư viện khoa học tổng hợp cấp vùng, các thư viện chuyên đề, các công viên văn hóa chuyên đề...; sân vận động quy mô quốc tế, khu phức hợp thể thao, nhà thi đấu thể thao đa năng, thể thao điện tử (*eSport*), trường đua thể thao công thức 1 (*cho ô tô, mô tô 2 bánh*), trường đua ngựa, khu tổ chức sự kiện lớn… đủ điều kiện tổ chức các sự kiện thể thao, văn hóa, các chương trình biểu diễn văn hóa, nghệ thuật quy mô lớn và đăng cai các sự kiện thể thao, các chương trình văn hóa cấp quốc gia và quốc tế, gắn với hoạt động du lịch.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Phát triển hạ tầng thương mại theo mô hình phân tầng chức năng, gắn kết giữa chợ truyền thống - trung tâm bán buôn - trung tâm phân phối - trung tâm thương mại - logistics, phù hợp với tổ chức không gian đô thị và liên kết vùng; hình thành các trung tâm bán buôn, trung tâm mua sắp tập trung quy mô lớn (outlet) gắn với chợ đầu mối và khu logistics. Hình thành và phát triển chợ đầu mối tổng hợp quốc tế thành trung tâm phân phối hàng hóa có quy mô lớn, kết nối sản xuất và thị trường tiêu thụ của khu vực miền Trung - Tây nguyên, cả nước và khu vực Đông Nam Á.

- Đầu tư xây dựng mới hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại như trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế, các trung tâm thương mại, siêu thị, kết hợp với tái cấu trúc hạ tầng thương mại truyền thống theo hướng xây mới có chọn lọc các chợ đầu mối, chợ hạng I; phát triển chợ đêm, phố chuyên doanh và các hình thức kinh doanh thương mại mới phục vụ du lịch và kinh tế đêm.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

6. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

- Đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, củng cố và nâng cao chất lượng các cơ sở trợ giúp xã hội đã hình thành và đi vào hoạt động; đầu tư xây dựng mới các cơ sở bảo trợ xã hội công lập chăm sóc cho người cao tuổi, người khuyết tật và người tâm thần.

- Kêu gọi, thu hút đầu tư các cơ sở hạ tầng an sinh xã hội cao cấp: viện dưỡng lão, cơ sở chăm sóc người cao tuổi để tổ chức dịch vụ phục vụ các đối

tượng tự nguyện theo nhu cầu (khuyến khích đầu tư xây dựng mô hình viện dưỡng lão, các cơ sở y tế chăm sóc sức khỏe chất lượng cao trong các dự án, khu đô thị du lịch kết hợp với phát triển du lịch).

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV kèm theo)

VII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế; được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo động lực cho sự phát triển của thành phố.

Việc phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất phải bảo đảm phù hợp với nhu cầu sử dụng đất, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của thành phố, phù hợp với định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, định hướng phát triển không gian không để xảy ra xung đột về ranh giới, phân vùng, cơ cấu sử dụng đất, đồng thời bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN MỞ RỘNG KHÔNG GIAN HƯỚNG BIỂN

Định hướng mở rộng không gian hướng biển tại các trục phát triển ven biển; thực hiện lấn biển tại những khu vực phù hợp, nhằm tạo thêm không gian và động lực phát triển hành lang kinh tế ven biển, hình thành các khu đô thị lấn biển hiện đại gắn với các chức năng kinh tế chiến lược như: khu thương mại tự do, trung tâm tài chính, du lịch, thương mại, đổi mới sáng tạo, công nghệ số, văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí v.v.., có trình độ phát triển ngang tầm khu vực và thế giới, là nơi thu hút giới tinh hoa đến sinh sống, làm việc, tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội thành phố trong kỷ nguyên mới.

Hoạt động lấn biển chỉ thực hiện trên cơ sở điều tra, đánh giá thực tế, đảm bảo nguyên tắc không làm suy thoái, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, các hệ sinh thái và giữ gìn được các giá trị văn hóa - lịch sử. Cụ thể các khu vực lấn biển được xác định trong quy hoạch đô thị và nông thôn theo pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn, pháp luật môi trường, pháp luật đất đai và các quy định liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng môi trường

Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ, được đặt ở vị trí

trung tâm của các quyết sách; phát triển kinh tế hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế. Thực hiện phương án phân vùng môi trường theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và các vùng khác. Việc phân vùng môi trường được thực hiện đảm bảo theo tiêu chí về yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường nhằm mục tiêu giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường trên cơ sở quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Phương án quan trắc môi trường

Triển khai thực hiện quan trắc các thành phần môi trường theo quy định, từng bước hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới quan trắc các thành phần môi trường, phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia. Theo dõi, giám sát chất lượng môi trường thành phố một cách hệ thống, toàn diện và khoa học nhằm đánh giá hiện trạng, diễn biến và phát hiện sớm dấu hiệu ô nhiễm môi trường theo không gian và thời gian; tạo cơ sở dữ liệu môi trường tích hợp với hệ thống quốc gia; đáp ứng yêu cầu công bố, công khai, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường phục vụ công tác quản lý và điều hành trên địa bàn thành phố.

c) Phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

Bảo tồn giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên nhằm phục hồi và duy trì các hệ sinh thái tự nhiên, ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học trên cơ sở củng cố, mở rộng, thành lập mới và quản lý hiệu quả các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng và cơ sở bảo tồn để lưu giữ, bảo tồn và phát triển nguồn gen đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm, mẫu giống cây trồng và vật nuôi.

Bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù của thành phố; sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học theo hướng bền vững phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường của thành phố; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả công tác quản lý và nhận thức cộng đồng về đa dạng sinh học; từng bước tạo sự chia sẻ trách nhiệm và lợi ích cộng đồng trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

d) Phương án phát triển rừng bền vững

Tập trung phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển sinh kế cho đồng bào các dân tộc nhất là vùng núi phía Tây của thành phố.

Tổ chức bảo vệ diện tích rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp là 773.741 ha (trong đó: rừng đặc dụng 178.138 ha, rừng phòng hộ 311.095 ha và rừng sản xuất 284.508 ha), nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, khoanh nuôi phục hồi rừng. Thực hiện giao rừng, cho thuê rừng, đảm bảo diện tích rừng và đất lâm nghiệp có chủ quản lý; hoàn thành giao rừng đối với diện tích rừng tự nhiên

hiện có, rà soát giao diện tích đã có rừng nhưng chưa hoàn thiện thủ tục giao đất, giao rừng để người dân ổn định phát triển sản xuất và giao diện tích đất chưa có rừng thuộc quy hoạch lâm nghiệp cho người dân để tổ chức phát triển sản xuất; rà soát đất sản xuất của người dân đang sử dụng trong rừng phòng hộ, đặc dụng nhằm xác định rõ quy hoạch sử dụng trong thời gian tới để tổ chức sản xuất; xây dựng phương án hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư đối với diện tích đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân nhưng cần thiết phải giữ lại theo quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVII kèm theo)

2. Phương án khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên. Các hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản phải theo quan điểm phát triển bền vững, không gây tổn hại môi trường, lãng phí tài nguyên khoáng sản.

- Các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản và các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia bao gồm: các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định của pháp luật hiện hành; khu vực dự kiến phát triển hạ tầng, khu đô thị, khu công nghiệp trong tương lai; khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cần tiếp tục đánh giá tác động; khu vực có khoáng sản nhưng điều kiện khai thác chưa phù hợp (môi trường, công nghệ, thị trường); khu vực đang nghiên cứu, đánh giá để phục vụ các mục tiêu bảo tồn hoặc phát triển khác; khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản dành cho mục đích quốc phòng.

- Đối với khoáng sản Nhóm I, Nhóm II:

Tuân thủ nghiêm ngặt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản Nhóm I, Nhóm II của quốc gia. Thành phố thực hiện trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương trong công tác quản lý, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, bảo đảm an ninh trật tự và bảo vệ môi trường.

Đối với các khu vực khoáng sản Nhóm I, Nhóm II được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khoanh định, công bố là khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ: Tổ chức tiếp nhận, đưa vào phương án quản lý và thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản theo đúng thẩm quyền được phân cấp. Quản lý khai thác vàng theo hướng bền vững, sử dụng công nghệ tiên tiến, hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường; thành lập một số nhà máy chế biến tại các địa điểm phù hợp để gia tăng giá trị. Khai thác cát trắng, tận thu cát trắng tại các địa điểm triển khai xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở, công nghiệp, khu kinh tế,... để phục vụ cho việc phát triển trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ silica.

- Khai thác các điểm mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho phát triển hạ tầng, đô thị và các công trình kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đánh giá, thăm dò bổ sung một số mỏ mới tại các xã, phường hiện chưa có mỏ để bảo đảm cân đối nguồn cung vật liệu xây dựng trong

dài hạn.

- Cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản theo từng giai đoạn đối với các điểm mỏ cát xây dựng, cát sỏi lòng sông nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu san lấp và xây dựng cho khu vực đô thị và các dự án hạ tầng. Ưu tiên phát triển vật liệu thay thế, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện môi trường, phù hợp định hướng đô thị xanh - bền vững, từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào vật liệu truyền thống khai thác từ tài nguyên thiên nhiên; gắn sử dụng vật liệu thay thế với kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và áp lực lên tài nguyên khoáng sản.

- Cấp phép thăm dò, khai thác các điểm mỏ sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói trên địa bàn thành phố, bảo đảm nguồn cung ổn định. Khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ khai thác - chế biến, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải.

- Cấp phép thăm dò và khai thác các điểm mỏ đất san lấp có trữ lượng quy mô vừa đến lớn nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu san lấp cho các dự án hạ tầng kỹ thuật, giao thông và phát triển đô thị trên địa bàn thành phố và khu vực lân cận.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVIII kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Việc phân bổ nguồn nước phải bảo đảm linh hoạt, công bằng, hiệu quả, hợp lý giữa các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên cơ sở hiện trạng, chức năng nguồn nước, yêu cầu duy trì dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất và khả năng đáp ứng của nguồn nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước và đảm bảo nguyên tắc sau:

- Trong mọi trường hợp, ưu tiên đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt.

- Trong điều kiện bình thường, đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho các ngành theo nhu cầu, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước. Nước mặt là nguồn cung cấp chính cho các hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn thành phố.

- Trong trường hợp hạn hán thiếu nước, thứ tứ thự ưu tiên cấp nước như sau: sinh hoạt và dịch vụ 100%; công nghiệp 80% (trong đó ưu tiên đảm bảo tối đa nhu cầu nước cho các nhà máy trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp sử dụng nước đem lại hiệu quả kinh tế cao); nông nghiệp 80% (trong đó ưu tiên đảm bảo 100% cho chăn nuôi).

b) Xác định nguồn nước dự phòng cấp nước cho sinh hoạt đô thị

- Vùng hạ lưu Vu Gia - Thu Bồn: ưu tiên nguồn nước các hồ Hòa Trung, sông Bắc (thuộc lưu vực sông Cu Đê) và Đồng Nghệ để cấp cho các xã, phường; ưu tiên nguồn nước sông Vĩnh Điện và nguồn nước dưới đất cho các xã, phường: Hội An, Hội An Tây, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, Điện Bàn Bắc, An Thắng, Gò Nổi và Thu Bồn. Trong đó hồ Đồng Nghệ chỉ dùng để dự phòng cấp nước cho nông nghiệp, nguồn nước dự phòng cấp nước sinh hoạt chủ yếu tại hồ Hòa Trung.

- Lưu vực sông Tam Kỳ thuộc vùng phụ cận: ưu tiên nguồn nước hồ

Phú Ninh và nguồn nước dưới đất cho các phường: Bàn Thạch, Hương Trà, Quảng Phú và Tam Kỳ.

- Lưu vực sông Cu Đê: nghiên cứu, xây dựng mới hồ chứa nước sông Bắc với dung tích hữu ích khoảng 50 triệu m3 để phát triển nguồn nước và đảm bảo an ninh nguồn nước cho thành phố Đà Nẵng.

c) Bảo vệ tài nguyên nước

- Bảo vệ các nguồn nước mặt bao gồm các hoạt động: quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; bảo đảm lưu thông dòng chảy; phòng, chống và phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; cải thiện khả năng chịu tải của nguồn nước mặt; bảo vệ các nguồn nước mặt có chức năng điều hòa, cấp nước, phòng, chống ngập úng; các nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn giá trị văn hóa, đa dạng sinh học và phát triển du lịch; bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy; bảo vệ môi trường nước mặt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, duy trì, mở rộng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước; xây dựng và nâng cấp hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất, thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác và phòng ngừa, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các nguồn thải.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, tổ chức thực hiện việc khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

d) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Thực hiện các giải pháp công trình: phòng chống sạt lở bờ sông, phòng chống ngập lụt, phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn, chống xói lở bờ biển… nhằm bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh, khu dân cư, vùng sản xuất, canh tác nông nghiệp; nâng cấp, xây mới các hồ chứa nước; cải tạo và nâng cấp công trình mạng lưới thoát nước tại các khu vực đô thị thường xuyên bị ngập úng.

- Thực hiện các giải pháp phi công trình: khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên dải ven biển, ven sông bảo đảm không phá vỡ sự ổn định dải ven bờ; định kỳ quan trắc, theo dõi diễn biến xói lở bờ sông, bờ biển, bồi lấp cửa sông về phạm vi, cường độ, hướng dịch chuyển bờ. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm soát xói lở bao gồm: bản đồ hiện trạng, bản đồ dự báo, cảnh báo khả năng xói lở, bồi lấp ở vùng cửa sông, ven biển; tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển; xây dựng mô hình chăn nuôi, chuyển đổi giống cây trồng đáp ứng được những điều kiện thay đổi bất thường của thời tiết; sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước vào các mặt ruộng, các hệ thống sông, kênh trục nội đồng để cung cấp nước tạo nguồn cho các trạm bơm trong hệ thống; sử dụng tài nguyên nước mặt thay thế tài nguyên nước dưới đất cho các khu vực trọng điểm…

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, xói lở bờ sông, bờ biển..., kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình; bảo đảm an toàn trước các tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước gây ra cho các đô thị, khu dân cư, hoạt động sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi.

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai và phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai, xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai. Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, xói lở bờ sông, bờ biển. Bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa.

- Phòng, chống thiên tai theo hướng chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp hiệu quả giữa giải pháp công trình và phi công trình. Tăng cường khả năng ứng phó với các loại hình thiên tai như: lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ quét, sạt lở đất, xói lở bờ sông, bờ biển; giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản và hạ tầng. Triển khai đồng bộ các giải pháp chủ động phòng chống thiên tai: tạo nguồn, tích trữ, điều hòa nguồn nước; nâng cấp, cải tạo các hệ thống thủy lợi; khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước; tiêu, thoát nước và chống ngập úng; phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; phòng, chống lũ, ngập lụt và các loại hình thiên tai khác. Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo sớm; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội…

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động lưu lượng lũ về các hồ chứa thủy điện, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc ra quyết định điều tiết lũ. Lắp đặt các thiết bị quan trắc mưa, thiết bị cảnh báo sạt lở đất… và xây dựng phần mềm cảnh báo sạt lở đất theo thời gian thực tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất. Chủ động phòng tránh bão lũ theo các cấp độ rủi ro thiên tai, nhất là tại khu vực ven biển, ven sông, vùng có khả năng cao về lũ ống, lũ quét, sạt lở đất. Bảo đảm an toàn cho các đô thị, khu dân cư, hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch và các lĩnh vực khác. Sắp xếp dân cư khu vực miền núi, khu vực đồng bằng bị ảnh hưởng bởi thiên tai lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt; xây dựng các nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh, trú bão, lũ cho nhân dân tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của bão, lũ.

- Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng. Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến thiên tai, tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, hoạt động kinh tế - xã hội và các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực, nhằm xác định tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.

- Ứng dụng AI và phân tích dữ liệu lớn trong dự báo mưa - lũ - ngập,

nâng cao độ chính xác cảnh báo sớm và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực cho công tác chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai. Xây dựng hệ thống phòng chống thiên tai thông minh, tích hợp với đô thị thông minh của thành phố Đà Nẵng, phục vụ quản lý rủi ro tổng hợp và hỗ trợ ra quyết định chiến lược trong quy hoạch, đầu tư và phát triển hạ tầng đến năm 2050.

b) Phương án chống chịu, khắc phục sự cố thiên tai

Xây dựng trung tâm điều hành phòng chống thiên tai của thành phố hiện đại, ứng dụng khoa học, công nghệ trong giám sát và điều hành; xây dựng nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai. Xây dựng và duy trì hoạt động "Đội xung kích phòng chống thiên tai" nòng cốt là dân quân tự vệ và thanh niên tại mỗi phường, xã và thường xuyên tập huấn kỹ năng cứu hộ, cứu nạn; thực hiện phương châm "4 tại chỗ".

Khi có thông tin bão hoặc mưa lớn kéo dài, triển khai đồng bộ các biện pháp: dự trữ lương thực và vật tư cứu hộ tại các khu vực dễ bị chia cắt; triển khai sơ tán dân ở những khu vực trũng thấp và vùng có nguy cơ sạt lở núi; sử dụng các công trình công cộng (*trường học, trụ sở ủy ban nhân dân*) và các nhà sinh hoạt cộng đồng phòng chống thiên tại làm điểm lưu trú an toàn, đảm bảo hậu cần đầy đủ. Chốt chặn các điểm ngập sâu và khu vực sạt lở.

Tập trung nguồn lực để kịp thời khắc phục thiên tai, ổn định đời sống nhân dân: khôi phục hệ thống cấp điện, cấp nước, viễn thông; vệ sinh môi trường và y tế, xử lý nước sinh hoạt và phun thuốc phòng chống dịch bệnh tại các khu dân cư bị ngập sâu; sử dụng quỹ phòng chống thiên tai và ngân sách dự phòng để hỗ trợ sửa chữa nhà ở và các công trình công cộng, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi cho nông dân.

c) Phương án phòng chống lũ tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

Quan điểm phòng chống lũ cho thành phố Đà Nẵng chủ yếu là chủ động phòng tránh, thích nghi và giảm nhẹ thiệt hại, trong đó tập trung chống lũ sớm, lũ tiểu mãn, lũ muộn để đảm bảo sản xuất 2 vụ lúa và giảm thiệt hại do lũ gây ra.

Tiêu chuẩn phòng chống lũ: chống lũ bảo vệ sản xuất với tần suất 5% (chống lũ sớm); giảm thiểu mức độ và thời gian ngập lũ chính vụ tần suất 10% vùng hạ lưu; chống lũ chính vụ tần suất 5%; khi xây dựng các công trình công cộng (bệnh viện, nhà tránh lũ, cơ sở hạ tầng khác…) ở khu vực đô thị cần có cao trình cao hơn mực nước lũ chính vụ tần suất 5% sau khi có sự tham gia cắt lũ của các công trình hồ chứa thượng nguồn.

Phương án phòng, chống lũ:

- Giải pháp phi công trình: trồng rừng, bảo vệ rừng; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; xây dựng hệ thống cảnh báo lũ và xây dựng bản đồ cảnh báo ngập lụt; giải pháp vận hành hồ chứa; quy hoạch các khu dân cư, khu sản xuất tập trung; nâng cao nhận thức cộng đồng; ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng chống lũ.

- Giải pháp công trình: củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, kè chống sóng; duy tu, bảo dưỡng các hồ chứa đảm bảo chống lũ an toàn cho bản thân công trình; kiên cố hóa kênh mương; xác định không gian thoát lũ (cắm mốc chỉ giới không gian thoát lũ) và quản lý chặt chẽ việc bảo đảm duy trì không gian thoát lũ; xây dựng các công trình bảo vệ bờ, chỉnh trị sông; xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa các điểm tránh lũ; nạo vét, khơi thông dòng chảy các tuyến sông, tuyến kênh tiêu trên địa bàn thành phố để tăng khả năng tiêu thoát nước, giảm ngập cho các khu vực.

X. DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, QUY MÔ LỚN

(Chi tiết tại Phụ lục XXIX kèm theo)

XI. CÁC GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Về huy động và sử dụng nguồn lực

a) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhà nước

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, điều hành năng động, hiệu quả thực hiện đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số, tạo điều kiện nền tảng để tăng nguồn thu ngân sách. Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế đặc thù về tài chính, ngân sách đã được Quốc hội cho phép để tạo dư địa đầu tư phát triển.

- Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, tài sản công; xây dựng và triển khai thực hiện một số chính sách để huy động nguồn vốn từ tài nguyên đất đai, như tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất. Rà soát lại toàn bộ quỹ đất, trụ sở, tài sản công sau sáp nhập, xử lý dứt điểm các khu đất, tài sản sử dụng kém hiệu quả, dôi dư để tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo cơ chế thị trường, công khai, minh bạch; gắn khai thác đất đai với phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

- Chủ động xây dựng kế hoạch tài chính, ngân sách trung hạn, bảo đảm tính đồng bộ giữa quy hoạch, kế hoạch đầu tư công và khả năng cân đối nguồn lực. Sử dụng ngân sách đảm bảo nguyên tắc chi đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả. Rà soát, điều chỉnh cơ cấu chi ngân sách theo hướng tập trung cho đầu tư phát triển nhằm tạo động lực tăng trưởng dài hạn, phù hợp với định hướng của trung ương về phát triển nhanh và bền vững; giảm chi nhiệm vụ thường xuyên một cách hợp lý; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công trong bối cảnh nhu cầu đầu tư ngày càng lớn.

b) Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư của kinh tế tư nhân trong nước và vốn đầu tư nước ngoài

Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, huy động hiệu quả nguồn lực xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và sức chống chịu của kinh tế thành phố trong dài hạn. Xác định thu hút đầu tư từ kinh tế tư nhân là nguồn lực chính để phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị. Triển khai thực hiện các mô hình đối tác công - tư (PPP) tập trung vào các lĩnh vực mới như: hạ tầng số, xử lý rác thải công

nghệ cao, y tế và giáo dục chất lượng cao, hạ tầng giao thông,... Ưu tiên bố trí phù hợp các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thúc đẩy thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn theo phương châm "lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư". Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất xung quanh các trục giao thông công cộng để thu hút các doanh nghiệp bất động sản tư nhân phát triển các khu đô thị tích hợp. Khơi thông nguồn lực từ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy các vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư các ngành công nghiệp phụ trợ.

Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và khả năng lan tỏa làm tiêu chí ưu tiên, phù hợp với định hướng phát triển nhanh, bền vững và tự chủ của nền kinh tế. Điều chỉnh chuyển từ thu hút FDI "diện rộng" sang "chiều sâu", tập trung vào các tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực công nghệ. Phát huy vai trò và cơ chế "Khu thương mại tự do" để thu hút các nhà đầu tư logistics, sản xuất công nghệ cao và dịch vụ tài chính quốc tế với ưu đãi thuế quan và thủ tục hải quan tối giản. Hỗ trợ các dự án FDI hiện hữu mở rộng quy mô, tạo hiệu ứng lan tỏa thu hút các nhà đầu tư vệ tinh.

c) Đẩy mạnh huy động vốn thông qua hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Đà Nẵng

Việc thành lập và vận hành Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Đà Nẵng là bước ngoặt chiến lược để thành phố huy động các nguồn lực tài chính lớn từ thế giới. Dựa trên mô hình "một trung tâm, hai điểm đến" và các cơ chế đặc thù từ Nghị quyết 136/2024/QH15 và Nghị quyết 259/2025/QH15, triển khai các phương án cơ chế huy động vốn qua các kênh tài chính mới như: phát hành trái phiếu xanh (Green Bonds) để huy động vốn cho các dự án năng lượng tái tạo, xử lý rác thải và đô thị thông minh; thí điểm cơ chế Sandbox (khung quản lý thử nghiệm) để huy động vốn thông qua các loại hình tài sản số, tiền điện tử có kiểm soát và các dịch vụ thanh toán mới, thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm và công ty Fintech toàn cầu; hình thành sàn giao dịch hàng hóa quy mô khu vực, giúp các doanh nghiệp trong nước huy động vốn lưu động và phòng ngừa rủi ro biến động giá cả thông qua các hợp đồng tương lai.

2. Về phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, xây dựng chính quyền kiến tạo; đào tạo bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm tính chuyên nghiệp, giỏi về chuyên môn, ngoại ngữ, có đạo đức công vụ.

- Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, tham gia thiết kế chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo đơn đặt hàng; đẩy mạnh các mô hình hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, giữa nhà nước và tư nhân trong đào tạo nguồn nhân lực. Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của thành phố như công nghệ cao, công nghiệp số, logistics, du lịch chất lượng cao, dịch vụ tài chính, nông nghiệp

công nghệ cao và kinh tế xanh.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, lao động có kỹ năng cao trong và ngoài nước đến làm việc, sinh sống lâu dài tại thành phố Đà Nẵng. Gắn chính sách thu hút nhân lực với các chính sách về nhà ở, điều kiện làm việc, môi trường sống, giáo dục, y tế và cơ hội phát triển nghề nghiệp.

- Phát huy vai trò của các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo trong đào tạo, thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao.

3. Về môi trường, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về quản lý môi trường; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên,... trong phát triển các ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ môi trường biển, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và xử lý ô nhiễm giữa các khu vực giáp ranh, khu vực chung; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghiệp xanh và công nghiệp thông minh; ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và nền tảng số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho các hoạt động: thương mại, du lịch, logistics, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, quy hoạch, đất đai, xây dựng, giao thông, môi trường, phòng chống thiên tai, y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao…

- Phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đồng bộ, gắn kết giữa nghiên cứu, đào tạo với sản xuất, kinh doanh và thị trường; thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái, hình thành các chuỗi giá trị dựa trên tri thức và công nghệ. Đẩy mạnh cơ chế tài trợ, đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo nhu cầu phát triển ngành, lĩnh vực, gắn nghiên cứu với ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ và chuyển đổi số, coi doanh nghiệp là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

- Khuyến khích và thúc đẩy ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin vào sản xuất và đời sống xã hội, hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước và các đoàn thể trong hệ thống chính trị; xây dựng chính quyền số và xây dựng đô thị thông minh.

4. Về cơ chế, chính sách liên kết, hợp tác phát triển

a) Liên kết với vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và vùng Bắc Trung Bộ

Thành phố Đà Nẵng với vai trò là trung tâm động lực của cả vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng Bắc Trung Bộ, cần chủ động liên kết với các địa phương trong vùng trong phát triển hạ tầng, du lịch, công nghiệp,

logistics, dịch vụ chất lượng cao. Hình thành các chương trình, đề án liên kết vùng về phát triển du lịch, xúc tiến đầu tư, xây dựng thương hiệu vùng, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực.

Thành phố chủ động xây dựng cơ chế phối hợp đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng liên vùng, trong đó Đà Nẵng đóng vai trò là trung tâm trung chuyển, cửa ngõ giao thương quốc tế của cả vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng Bắc Trung Bộ. Xây dựng cơ chế phối hợp khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống cảng biển, cảng hàng không, trung tâm logistics của Đà Nẵng gắn với mạng lưới sản xuất, xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm của toàn vùng, từng bước hình thành các chuỗi logistics liên vùng, giảm chi phí vận chuyển, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế vùng.

b) Liên kết phát triển với các vùng kinh tế lớn trong cả nước

Tăng cường liên kết với thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ, vùng Bắc Trung Bộ và các vùng kinh tế trọng điểm khác nhằm mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng các mối quan hệ phối hợp trong xúc tiến đầu tư, thương mại, khoa học, công nghệ, logistics và phát triển thị trường giữa Đà Nẵng và các trung tâm kinh tế lớn, góp phần nâng cao vị thế của thành phố trong mạng lưới kinh tế quốc gia và khu vực.

c) Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế

Tổ chức triển khai các mô hình hợp tác quốc tế mới như: thỏa thuận hợp tác chiến lược với các nhà vận hành cảng và khu thương mại tự do hàng đầu (như: PSA, DP World) để học hỏi quy trình quản lý, số hóa thủ tục hải quan và logistics; hợp tác với các tổ chức tài chính để xây dựng khung pháp lý thử nghiệm cho Fintech, tài sản số và thị trường tín chỉ carbon tại Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Đà Nẵng; thiết lập các trung tâm đào tạo chung với các trường đại học hàng đầu và các đối tác để đào tạo kỹ sư bán dẫn phục vụ cho phát triển công nghệ cao hiệu quả và bền vững...

Hợp tác với các quốc gia có năng lực tài chính, năng lực quản lý, sở hữu công nghệ về phát triển năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn; thí điểm thực hiện mô hình du lịch "Net Zero" tại các khu nghỉ dưỡng cao cấp ven biển. Kết nối Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố với mạng lưới khởi nghiệp tại quốc gia khu vực và Châu Á. Liên kết với các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới để xây dựng hệ thống Data Center và các phòng Lab về Trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ quản lý đô thị thông minh.

Tổ chức văn phòng xúc tiến đầu tư của thành phố tại một số quốc gia và vùng lãnh thổ để chủ động tiếp cận nguồn vốn và công nghệ nguồn.

Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, đặc biệt trong khu vực ASEAN; tăng cường mối quan hệ hợp tác với các quốc gia lân cận như: Lào, Campuchia, Thái Lan, triển khai các chương trình, dự án phát triển theo hành lang kinh tế Đông - Tây.

5. Về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Tổ chức lập quy hoạch chung, hoàn thiện các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị tại các khu vực trung tâm, các trục động lực và khu vực chuyển tiếp, gắn với việc rà soát, cập nhật dữ liệu hiện trạng dân cư, đất đai, hạ tầng theo ranh giới hành chính mới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và đô thị thông minh trong quản lý quy hoạch và phát triển không gian: số hóa dữ liệu đất đai, xây dựng, theo dõi vi phạm trật tự xây dựng theo thời gian thực, quản lý ranh giới phát triển đô thị, tích hợp dữ liệu quy hoạch vào hệ thống điều hành đô thị thông minh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp: nâng cao chất lượng quản lý quy hoạch, phát triển không gian đô thị và nông thôn; kiểm soát chặt chẽ nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng không gian đô thị và nông thôn; kiểm soát phát triển đô thị theo hướng bền vững; phát triển đồng bộ hệ thống đô thị của toàn thành phố; quản lý phát triển nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới hiện đại; ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và công nghệ trong quản lý đô thị và nông thôn và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thực thi pháp luật về phát triển đô thị và nông thôn.

6. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và ủy ban nhân dân cấp xã, phường rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, thường xuyên giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo quy định.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập mới các quy hoạch chung các đô thị thuộc thành phố, quy hoạch chung các xã, quy hoạch phân khu và các quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết ngành đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

- Đổi mới công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu với cơ chế quản lý hiệu lực, hiệu quả để triển khai thực hiện thành công quy hoạch.

XII. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XXX kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nội dung điều chỉnh quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập các quy hoạch theo Luật quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chi tiết ngành và triển khai các thủ tục đầu tư dự án có liên quan trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân

dân thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Sở Tài chính

- Tham mưu tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, điều chỉnh hoàn thiện toàn bộ hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch thành phố, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch/Chương trình thực hiện điều chỉnh Quy hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung quy hoạch.

b) Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch thành phố được phê duyệt theo Quyết định này.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất theo quy hoạch đã được phê duyệt để tổng hợp vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tham mưu Chủ tịch Ủy dân nhân dân thành phố ban hành Quyết định phân bổ hoặc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của pháp luật có liên quan.

d) Các cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì trong quá trình thực hiện các nội dung điều chỉnh Quy hoạch thành phố.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung không được điều chỉnh tại Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phạm Đức Ấn

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thuộc thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, TH, STC.

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC I
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Hiện trạng 2025			Đến năm 2030			
	Tên đô thị	Phân loại đô thị	Phạm vi đô thị	Tên đô thị	Phân loại đô thị	Phạm vi đô thị	Ghi chú
I	**Khu vực đô thị hiện hữu**						
1	Đà Nẵng	II	Phường Hải Châu	Đà Nẵng	II	Phường Hải Châu	
			Phường Hòa Cường			Phường Hòa Cường	
			Phường Thanh Khê			Phường Thanh Khê	
			Phường An Khê			Phường An Khê	
			Phường An Hải			Phường An Hải	
			Phường Sơn Trà			Phường Sơn Trà	
			Phường Ngũ			Phường Ngũ	
			Hành Sơn			Hành Sơn	
			Phường Hòa Khánh			Phường Hòa Khánh	
			Phường Hải Vân			Phường Hải Vân	
			Phường Liên Chiểu			Phường Liên Chiểu	
			Phường Cẩm Lệ			Phường Cẩm Lệ	
			Phường Hòa Xuân			Phường Hòa Xuân	
2	Tam Kỳ	II	Phường Tam Kỳ	Tam Kỳ	II	Phường Tam Kỳ	
			Phường Quảng Phú			Phường Quảng Phú	
			Phường Hương Trà			Phường Hương Trà	
			Phường Bàn Thạch			Phường Bàn Thạch	
3	Hội An	II	Phường Hội An	Hội An	II	Phường Hội An	
			Phường Hội An Đông			Phường Hội An Đông	
			Phường Hội An Tây			Phường Hội An Tây	
			Xã Tân Hiệp			Xã Tân Hiệp	
4	Điện Bàn	III	Phường Điện Bàn	Điện Bàn	III	Phường Điện Bàn	
			Phường Điện Bàn Đông			Phường Điện Bàn Đông	
			Phường An Thắng			Phường An Thắng	
			Phường Điện Bàn Bắc			Phường Điện Bàn Bắc	
			Xã Điện Bàn Tây			Xã Điện Bàn Tây	
			Xã Gò Nổi			Xã Gò Nổi	
5	Núi Thành	III	Xã Núi Thành	Núi Thành	III	Xã Núi Thành	
			Xã Tam Hải			Xã Tam Hải	
			Xã Tam Anh			Xã Tam Anh	
			Xã Tam Xuân			Xã Tam Xuân	

thaont17-22/07/2026 5:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Hiện trạng 2025			Đến năm 2030			
	Tên đô thị	Phân loại đô thị	Phạm vi đô thị	Tên đô thị	Phân loại đô thị	Phạm vi đô thị	Ghi chú
			Xã Tam Mỹ Xã Đức Phú			Xã Tam Mỹ Xã Đức Phú	
6	Hòa Tiến	III	Thuộc xã Hòa Tiến	Hòa Tiến	III	Xã Hòa Tiến	
7	Hòa Khương	III					
8	Hòa Phong	III	Thuộc xã Hoà Vang	Hòa Vang	III	Xã Hoà Vang	Đô thị Hoà Phong mở rộng
9	Hòa Nhơn	III	Thuộc xã Bà Nà	Bà Nà	III	Xã Bà Nà	Đô thị Hoà Nhơn mở rộng
10	Phú Thịnh	III	Thuộc xã Chiên Đàn	Chiên Đàn	III	Xã Chiên Đàn	Đô thị Phú Thịnh mở rộng
11	Nam Phước	III	Thuộc xã Nam Phước	Nam Phước	III	Xã Nam Phước	Đô thị Nam Phước mở rộng
12	Hà Lam	III	Thuộc xã Thăng Bình	Thăng Bình	III	Xã Thăng Bình	Đô thị Hà Lam mở rộng
13	Ái Nghĩa	III	Thuộc xã Đại Lộc	Đại Lộc	III	Xã Đại Lộc	Đô thị Ái Nghĩa mở rộng
14	Đông Phú	III	Thuộc xã Quế Sơn	Quế Sơn	III	Xã Quế Sơn	Đô thị Đông Phú mở rộng
15	Hương An	III	Thuộc xã Xuân Phú	Xuân Phú	III	Xã Xuân Phú	Đô thị Hương An mở rộng
16	Tân Bình	III	Thuộc xã Hiệp Đức	Tân Bình	III	Thuộc xã Hiệp Đức	Khu vực đô thị thuộc các xã
17	Tiên Kỳ	III	Thuộc xã Tiên Phước	Tiên Kỳ	III	Thuộc xã Tiên Phước	
18	Khâm Đức	III	Thuộc xã Khâm Đức	Khâm Đức	III	Thuộc xã Khâm Đức	
19	Trà My	III	Thuộc xã Trà My	Trà My	III	Thuộc xã Trà My	

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Hiện trạng 2025			Đến năm 2030			
	Tên đô thị	Phân loại đô thị	Phạm vi đô thị	Tên đô thị	Phân loại đô thị	Phạm vi đô thị	Ghi chú
20	Thạnh Mỹ	III	Xã Thạnh Mỹ	Thạnh Mỹ	III	Xã Thạnh Mỹ	
21	P'Rao	III	Thuộc xã Đông Giang	P'Rao	III	Thuộc xã Đông Giang	
22	Trung Phước	III	Thuộc xã Nông Sơn	Trung Phước	III	Thuộc xã Nông Sơn	
23	Tak Pỏ	III	Thuộc xã Nam Trà My	Tak Pỏ	III	Thuộc xã Nam Trà My	
24	ATiêng	III	Thuộc xã Tây Giang	ATiêng	III	Thuộc xã Tây Giang	
II	**Khu vực đô thị mới dự kiến**						
25	Các xã chưa là đô thị			Duy Nghĩa	III	Các xã: Duy Nghĩa, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Tây Hồ, Vu Gia	Phạm vi đô thị mới được xác định cụ thể theo Quy hoạch chung thành phố
26				Thăng An	III		
27				Thăng Trường	III		
28				Thăng Điền	III		
29				Tây Hồ	III		
30				Vu Gia	III		

Ghi chú:

- Phụ lục I được lập theo quy định của luật quy hoạch gồm số lượng, tên các đô thị, khu vực đô thị và phạm vi mở rộng đô thị; tên gọi đô thị chính thức, phân loại đô thị và phạm vi đô thị sẽ được xác lập và nghiên cứu cụ thể theo quy đinh tại thời điểm triển khai các quy hoạch đô thị và nông thôn, chương trình, kế hoạch có liên quan.

- Ranh giới khu vực phát triển đô thị, mô hình tổ chức không gian (độc lập hoặc tích hợp) và lộ trình nâng loại đô thị sẽ được chính xác hóa trong đồ án Quy hoạch chung thành phố và các quy hoạch cấp dưới dựa trên kết quả nghiên cứu chi tiết về địa hình, ngưỡng tải hạ tầng, tính chất chức năng đặc thù và năng lực kinh tế - xã hội thực tế, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật về đô thị tại thời điểm triển khai.

- Việc nâng loại đô thị và xác định quy mô ranh giới phải ưu tiên dựa trên khung hạ tầng kỹ thuật chiến lược (giao thông đối ngoại, cấp thoát nước vùng) được định hình trong Quy hoạch chung thành phố.

- Các khu vực đô thị mới dự kiến đảm bảo tuân thủ theo Kết luận số 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Ban chấp hành Trung ương về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

PHỤ LỤC II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO, KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG, KHU KINH TẾ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Khu công nghệ cao

STT	Tên khu công nghệ cao	Địa điểm dự kiến	Hiện trạng (ha)	Diện tích quy hoạch dự kiến đến năm 2030 (ha)
1	Khu công nghệ cao	Phường Liên Chiểu, xã Bà Nà	1.128,4	1.710
	Tổng cộng		**1.128,4**	**1.710**

2. Khu công nghệ số tập trung

STT	Tên khu công nghệ số tập trung	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng	Dự kiến năm 2030
1	Khu Công nghệ thông tin tập trung Công viên phần mềm Đà Nẵng	Phường Hải Châu	1,088	1,088
2	Khu Công nghệ thông tin tập trung Đà Nẵng	Phường Liên Chiểu	131,093	341,547
-	Giai đoạn 1		131,093	131,093
-	Giai đoạn 2		-	210,454
3	Khu Công nghệ thông tin tập trung - Khu phức hợp Văn phòng FPT	Phường Ngũ Hành Sơn	5,93	5,93
4	Khu Công viên phần mềm số 2	Phường Hải Châu	2,857	7,266
5	Không gian sáng tạo phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân		17,298
6	Tòa nhà Viettel Đà Nẵng	Phường Hải Châu	1,076	1,076
7	Khu Công nghệ thông tin DanangBay	Phường Liên Chiểu		3,519
8	Công viên khoa học Đà Nẵng	Phường Quảng Phú		500

thaont17 22/07/2026 10:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

3. Khu Kinh tế

STT	Tên khu kinh tế	Quy mô hiện tại (ha)	Quy hoạch đến năm 2030 (ha)	Thực hiện
1	Khu kinh tế mở Chu Lai	27.040	Nghiên cứu mở rộng *(diện tích và phạm vi mở rộng theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)*	2026-2030 và sau 2030
2	Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang	31.060	Nghiên cứu giảm diện tích và ranh giới theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	2026-2030 và sau 2030

4. Khu công nghiệp

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích quy hoạch (dự kiến) đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
I	**Ngoài Khu kinh tế mở Chu Lai (21 Khu công nghiệp)**		**7.389,27**	
1	Khu công nghiệp Đà Nẵng	Phường An Hải	50,10	Đã thành lập (hoạt động đến hết thời hạn của dự án)
2	Khu công nghiệp Hòa Khánh	Các phường: Liên Chiểu, Hải Vân	394	Đã thành lập
3	Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng	Phường Liên Chiểu	132,60	Đã thành lập
4	Khu công nghiệp Liên Chiểu	Phường Hải Vân	214,35	Đã thành lập
5	Khu công nghiệp Hòa Cầm	Phường Cẩm Lệ	149,84	Đã thành lập
6	Khu công nghiệp Hòa Ninh	Xã Bà Nà	404,82	Đã thành lập
7	Khu công nghiệp Hòa Nhơn	Xã Bà Nà	130	Định hướng khu công nghiệp đa ngành, thu hút các ngành nghề: công nghiệp ô tô, cơ khí, điện, điện tử, viễn thông, y tế, công nghiệp công nghệ cao, logistics, ngành nghề khác thân thiện môi trường
8	Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc	Phường Điện Bàn Đông	344,5	Đã thành lập
9	Khu công nghiệp Đông Quế Sơn	Xã Xuân Phú	211,26	Đã thành lập
10	Khu công nghiệp Thuận Yên	Phường Bàn Thạch	108	Đang hoạt động (chưa có Quyết định thành lập)

thaont17-22/07/2026 15:19:18 thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích quy hoạch (dự kiến) đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
11	Khu công nghiệp Phú Xuân	Xã Chiên Đàn	230	Định hướng ngành công nghiệp chế biến sâu silica, các sản phẩm từ silica và các khoáng sản khác; công nghiệp hỗ trợ
12	Khu công nghiệp Bắc Thăng Bình 1	Các xã: Thăng An, Thăng Bình	245	Định hướng ngành công nghiệp chế biến sâu Silica, các sản phẩm từ silica và các khoáng sản khác
13	Khu công nghiệp Bắc Thăng Bình 2	Các xã: Thăng An, Thăng Bình	770	Định hướng ngành công nghiệp chế biến sâu Silica, các sản phẩm từ silica và các khoáng sản khác
14	Khu công nghiệp Điện Tiến	Phường Điện Bàn Bắc	249,8	Định hướng khu công nghiệp đa ngành, ưu tiên công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp nhẹ, sản xuất thiết bị điện, điện tử, chế biến thực phẩm, dược phẩm, dụng cụ y tế, sản xuất rắp ráp ô tô, cơ khí, công nghiệp năng lượng
15	Khu công nghiệp Đại Lộc	Xã Hà Nha	600	Định hướng khu công nghiệp đa ngành, ưu tiên chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm xanh, hóa dược, dệt may, da giày
16	Khu công nghiệp Đại Sơn	Xã Thượng Đức	300	Định hướng khu công nghiệp đa ngành, ưu tiên chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm xanh, hóa dược, dệt may, da giày, hóa chất
17	Khu công nghiệp Tây Quế Sơn	Xã Quế Sơn Trung	1.200	Định hướng các ngành điện và năng lượng tái tạo, tái chế và xử lý vật liệu, hóa chất và vật liệu xây dựng xanh
18	Khu công nghiệp Công nghệ cao 2	Các xã: Thăng Bình, Thăng Điền, Thăng An	300	Định hướng các ngành công nghệ chiến lược, ưu tiên: sản xuất robot, tự động hóa, công nghệ chip bán dẫn và thiết bị điện tử

thaont17 22/07/2026 15:49:03 thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích quy hoạch (dự kiến) đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
19	Khu công nghiệp phía Tây cao tốc đoạn qua xã Thăng Bình	Các xã: Thăng Bình, Đồng Dương	400	Định hướng khu công nghiệp đa ngành, ưu tiên thu hút các ngành nghề: công nghiệp ô tô, cơ khí, điện, điện tử, viễn thông, y tế, công nghiệp công nghệ cao, logistics, ngành nghề khác thân thiện môi trường
20	Khu công nghiệp Bình Lâm - Bình Lãnh	Các xã: Đồng Dương, Việt An	490	Định hướng ngành công nghiệp luyện kim, chế biến sâu khoáng sản
21	Khu công nghiệp Thăng Điền	Xã Thăng Điền	465	Định hướng khu công nghiệp đa ngành, ưu tiên công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp nhẹ, sản xuất thiết bị điện, điện tử, chế biến thực phẩm, dược phẩm, dụng cụ y tế, sản xuất, lắp ráp ô tô, cơ khí, công nghiệp năng lượng
II	**Trong Khu kinh tế mở Chu Lai (19 Khu công nghiệp)**		**5.589**	
1	Khu công nghiệp Tam Thăng	Phường Bàn Thạch và xã Thăng Trường	197	Đã thành lập
2	Khu công nghiệp Tam Thăng 2	Phường Bàn Thạch và xã Thăng Trường	105	Đã thành lập *(đưa làng Tân Thái ra khỏi ranh giới và chuyển sang vị trí lân cận)*
3	Khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng	Xã Thăng Trường	242	Đã thành lập
4	Khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng 2	Phường Bàn Thạch, Xã Thăng Trường	109	Đã thành lập
5	Khu công nghiệp, hậu cần cảng Tam Hiệp	Xã Núi Thành	417	Đã thành lập
6	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai	Xã Núi Thành	355	Đã thành lập (trong đó bao gồm khoảng 56 ha là phạm vi dự kiến mở rộng)

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích quy hoạch (dự kiến) đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
7	Khu công nghiệp cơ khí ô tô Chu Lai - Trường Hải	Xã Núi Thành	243	Đã thành lập
8	Khu công nghiệp cơ khí ô tô Chu Lai - Trường Hải mở rộng	Xã Núi Thành	115	Đã thành lập
9	Khu công nghiệp Tam Anh 1	Xã Tam Anh	167	Đã thành lập
10	Khu công nghiệp Tam Anh - Hàn Quốc	Xã Tam Anh	149	Đã thành lập (quy mô diện tích 149 ha là sau khi điều chỉnh giảm)
11	Khu công nghiệp Tam Anh - An An Hoà	Xã Tam Anh	436	Đã thành lập
12	Khu công nghiệp Thaco Chu Lai	Xã Tam Anh	451	Đã thành lập
13	Khu công nghiệp Tam Anh 3	Xã Tam Anh	370	Định hướng khu công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghiệp chế tạo, ưu tiên: phương tiện vận tải điện hóa, hàng không, các dự án cụm linh kiện, OEM/ODM, sản xuất hệ thống tự động
14	Khu công nghiệp khí - năng lượng và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng và sản phẩm sau khí	Xã Núi Thành	431	Định hướng điện khí LNG và các ngành sử dụng nhiều năng lượng và sản phẩm sau khí như hóa dầu nhẹ, vật liệu - hóa chất cơ bản, khí công nghiệp, luyện kim và công nghiệp chế biến
15	Khu công nghiệp Nam Thăng Bình (phân khu A)	Các xã: Thăng Trường, Thăng Điền	303	Định hướng ngành năng lượng tái tạo, năng lượng xanh; sản xuất hydrogen xanh và amoniac xanh; cơ khí chế tạo; sản xuất, lắp ráp ô tô; hàng không, phương tiện vận tải điện hóa và công nghiệp hỗ trợ cho các ngành này
16	Khu công nghiệp Nam Thăng Bình (phân khu B)	Các xã: Thăng Trường, Thăng Điền	303	Đã thành lập

thaont17-22/01/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích quy hoạch (dự kiến) đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
17	Khu công nghiệp công nghệ cao Thăng Bình	Các xã: Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng An	310	Định hướng các ngành công nghệ chiến lược. Ưu tiên robot, tự động hóa và công nghệ chip bán dẫn
18	Khu công nghiệp cảng và hậu cần cảng Tam Hòa	Xã Tam Anh	744	Định hướng công nghiệp nặng; công nghiệp công nghệ cao; cơ khí chế tạo; đóng tàu; sản xuất thiết bị, cấu kiện và hậu cần cho ngành năng lượng tái tạo và giao thông
19	Khu công nghiệp cảng và hậu cần cảng Chu Lai - Trường Hải	Xã Núi Thành	142	Đã thành lập
	Tổng cộng: 40 Khu công nghiệp		**12.978,27**	

Ghi chú:

- Định hướng bảo đảm bình quân 20 ha/khu công nghiệp hoặc 5% diện tích đất khu công nghiệp thành lập mới, đã đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn thành phố để dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

- Số lượng, tên, vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế, khu công nghiệp sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...) và lập dự án đầu tư.

thaont17-22/07/2026 8:45:00 thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng (theo Quyết định thành lập)	Quy hoạch đến năm 2030
I	**Cụm công nghiệp giữ nguyên trong quy hoạch tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày ngày 02/11/2023 và Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 (96 cụm)**		**1.690,49**	**3.708,74**
1	Cụm công nghiệp Hòa Liên	Phường Liên Chiểu	58,53	58,53
2	Cụm công nghiệp Cẩm Lệ	Phường Cẩm Lệ	29,09	29,09
3	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn	Xã Bà Nà	24,75	24,75
4	Cụm công nghiệp Sản xuất vật liệu xây dựng	Xã Bà Nà	-	75,00
5	Cụm công nghiệp Hòa Vang 1	Xã Hòa Vang	-	75,00
6	Cụm công nghiệp Hòa Vang 2	Xã Hòa Vang	-	75,00
7	Cụm công nghiệp Trường Xuân 1	Phường Tam Kỳ	16,50	16,50
8	Cụm công nghiệp Thanh Hà	Phường Hội An Tây	30,33	30,58
9	Cụm công nghiệp Thương Tín	Phường Điện Bàn Đông	39,73	39,73
10	Cụm công nghiệp Nam Dương	Phường Điện Bàn Đông	46,18	46,18

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng (theo Quyết định thành lập)	Quy hoạch đến năm 2030
11	Cụm công nghiệp An Lưu	Phường Điện Bàn Đông	48,90	48,90
12	Cụm công nghiệp Trảng Nhật 1	Các phường: An Thắng, Điện Bàn Bắc	52,47	52,47
13	Cụm công nghiệp Trảng Nhật 2	Phường Điện Bàn Bắc	25,37	25,37
14	Cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Phường Điện Bàn Bắc	26,93	45,00
15	Cụm công nghiệp Bồ Mưng	Phường Điện Bàn Bắc	5,73	5,73
16	Cụm công nghiệp Thái Sơn	Phường Điện Bàn Bắc	-	32,00
17	Cụm công nghiệp Vân Ly	Xã Gò Nổi	3,00	19,00
18	Cụm công nghiệp Làng nghề Đông Khương	Phường Điện Bàn	-	10,00
19	Cụm công nghiệp Tây Điện Bàn	Xã Điện Bàn Tây	-	70,00
20	Cụm công nghiệp Tinh dầu quế	Xã Trà My	11,40	9,8
21	Cụm công nghiệp Trà Dương	Xã Trà My	-	26,00
22	Cụm công nghiệp Trà Kót	Xã Trà Liên	-	20,00
23	Cụm công nghiệp Trà Giác	Xã Trà Tân	-	10,00
24	Cụm công nghiệp Mỹ An	Xã Hà Nha	7,21	75,00
25	Cụm công nghiệp Mỹ An 2	Xã Hà Nha	13,30	30,00
26	Cụm công nghiệp Đại Đồng 1	Xã Hà Nha	16,29	20,00

thaont17-29/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng (theo Quyết định thành lập)	Quy hoạch đến năm 2030
27	Cụm công nghiệp Đại Đồng 2	Xã Hà Nha	49,43	49,50
28	Cụm công nghiệp Đại Quang 2	Xã Hà Nha	48,83	75,00
29	Cụm công nghiệp Đại An	Xã Đại Lộc	75,00	75,00
30	Cụm công nghiệp Đại Hiệp	Xã Đại Lộc	50,00	50,00
31	Cụm công nghiệp Đại Nghĩa 1	Xã Đại Lộc	13,85	13,85
32	Cụm công nghiệp Đại Nghĩa 2	Xã Đại Lộc	25,53	45,00
33	Cụm công nghiệp Ấp 5	Các xã: Đại Lộc, Hà Nha	20,50	50,00
34	Cụm công nghiệp Đông Phú	Xã Đại Lộc	45,00	75,00
35	Cụm công nghiệp Tích Phú	Xã Đại Lộc	-	75,00
36	Cụm công nghiệp Đại Chánh 2	Xã Phú Thuận	42,51	62,51
37	Cụm công nghiệp Đại Phong 1	Xã Vu Gia	-	57,70
38	Cụm công nghiệp Đại Phong 2	Xã Vu Gia	-	63,47
39	Cụm công nghiệp Đại Sơn	Xã Thượng Đức	-	20,00
40	Cụm công nghiệp Thôn Bốn	Xã Sông Vàng	7,20	45,00
41	Cụm công nghiệp A Sờ	Xã Bến Hiên	-	15,00
42	Cụm công nghiệp Jơ Ngây	Xã Sông Kôn	-	15,00
43	Cụm công nghiệp Tây An	Xã Duy Xuyên	51,17	51,17
44	Cụm công nghiệp Tây An 1	Xã Duy Xuyên	60,28	45,00

thaont17 22/01/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng (theo Quyết định thành lập)	Quy hoạch đến năm 2030
45	Cụm công nghiệp Duy Nghĩa 1	Xã Duy Nghĩa	47,65	47,65
46	Cụm công nghiệp Gò Biên	Xã Thu Bồn	-	50,00
47	Cụm công nghiệp Sông Trà	Xã Phước Trà	50,00	50,00
48	Cụm công nghiệp Sông Trà 2	Xã Phước Trà	-	30,00
49	Cụm công nghiệp Quế Thọ	Xã Việt An	9,93	12,86
50	Cụm công nghiệp Quế Thọ 2	Xã Việt An	1,48	5,00
51	Cụm công nghiệp Quế Thọ 3	Xã Việt An	17,70	18,30
52	Cụm công nghiệp Vườn Lục	Xã Việt An	-	10,00
53	Cụm công nghiệp Việt An	Xã Việt An	9,95	9,95
54	Cụm công nghiệp Tân An	Xã Hiệp Đức	5,29	5,29
55	Cụm công nghiệp Tân Bình	Xã Hiệp Đức	-	59,00
56	Cụm công nghiệp Thôn Hoa	Xã Thạnh Mỹ	37,20	37,20
57	Cụm công nghiệp Cà Đăng	Xã Bến Giằng	-	30,00
58	Cụm công nghiệp Trà Mai - Trà Don	Xã Nam Trà My	5,00	10,00
59	Cụm công nghiệp Trà Nam - Trà Linh	Xã Trà Linh	-	14,00
60	Cụm công nghiệp Trà Dơn - Trà Leng	Xã Trà Leng	-	12,00
61	Cụm công nghiệp Nông Sơn	Xã Nông Sơn	15,00	15,00
62	Cụm công nghiệp Trường Sơn Đông	Xã Quế Phước	-	30,00

thaont1 | 22/07/2026 15:49:03 thaont17-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng (theo Quyết định thành lập)	Quy hoạch đến năm 2030
63	Cụm công nghiệp Khối 7	Xã Núi Thành	15,47	15,47
64	Cụm công nghiệp Nam Chu Lai	Xã Núi Thành	56,96	60,20
65	Cụm công nghiệp Nam Chu Lai 2	Xã Núi Thành	-	73,90
66	Cụm công nghiệp Tam Mỹ Tây	Xã Tam Mỹ	20,00	50,00
67	Cụm công nghiệp Tam Mỹ Tây 1	Xã Tam Mỹ	-	70,00
68	Cụm công nghiệp Làng nghề Tam Tiến	Xã Tam Xuân	-	22,00
69	Cụm công nghiệp Tam Đàn	Xã Chiên Đàn	12,46	12,46
70	Cụm công nghiệp Chợ Lò	Xã Chiên Đàn	32,57	32,60
71	Cụm công nghiệp Đồi 30	Các xã: Chiên Đàn, Phú Ninh	30,47	74,50
72	Cụm công nghiệp Hòa Bình	Các xã: Chiên Đàn, Phú Ninh	-	50,00
73	Cụm công nghiệp Phú Mỹ	Xã Tây Hồ	27,15	33,20
74	Cụm công nghiệp Tam Lộc	Xã Tây Hồ	-	40,00
75	Cụm công nghiệp Tam Dân	Xã Phú Ninh	-	35,00
76	Cụm công nghiệp Khâm Đức	Xã Khâm Đức	-	15,00
77	Cụm công nghiệp Phước Hiệp	Xã Phước Hiệp	-	65,00
78	Cụm công nghiệp Quế Cường	Xã Quế Sơn Trung	48,46	73,45
79	Cụm công nghiệp Núi Hương	Xã Quế Sơn Trung	-	75,00

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng (theo Quyết định thành lập)	Quy hoạch đến năm 2030
80	Cụm công nghiệp Gò Đồng Mặt	Xã Quế Sơn Trung	50,00	50,00
81	Cụm công nghiệp Đông Phú 1	Xã Quế Sơn	46,43	46,68
82	Cụm công nghiệp Hương An	Xã Xuân Phú	23,47	25,35
83	Cụm công nghiệp Đồng Dài	Xã Xuân Phú	-	75,00
84	Cụm công nghiệp Ch'nooc	Xã Hùng Sơn	-	8,75
85	Cụm công nghiệp Bhalêê	Xã A Vương	-	5,00
86	Cụm công nghiệp Aró	Xã Tây Giang	-	20,00
87	Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Được	Các xã: Thăng Bình, Thăng An	83,50	83,50
88	Cụm công nghiệp Ngọc Sơn - Bình Phục	Xã Thăng Bình	-	74,00
89	Cụm công nghiệp Kế Xuyên - Quán Gò	Xã Thăng Điền	3,34	10,00
90	Cụm công nghiệp Bình An	Xã Đồng Dương	20,00	50,00
91	Cụm công nghiệp Rừng Lãm	Xã Đồng Dương	-	30,00
92	Cụm công nghiệp Bình Hòa	Xã Thăng An	50,00	54,8
93	Cụm công nghiệp Tài Đa	Xã Tiên Phước	20,00	50,00
94	Cụm công nghiệp số 1 Tiên Cảnh	Xã Thạnh Bình	6,00	5,00
95	Cụm công nghiệp Rừng Cấm	Xã Lãnh Ngọc	-	13,80

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng (theo Quyết định thành lập)	Quy hoạch đến năm 2030
96	Cụm công nghiệp Tiên Cẩm	Xã Sơn Cẩm Hà	-	10,00
II	**Cụm công nghiệp quy hoạch mới (19 cụm công nghiệp)**		**10,34**	**836,14**
1	Cụm công nghiệp Hòa Khánh	Phường Hòa Khánh	-	50,00
2	Cụm công nghiệp Hòa Tiến 1	Xã Hoà Tiến	-	30,00
3	Cụm công nghiệp Hòa Tiến 2	Xã Hoà Tiến	-	37,00
4	Cụm công nghiệp An Thắng	Phường An Thắng	-	37,90
5	Cụm công nghiệp Đồng Mặn	Xã Đại Lộc	10,34	10,34
6	Cụm công nghiệp An Hòa - Duy Xuyên	Xã Duy Xuyên	-	30,00
7	Cụm công nghiệp Gò Biên 2	Xã Thu Bồn	-	70,00
8	Cụm công nghiệp Tân Thọ	Xã Thu Bồn	-	75,00
9	Cụm công nghiệp Quế Thọ 4	Xã Việt An	-	40,00
10	Cụm công nghiệp Tất Viên	Xã Thăng Bình	-	75,00
11	Cụm công nghiệp Phước Ấm - Thăng An	Xã Thăng An	-	74,80
12	Cụm công nghiệp số 3 Gò Bằng	Xã Thạnh Bình	-	10,00
13	Cụm công nghiệp xã Trà Vân	Xã Trà Vân	-	30,00
14	Cụm công nghiệp xã Trà Giáp	Xã Trà Giáp	-	15,00
15	Cụm công nghiệp Lý Trường	Xã Thăng Phú	-	20,00

thaont17-2/0/2026 5:49:03-thaont17-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng (theo Quyết định thành lập)	Quy hoạch đến năm 2030
16	Cụm công nghiệp Tân Bình 2	Xã Hiệp Đức	-	65,00
17	Cụm công nghiệp Kế Xuyên - Quán Gò 2	Xã Thăng Điền	-	75,00
18	Cụm công nghiệp Kế Xuyên Quán Gò 3	Xã Thăng Điền	-	75,00
19	Cụm công nghiệp Phước Chánh	Xã Quế Sơn Trung	-	16,10
Tổng cộng: 115 cụm công nghiệp			**1.700,83**	**4.544,88**
Việc hình thành các cụm công nghiệp được thực hiện theo hướng linh hoạt, trong quá trình triển khai, có thể xem xét bổ sung hình thành các cụm công nghiệp khác phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị nông thôn và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa bàn xã, phường nhưng tổng nhu cầu sử dụng đất phát triển cụm công nghiệp không vượt quá 5.000 ha.				

Ghi chú:

- Định hướng bảo đảm bình quân 20ha/cụm công nghiệp hoặc 5% diện tích đất cụm công nghiệp thành lập mới, đã đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn thành phố để dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

- Số lượng, tên, vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...) và lập dự án đầu tư.

thaont17-22/07/2025 15:49:06 thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU DU LỊCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên khu/địa điểm du lịch
1	Khu dịch vụ du lịch thuộc đô thị cổ Hội An
2	Cụm dịch vụ du lịch khu vực các di tích Chăm (trọng tâm là khu đền tháp Mỹ Sơn)
3	Khu du lịch bán đảo Sơn Trà
4	Khu du lịch Bà Nà
5	Khu du lịch Cù Lao Chàm
6	Khu dịch vụ du lịch thuộc đô thị trung tâm và hai bên bờ Sông Hàn
7	Các khu du lịch thuộc khu vực ven biển (Làng Vân - Nam Ô - Xuân Thiều - Thanh Khê, Mân Thái - Mỹ An, bán đảo Sơn Trà, Hà My - An Bàng - Cửa Đại - đảo Cù Lao Chàm; Duy Nghĩa - Thăng An - Thăng Trường, Cửa Khe, Tam Thanh - Tam Tiến - đảo Tam Hải, quần đảo Hoàng Sa)
8	Khu du lịch xã đảo Tam Hải
9	Khu du lịch hòn Sơn Chà
10	Khu du lịch vườn quốc gia Sông Thanh
11	Các khu du lịch thuộc khu vực miền núi phía Tây thành phố
12	Các khu du lịch thuộc khu vực phía Nam thành phố

thaont17-22/07/2026 15:49:03 thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (CÁC VỊ TRÍ QUY HOẠCH)

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Năm thực hiện
I	**CÁC VỊ TRÍ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1142/QĐ-TTg**	**1.881**		
1	Vị trí 1	100	Phường Hải Vân	2026-2030
2	Vị trí 2	77	Phường Hải Vân	2026-2030
3	Vị trí 3	500	Phường Hải Vân	2026-2030
4	Vị trí 4	559	Xã Bà Nà	2026-2030
5	Vị trí 5	90	Xã Bà Nà	2026-2030
6	Vị trí 6	154	Xã Bà Nà	2026-2030
7	Vị trí 7	401	Các xã: Hoà Vang, Bà Nà	2026-2030
II	**CÁC VỊ TRÍ DỰ KIẾN MỞ RỘNG**			
1	Khu vực theo Đề án Phát triển đô thị động lực trên vịnh Đà Nẵng	Khoảng 350	Vị trí theo Đề án	2026-2030
2	Nghiên cứu mở rộng diện tích Khu Thương mại tự do (hình thành các khu chức năng mới hướng về phía Nam thành phố; nghiên cứu đánh giá các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, trung tâm logicstics, các khu chức năng khác, v.v… đủ điều kiện để hình thành khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do đảm bảo quy định và nhu cầu thực tiễn phát triển của thành phố)	Diện tích mở rộng thêm khoảng từ 3.000 - 5.000ha		2026-2030

Ghi chú: *Số lượng, tên, vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới các Khu thương mại tự do mở rộng sẽ được cụ thể hóa, xác định trong quyết định thành lập/mở rộng/điều chỉnh ranh giới Khu thương mại tự do, trong quá trình lập quy hoạch chung đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành…) và lập dự án đầu tư.*

PHỤ LỤC VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
CÁC KHU NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Thời gian thực hiện
1	Khu đại học quốc gia Đà Nẵng (Khu đại học phía Bắc), quy mô dự kiến khoảng 300 ha	Các phường: Điện Bàn Đông, Điện Bàn Bắc và Ngũ Hành Sơn	2026-2030
2	Khu đô thị nghiên cứu – đào tạo phía Nam gắn với khu kinh tế Chu Lai và các khu công nghiệp phía Nam thành phố	Các xã, phường: Tam Xuân, Tam Kỳ, Hương Trà, Quảng Phú, Bàn Thạch và khu vực lân cận	2030-2050

Ghi chú: *địa điểm, ranh giới, quy mô diện tích của các đô thị đại học xác định cụ thể theo quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, hoặc khi lập các thủ tục đầu tư.*

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Các hạng mục thuộc khu liên hợp thể thao Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	2023-2030
2	Tổ hợp thể thao đạt chuẩn Olympic (gồm sân vận động đạt chuẩn quốc tế, nhà thi đấu, bể bơi, trung tâm huấn luyện và các tiện ích hỗ trợ, kết hợp thương mại dịch vụ)	Các xã: Tam Kỳ, Thăng An	2030-2050
3	Khu liên hợp thể thao bãi biển Quảng Phú	Phường Quảng Phú	2026-2030
4	Tổ hợp thể thao và giải trí quốc tế	Xã Thăng An	2026-2030
5	Trung tâm đào tạo và huấn luyện vận đông viên thể dục, thể thao cơ sở phía Nam, Trung tâm thể thao chất lượng cao, Trung tâm huấn luyện Đấu kiếm quốc tế tại Đà Nẵng, Trường đua ngựa	Xác định cụ thể theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn	2026 -2030 và 2030-2050

Ghi chú: *địa điểm, phạm vi ranh giới, quy mô diện tích của các khu thể thao xác định cụ thể theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn hoặc khi lập các thủ tục đầu tư.*

thaont17-22/07/2026-15:40:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, KHU CHĂN NUÔI, KHU GIẾT MỔ, ĐIỂM TIÊU HỦY ĐỘNG VẬT TẬP TRUNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Khu nông nghiệp công nghệ cao

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Xã Thăng Trường	190
2	Khu sản xuất nông lâm nghiệp khe Cà Năng	Xã Phước Hiệp	723

2. Trang trại tổng hợp ứng dụng công nghệ cao

STT	Hạng mục/Tên công trình, dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Khu trang trại tổng hợp hố Bảy Ghì	Xã Phú Ninh	15,00
2	Khu nông trại tổng hợp ứng dụng công nghệ cao Bích Bắc	Phường Điện Bàn Bắc	21,50
	Khu nông trại công nghệ cao Voan Hiện		12,00
3	Khu sản xuất nông nghiệp hữu cơ ứng dụng công nghệ cao Duy Xuyên	Xã Duy Xuyên	100,00
	Khu An Dưỡng, thôn An Hòa		10,00
	Khu Gò Mới, thôn Phú Bông		10,00
	Khu Minh Khánh, thôn Hòa Lâm		10,00
	Khu Thi Thượng		10,00
	Khu Vạn Buông		10,00
4	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với du lịch sinh thái Hà Nha	Xã Hà Nha	50,00
5	Khu sản xuất nông nghiệp sạch, công nghệ cao	Xã Quế Phước	30,00
	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Quế Lâm (cũ)		351,00
6	Khu nông nghiệp công nghệ cao kết hợp dịch vụ, du lịch, sinh thái Đại Bường Khương Quế	Xã Nông Sơn	155,30
7	Khu nông nghiệp công nghệ cao Hiệp Đức	Xã Hiệp Đức	21,77
	Khu trang trại tổng hợp Nà Riềng		10,00
	Khu trang trại tổng hợp khu vực bà Hơn, thôn Bình Kiều		15,00
	Khu trang trại tổng hợp khu vực Hố Dâu, thôn Trà Linh Đông		20,00

thaontt-22/07/2026 15:46:03 thaontt1-thaontt7-thaontt7

STT	Hạng mục/Tên công trình, dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
8	Khu trang trại tổng hợp	Xã Phước Trà	10,00
	Khu sản xuất hữu cơ tập trung		11,53
9	Khu trang trại tổng hợp Phú Vinh	Xã Sơn Cẩm Hà	10,00
	Khu trang trại tổng hợp tại Dốc Thờ đến Hố Răm, thôn 6		10,00
	Khu trang trại tổng hợp Hội Sơn, thôn Hội Lâm		15,00
	Khu trang trại tổng hợp thôn Đại Tráng		20,00
10	Khu trang trại tổng hợp tại thôn 1	Xã Thạnh Bình	15,00
	Khu trang trại tổng hợp Vực Vin, thôn 4		10,00
	Khu trang trại tổng hợp hố Đường Phèn, thôn 1		10,00
11	Khu trang trại tổng hợp khu vực ruộng Làng, thôn 7	Xã Tiên Phước	14,00
	Khu trang trại tổng hợp khu vực hố Sanh, thôn 5		14,80
	Khu trang trại tổng hợp Tiên Phú Đông		11,00
12	Khu trang trại tổng hợp Khu đèo Hố Da, Nà Rui	Xã Lãnh Ngọc	17,00
	Khu trang trại tổng hợp Hố Ông Miên		15,00
	Khu trang trại tổng hợp Suối Mười Hai		17,00
13	Khu dự án sản xuất mới về nông lâm nghiệp tại Khe Dứa, xã Phước Hiệp	Xã Phước Hiệp	500,00
14	Khu dự án nông nghiệp chất lượng cao, hữu cơ	Xã Sông Vàng	199,30
15	Khu trang trại thôn Ga'Lâu	Xã Avương	10,00
	Khu trang trại thôn Bhlố		15,00
16	Khu trang trại Atung	Xã Tây Giang	15,00
	Khu trang trại Hiêng		10,00
	Khu trang trại Karung – Achia		20,00
	Khu trang trại Agoóc		15,00
17	Khu trang trại tại Đối Đoong	Xã Hùng Sơn	20,00
	Khu trang trại Cram thôn Agriih		20,00
	Khu trang trại Ki Meng		10,00
	Khu trang trại Ta Lim		20,00
	Khu trang trại Na Núc		10,00
18	Khu nông nghiệp công nghệ cao, thôn Trung Hòa	Xã Đức Phú	20,00
	Khu nông nghiệp công nghệ cao, thôn Mỹ Đông		20,00
19	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bảo An	Xã Gò Nổi	46,20
	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Xuân Kỳ		14,94
	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Đông		26,70
	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hà An		10,00
20	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Xã Điện Bàn Tây	38,67
21	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Hòa Tiến	Xã Hòa Tiến	29,00

thaont17-2025 15:49:03 thaont17-thaont17-thaont17

STT	Hạng mục/Tên công trình, dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
22	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái Triêm Đông	Phường Điện Bàn	43,00
23	Các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xen kẽ trong các khu dân cư nông thôn	Khu vực khu kinh tế mở Chu Lai (phân bố tại các xã: Thăng Trường, Tam Xuân, Tam Anh)	100,0
24	Khu trang trại tổng hợp Nà Lợp (Hố Lỡ), thôn Tú Mỹ	Xã Tam Mỹ	150,00
25	Khu trang trại chăn nuôi bò thịt kết hợp trồng cây ăn quả, cây dược liệu ứng dụng công nghệ - kỹ thuật cao, thôn Vinh	Xã Bến Giằng	33,56
26	Khu trang trại chăn nuôi, trồng cây ăn quả	Xã Trà Leng	52,00

3. Vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các loại cây trồng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2025 - 2030, định hướng đến 2050

TT	Đối tượng cây trồng	Quy mô (ha)	Địa điểm/Khu vực	Ghi chú
1	Các vùng chuyên trồng lúa	45.000	Các địa phương có đất chuyên trồng lúa lớn: Đại Lộc, Vu Gia, Phú Thuận, Hà Nha, Thượng Đức, Điện Bàn, Điện Bàn Tây, Điện Bàn Đông, Điện Bàn Bắc, Gò Nổi, An Thắng, Duy Xuyên, Thu Bồn, Nam Phước, Thăng Bình, Đồng Dương, Thăng An, Thăng Điền, Thăng Phú, Thăng Trường, Quế Sơn, Nông Sơn, Quế Phước, Xuân Phú, Quế Sơn Trung, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Phú Ninh, Chiên Đàn, Tây Hồ, Núi Thành, Tam Xuân, Tam Anh, Tam Mỹ, Đức Phú, Tiên Phước, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, Sơn Cẩm Hà, Hiệp Đức, Việt An, Hoà Vang, Hoà Tiến…	Xác định các vùng sản xuất tập trung theo đơn vị hành chính (Giai đoạn 2026-2030: 20.000 ha; định hướng đến 2050: 45.000 ha)
2	Các vùng chuyên trồng xuất ngô	15.000	Các địa phương trọng điểm sản xuất ngô: Đại Lộc, Vu Gia, Phú Thuận, Hà Nha, Thượng Đức, Điện Bàn, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Duy Xuyên, Thu Bồn, Nam Phước, Thăng Bình, Đồng Dương, Thăng An, Thăng Điền, Quế Sơn, Nông Sơn, Quế Phước, Xuân Phú, Phú Ninh, Tây Hồ, Đức Phú, Tam Mỹ, Việt An, Phước Trà, Trà My, Trà Liên…	Xác định các vùng sản xuất tập trung theo đơn vị hành chính
3	Các vùng chuyên trồng Lạc, mè	13.000	Các xã: Đại Lộc, Vu Gia, Phú Thuận, Hà Nha, Thượng Đức, Điện Bàn, Điện Bàn Tây, Điện Bàn Đông, Điện Bàn Bắc, Gò Nổi, An Thắng, Duy Xuyên, Thu Bồn, Nam Phước, Thăng Bình, Đồng Dương, Thăng An, Thăng Điền, Thăng Phú, Thăng Trường, Quế Sơn, Nông Sơn, Quế Phước, Xuân Phú, Quế Sơn Trung, Quảng Phú, Hương Trà, Phú Ninh, Chiên Đàn, Tây Hồ, Núi Thành, Tam Xuân, Tam Anh, Tam Mỹ, Đức Phú, Tiên Phước, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, Sơn Cẩm Hà, Hiệp Đức, Việt An, Trà Liên, Trà My,…	Xác định các vùng sản xuất tập trung theo đơn vị hành chính

TT	Đối tượng cây trồng	Quy mô (ha)	Địa điểm/Khu vực	Ghi chú
4	Các vùng chuyên trồng Rau các loại	15.000	Các xã: Đại Lộc, Vu Gia, Phú Thuận, Hà Nha, Thượng Đức, Điện Bàn, Điện Bàn Tây, Điện Bàn Đông, Điện Bàn Bắc, Gò Nổi, An Thắng, Duy Xuyên, Thu Bồn, Nam Phước, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Điền, Thăng Trường, Quế Sơn, Nông Sơn, Quế Phước, Xuân Phú, Quế Sơn Trung, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Phú Ninh, Chiên Đàn, Tây Hồ, Núi Thành, Tam Xuân, Tam Anh, Tam Mỹ, Đức Phú, Tiên Phước, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, Sơn Cẩm Hà, Hiệp Đức, Việt An, Trà My, Trà Liên, Hoà Vang, Hoà Tiến…	Xác định các vùng sản xuất tập trung theo đơn vị hành chính
5	Các vùng trồng cây ăn quả	25.000	Các xã: Tiên Phước, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, Sơn Cẩm Hà, Thăng Phú, Thăng An, Thăng Trường, Trà My, Trà Liên, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Quế Sơn, Nông Sơn, Quế Phước, Quế Sơn Trung, Quảng Phú, Hương Trà, Phú Ninh, Chiên Đàn, Tây Hồ, Tam Mỹ, Đức Phú, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Trà Liên, Trà My, Trà Tân, Sông Vàng, Bến Hiên, Đông Giang, Sông Kôn, Hoà Vang, Hùng Sơn, Phước Chánh, Trà Linh,, …	Giữ nguyên
6	Các vùng trồng Tiêu Tiên Phước	1.000	Các xã: Tiên Phước, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, Sơn Cẩm Hà, Hiệp Đức, Trà My, Trà Liên, Thăng Bình, Thăng Phú, Hiệp Đức, Việt An, Quế Sơn, Nông Sơn, Phú Ninh, Tây Hồ, …	Giữ nguyên
7	Các vùng trồng cây dược liệu	10.000	Các xã: Trà Đốc, Trà Liên, Trà My, Trà Tân, Phú Ninh, Chiên Đàn, Tây Hồ, Tam Mỹ, Đức Phú, Tiên Phước, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, Sơn Cẩm Hà, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Quế Sơn, Quế Phước, Nông Sơn, Đông Giang, Tây Giang…	Giữ nguyên
8	Các vùng trồng cây công nghiệp	1.500	Các xã: Sông Vàng, Đức Phú, Tam Mỹ, Thượng Đức, Phú Thuận (cây chè)… Khu vực: Nam Giang, Thượng Đức, Đông Giang (cây dứa)…	Bổ sung
9	Các vùng trồng hoa, cây cảnh	500	Các xã, phường: Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Điện Bàn, Điện Bàn Bắc, Núi Thành, Tam Kỳ, Hương Trà, Hòa Vang, Thăng Bình, Thăng Trường…	Bổ sung
10	Các vùng trồng cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	1.000	Các xã: Phú Ninh, Chiên Đàn, Tây Hồ, Tam Mỹ, Đức Phú, Tiên Phước, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, Sơn Cẩm Hà, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Trà Liên, Trà My, Trà Tân, Quế Sơn, Nông Sơn, Đông Giang, Tây Giang…	Bổ sung
11	Các vùng bảo tồn, phát triển cây đặc sản, bản địa	-	Các xã: Tiên Phước, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, Sơn Cẩm Hà,…: Bòn bon, tiêu Tiên Phước, cam giấy Tiên Hà; Các xã: Nông Sơn, Quế Sơn,…: Trụ Đại Bình; Các xã: Sông Vàng, Đức Phú,…: chè (An Bằng, Đức Phú); Các xã: Hùng Sơn, Tây Giang,…: Cam Gari…	Bổ sung (quy mô sẽ được xác định theo từng khu đặc hữu và loại cây trồng cần bảo tồn)

4. Các điểm tiêu hủy gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm mắc bệnh, nghi mắc bệnh

STT	Tên dự án tích hợp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Điểm tiêu hủy gia súc, gia cầm khu vực núi Gò Bầu	Phường Hải Vân	1,00
2	Điểm tiêu hủy gia súc, gia cầm (Trung tâm dạy nghề 0506 cũ)	Phường Hải Vân	1,00
3	Điểm tiêu hủy gia súc, gia cầm Đức Phú	Xã Đức Phú	1,00
4	Điểm tiêu hủy gia súc, gia cầm Nam Giang 1	Xã Nam Giang	1,00
5	Điểm tiêu hủy gia súc, gia cầm Nam Giang 2	Xã Nam Giang	1,00
6	Điểm tiêu huỷ gia súc, gia cầm Cà Xay	Xã Phước Trà	1,00
7	Điểm tiêu huỷ gia súc, gia cầm, tổ 3 thôn Trà Va	Xã Phước Trà	1,00
8	Điểm tiêu huỷ gia súc, gia cầm (gắn với Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Quế Cường)	Xã Quế Sơn Trung	1,00
9	Điểm tiêu huỷ gia súc, gia cầm (gắn với Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam thành phố)	Xã Núi Thành	1,00

Ghi chú: *Quy mô diện tích của từng vùng sản xuất nông nghiệp, trang trại, vùng sản xuất tập trung, khu chăn nuôi, cơ sở giết mổ, điểm tiêu hủy động vật xác định cụ thể theo quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn hoặc khi lập các thủ tục đầu tư.*

thaont17-22/07/2026 15:40:03-thaont17-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC IX
PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên Khu	Diện tích dự kiến (ha)	Phân hạng	Cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Định hướng quy hoạch
I	**Khu bảo tồn thiên nhiên**					
1	Bạch Mã	3.146,15	Vườn quốc gia	Quốc gia	2026-2030	Chuyển tiếp
2	Sông Thanh	76.593	Vườn quốc gia	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp (mở rộng)
3	Bà Nà - Núi Chúa	31.259,50	Dự trữ thiên nhiên	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
4	Ngọc Linh	14.883,00	Dự trữ thiên nhiên	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
5	Sơn Trà (trên cạn)	3.447,00	Bảo tồn loài - sinh cảnh	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp (chuyển hạng sang Bảo tồn loài - sinh cảnh)
6	Sao La	19.082,91	Bảo tồn loài - sinh cảnh	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp (mở rộng)
7	KBT loài và sinh cảnh Voi	18.964,00	Bảo tồn loài - sinh cảnh	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
8	Pơ Mu	5.650,00	Bảo tồn loài - sinh cảnh	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
9	Nam Hải Vân	1.383,00	Bảo vệ cảnh quan	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
10	Cù Lao Chàm (bao gồm phần trên cạn và dưới biển)	23.389,2	Dự trữ thiên nhiên	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp (mở rộng)
11	Mỹ Sơn (Di tích lịch sử văn hóa)	1.092,00	Bảo vệ cảnh quan	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
12	Chiến Thắng núi Thành	102,00	Bảo vệ cảnh quan	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
13	Nam Trà My	38,00	Bảo vệ cảnh quan	Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp

thanh17-22/07/2026 15:29:03-thaont17-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên Khu	Diện tích dự kiến (ha)	Phân hạng	Cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Định hướng quy hoạch
14	Lim Xanh	~2.000,00	Dự trữ thiên nhiên	Tỉnh	2026-2030	Thành lập mới
15	Tam Mỹ Tây (Vọoc Chà Vá chân xám)	~60,00	Bảo tồn loài - sinh cảnh	Tỉnh	2026-2030	Thành lập mới
16	Khu bảo tồn biển Sơn Trà (dưới biển)	~4.450,00	Bảo tồn loài - sinh cảnh	Tỉnh	2026-2035	Thành lập mới
II	**Vùng đất ngập nước quan trọng**					
1	Cửa Đại (Sông Thu Bồn)	~8.000,00		Tỉnh	2026-2030	Thành lập mới
2	Đầm Trường Giang	~9.000,00		Tỉnh	2026-2030	Thành lập mới
III	**Hành lang đa dạng sinh học**					
1	Hành lang đa dạng sinh học Sao La - Sông Thanh	75.164,30		Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
IV	**Cảnh quan sinh thái quan trọng**					
1	Khu Cảnh quan sinh thái quan trọng đặc khu Hoàng Sa	~2.000.000,00		Tỉnh	2026-2030	Thành lập mới
2	Khu cảnh quan sinh thái quan trọng vùng núi cao Ngọc Linh	~200.000,00		Tỉnh	2026-2030	Thành lập mới
V	**Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học**					
1	Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc linh và Dược liệu	~10,74		Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
2	Cơ sở bảo tồn rùa Cù Lao Chàm	-		Tỉnh	2026-2030	Cấp GCN
3	Vinpearl Safari Nam Hội An	12,543		Tỉnh	2026-2030	Chuyển tiếp
4	Vườn Cây thuốc Cù Lao Chàm	~50,00		Tỉnh	2026-2030	Thành lập mới

Ghi chú: *Vị trí, ranh giới, quy mô, diện tích cụ thể các khu sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập dự án thành lập, mở rộng.*

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
CÁC KHU VỰC CẦN ĐƯỢC BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH (ĐÃ XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH CẤP QUỐC GIA VÀ QUY HOẠCH VÙNG) THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện
1	Di sản thế giới Khu đền tháp Mỹ Sơn	Xã Thu Bồn	2026-2030
2	Di sản thế giới Khu phố cổ Hội An	Các phường: Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây	2026-2030
3	Di tích quốc gia đặc biệt thành Điện Hải (giai đoạn 2)	Phường Hải Châu	2026-2030
4	Di tích quốc gia đặc biệt danh thắng Ngũ Hành Sơn	Phường Ngũ Hành Sơn	2026-2030
5	Di tích quốc gia đặc biệt Phật viện Đồng Dương	Xã Đồng Dương	2026-2030
6	Di tích quốc gia đặc biệt Đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh (các di tích thành phần: Khâm Đức, Bến Giằng, Đèo Bù Lạch)	Các xã: Khâm Đức, Bến Giằng, Tây Giang	2030-2050
7	Các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đã được xếp hạng (84 di tích)	Trên địa bàn thành phố	2026-2030 và sau năm 2030

thaont17-22/07/2026 15:49:08-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Dự kiến quy mô
A1	**Mạng lưới đường quốc lộ, cao tốc**			
	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 theo QĐ 2740/QĐ-BXD ngày 30/12/2025.			
A2	**Mạng lưới đường tỉnh**			
I	**Các tuyến hiện hữu cải tạo, nâng cấp**			
1	Đường tỉnh 601	ĐT.602 Phường Hòa Khánh	Giáp Tp. Huế Phường Hải Vân	Đô thị
2	Đường tỉnh 602	Đ. Mê Linh – Âu Cơ Phường Hòa Khánh	Đ. Bà Nà - Suối Mơ Xã Bà Nà	Đô thị
3	Đường tỉnh 603	QL.1 Phường Hòa Xuân	ĐT.603C Phường Điện Bàn Đông	Đô thị
4	Đường tỉnh 603B	Đ. Trường Sa Phường Ngũ Hành Sơn	QL.14H Phường Điện Bàn Đông	Đô thị
5	Đường tỉnh 605	QL.1 Phường Hòa Xuân	ĐT.609B Xã Đại Lộc	IV-Đô thị
6	Đường tỉnh 606	Đ. HCM Xã A Vương	Cửa khẩu Tây Giang Xã Hùng Sơn	Cấp IV
7	Đường tỉnh 607	Đ. Trần Đại Nghĩa Phường Ngũ Hành Sơn	QL.14H (Nguyễn Chí Thanh) Phường Hội An Tây	Đô thị
8	Đường tỉnh 607B	ĐT.608 Phường Hội An Tây	ĐT.603B Phường Điện Bàn Đông	Đô thị
9	Đường tỉnh 608	QL.14H Phường Hội An Đông	ĐT.609 Phường An Thắng	Đô thị
10	Đường tỉnh 609	ĐT.610B Phường Điện Bàn	Đ. HCM Xã Bến Hiên	IV-Đô thị
11	Đường tỉnh 609B	QL.14B Xã Đại Lộc	QL.14H Xã Thu Bồn	Cấp IV
12	Đường tỉnh 609C	ĐT.609B Xã Đại Lộc	QL.14B Xã Hà Nha	Cấp IV

thaont17-22/07/2026 12:40:05-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Dự kiến quy mô
13	Đường tỉnh 610B	Đường QL.1 Phường An Thắng	ĐT.605 Xã Đại Lộc	IV-Đô thị
14	Đường tỉnh 611	ĐT.613 Xã Thăng An	QL.14H Xã Nông Sơn	Cấp IV
15	Đường tỉnh 611B	ĐT.611 Xã Quế Sơn	QL.14E Xã Việt An	Cấp IV
16	Đường tỉnh 612	QL.14E Xã Thăng Bình	ĐT.614 Xã Sơn Cẩm Hà	Cấp IV
17	Đường tỉnh 613	QL.1 Xã Thăng Bình	QL.1 Xã Thăng Bình	Cấp IV
18	Đường tỉnh 613B	ĐT.613 Xã Thăng An	ĐT.617B Xã Tam Anh	Cấp IV
19	Đường tỉnh 614	ĐT.616 Xã Tiên Phước	QL.14E Xã Đồng Dương	Cấp IV
20	Đường tỉnh 615	ĐT.613B Xã Thăng Trường	QL.14E Xã Việt An	Cấp IV
21	Đường tỉnh 615B	QL.40B Xã Lãnh Ngọc	Đ. Trường Sơn Đông Xã Hiệp Đức	Cấp IV
22	Đường tỉnh 616	QL.1 Phường Bàn Thạch	QL.40B Xã Thạnh Bình	IV-Đô thị
23	Đường tỉnh 617	ĐT.619/Võ Chí Công Xã Núi Thành	QL.40B Xã Trà My	Cấp IV
24	Đường tỉnh 618	ĐT.620/Cảng Kỳ Hà Xã Núi Thành	CT.01 Xã Tam Mỹ	III-Đô thị
25	Đường tỉnh 619	QL.14H Phường Hội An Tây	Giáp Quảng Ngãi Xã Núi Thành	II-Đô thị
26	Đường tỉnh 620	ĐT.618/Cảng Kỳ Hà Xã Núi Thành	QL.1 Xã Núi Thành	Cấp II
II	**Các tuyến mới**			
1	Đường tỉnh 603C	ĐT.603B Phường Điện Bàn Đông	QL.14B Xã Hòa Tiến	IV-Đô thị
2	Đường tỉnh 604	QL.14G Xã Sông Vàng	ĐT.609 Xã Thượng Đức	Cấp IV
3	Đường tỉnh 605B	QL.14B Xã Hà Nha	QL.14H Xã Thu Bồn	Cấp IV
4	Đường tỉnh 606B	QL.14D Xã Nam Giang	ĐT.606 Xã Tây Giang	Cấp IV

thaont1-22/07/2026 15:19:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Dự kiến quy mô
5	Đường tỉnh 610	ĐT.619 Xã Duy Nghĩa	QL.14H Xã Thu Bồn	Cấp III
6	Đường tỉnh 613C	ĐT.619 Xã Thăng Trường	ĐT.614 Xã Việt An	Cấp IV
7	Đường tỉnh 619B	ĐT.610 Xã Duy Nghĩa	ĐT.619 Xã Thăng Trường	III-Đô thị
8	Đường ĐT.617B	ĐT.613B Xã Tam Anh	QL.40B Xã Lãnh Ngọc	Cấp III
9	Đường gom cao tốc CT. 01	Xã Bà Nà	Xã Núi Thành	Cấp IV
10	Đường Hành lang biển	Xã Duy Nghĩa	Xã Tam Hải	Cấp IV
11	Đường đô thị tốc độ cao (Một số đoạn trùng với ĐT.619 và ĐT.619B)	Đường Trần Đại Nghĩa Phường Ngũ Hành Sơn	ĐT.620/CHK Chu Lai Xã Núi Thành	Đô thị
III	**Các đoạn đường ngang kết nối đường ven biển ĐT.619 với đường Hành lang biển**			
1	ĐN-01	Xã Duy Nghĩa	Xã Duy Nghĩa	
2	ĐN-02	Xã Thăng An	Xã Thăng An	
3	ĐN-03	Xã Thăng An	Xã Thăng An	
4	ĐN-04	Xã Thăng An	Xã Thăng An	
5	ĐN-05	Xã Thăng An	Xã Thăng An	
6	ĐN-06	Xã Thăng An	Xã Thăng An	
7	ĐN-07	Xã Thăng An	Xã Thăng An	
8	ĐN-08	Xã Thăng Trường	Xã Thăng Trường	
9	ĐN-09	Xã Thăng Trường	Xã Thăng Trường	
10	ĐN-10	Xã Thăng Trường	Xã Thăng Trường	
11	ĐN-11	Xã Tam Xuân	Xã Tam Xuân	
12	ĐN-12	Xã Tam Xuân	Xã Tam Xuân	

Ghi chú: *các đoạn đường qua đô thị, qua các khu kinh tế thì quy mô xây dựng được thực hiện theo quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu kinh tế. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các tuyến sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc dự án đầu tư.*

thaont17-22/07/2026 15:19:00-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Tuyến đường thủy nội địa cấp quốc gia và cảng, bến thủy nội địa trung ương quản lý trên địa bàn

Thực hiện theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 và Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Luồng đường thủy nội địa

STT	Tên sông	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật tối thiểu (2030)
1	Sông Cẩm Lệ	9	V
2	Sông Túy Loan	10	VI
3	Sông Yên	21	V
4	Sông Quá Giáng (Bầu Sấu)	4	VI
5	Sông Cu Đê	14	V
6	Sông Cổ Cò	27	IV
7	Sông Vu Gia	42	VI
8	Sông Thu Bồn II	30	VI
9	Sông Duy Vinh	20	V
10	Sông Bà Rén	7	V
11	Sông Tam Kỳ	20	IV
12	Sông An Tân	9	V
13	Sông Bàn Thạch	16	V
14	Sông Cẩm Thanh	4	VI
15	Sông Đò	5	VI
16	Sông Chợ	8	VI
17	Sông Ly Ly (đoạn từ cầu Hương An đến giáp sông Bà Rén)	5	VI

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên sông	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật tối thiểu (2030)
18	Sông Quảng Huế	6	VI
19	Sông Quá Giáng (đoạn từ đập Bàu Nít đến giáp sông Yên)	12	VI
20	Tuyến nhánh phụ sông Thu Bồn phía Nam xã Gò Nổi	17	VI
21	Tuyến từ cảng sông Hàn đến khu du lịch làng Vân, Sơn Chà		III
22	Các tuyến quanh đảo, bán đảo Sơn Trà, Cù Lao Chàm, Tam Hải		III
23	Các tuyến ven biển và nối đảo: Vịnh Đà Nẵng - Sơn Chà - Cửa Hàn - Cù Lao Chàm - Cửa Đại		III

Ghi chú: cấp luồng được nghiên cứu xác định trong các quy hoạch bước sau.

3. Danh mục cảng, bến thủy nội địa

- Danh mục các cảng, bến thủy nội địa (bao gồm danh mục bến hàng hóa, vật liệu xây dựng và bến hành khách, tổng hợp) tiếp tục thực hiện theo:

+ Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt đồ án Quy hoạch chuyên ngành giao thông đô thị thành phố Đà Nẵng;

+ Các Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 15/9/2017, số 3839/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, số 485/QĐ-UBND ngày 25/02/2020, số 1771/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và số 3241/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 và Công văn số 2834/UBND-KTN ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam (cũ);

- Danh mục và quy mô, vị trí, công năng các cảng, bến thủy nội địa nêu trên sẽ tiếp tục được các cơ quan chức năng cập nhật, hiệu chỉnh, xác định cụ thể trong quá trình tổ chức lập quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật (giao thông), quy hoạch phân khu và các quy hoạch liên quan khác của thành phố Đà Nẵng, để đảm bảo phù hợp với thực tế khả năng và nhu cầu vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách, phát triển du lịch tại địa phương.

thaont17-20/12/2026 15:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG SẮT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tuyến đường sắt	Dự kiến phương án kết nối
1	MRT1	Khu đô thị Cảng biển Liên Chiểu - Ga đường sắt Đà Nẵng cũ - Ngũ Hành Sơn
2	MRT2	Ga đường sắt Đà Nẵng cũ - Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng - Ngũ Hành Sơn - Hội An
3	MRT3	Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng - Hội An – Cảng hàng không quốc tế Chu Lai
4	LRT	Xây dựng mạng lưới LRT bổ trợ MRT

Ghi chú:

- (*) LRT: đường sắt nhẹ; (**) MRT: tàu điện ngầm/tàu điện trên cao.

- Vị trí ga, phương án tuyến sẽ được cụ thể hóa và có thể chỉnh sửa và được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch đô thị, nông thôn hoặc khi lập dự án đầu tư.

- Nâng cấp các tuyến LRT thành MRT khi có nhu cầu.

thaont17-22/07/2026 15:19:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XIV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

A. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN HIỆN TRẠNG ĐÃ CÓ CHỦ ĐẦU TƯ (CHƯA ĐIỀU CHỈNH CÔNG SUẤT)

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã, phường)	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý đập, hồ chứa thủy điện	Công suất (MW)	Điện lượng (triệu kWh)	Năm vận hành phát điện
A	**THỦY ĐIỆN (44 dự án)**			**1.784,31**	**6.149,09**	
I	**Thủy điện vừa và lớn (Đã vận hành phát điện): 12 dự án**			**1.335,00**	**4.562,52**	
1	A Vương	Xã Bến Hiên	Công ty cổ phần Thủy điện A Vương	210,00	737,35	7/2008
2	Sông Côn 2	Xã Sông Kôn	Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn	63,00	209,70	9/2009
3	Sông Tranh 2	Xã Trà Tân, Trà Đốc	Công ty Thủy điện Sông Tranh	190,00	613,50	12/2010
4	Đak Mi 4A	Xã Khâm Đức, xã Phước Hiệp	Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi	148,00	589,30	01/2012
	Đak Mi 4B	Xã Phước Hiệp		42,00	163,80	02/2012
5	Sông Bung 2	Xã La ÊÊ	Công ty thủy điện Sông Bung	100,00	425,77	11/2018
6	Sông Bung 4	Xã Bến Giằng		156,00	460,36	10/2014
7	Sông Bung 5	Xã Bến Hiên, xã Thạnh Mỹ	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	57,00	187,06	12/2012
8	Đăk Mi 2	Xã Phước Chánh, xã Phước Thành	Công ty cổ phần Năng Lượng AGRITA Quảng Nam	147,00	439,40	10/2021
9	Đăk Mi 3	Xã Phước Chánh, xã Phước Thành	Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - Công ty cổ phần - NMTĐ Đak Mi 3	63,00	195,60	7/2017
10	Sông Bung 4A	Xã Bến Hiên, xã Thạnh Mỹ	Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ	49,00	149,59	12/2013
11	Sông Tranh 3	Xã Phước Trà, xã Lãnh Ngọc	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	62,00	212,90	11/2018

thaont17-22/02/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã, phường)	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý đập, hồ chứa thủy điện	Công suất (MW)	Điện lượng (triệu kWh)	Năm vận hành phát điện
12	Sông Tranh 4	Xã Hiệp Đức, xã Việt An	Công ty cổ phần thủy điện Sông Tranh 4	48,00	178,19	9/2021
II	Thủy điện nhỏ (32 dự án)			**449,31**	**1.586,57**	
*	Các dự án đã vận hành phát điện (22 dự án)			**261,21**	**945,65**	
1	Sông Bung 6	Xã Bến Hiên, xã Thạnh Mỹ	Công ty cổ phần Thuỷ điện Đạt Phương Sông Bung	29,00	120,52	12/2012
2	Sông Cùng	Xã Thượng Đức	Công ty TNHH Hoàng Anh QN	1,30	5,70	2009
3	Đại Đồng	Xã Hà Nha	Công ty cổ phần Phú Đại Lộc	0,78	1,28	02/2007
4	Khe Diên	Xã Quế Phước	Công ty cổ phần Sông Ba	15,00	40,71	5/2007
5	Za Hung	Xã Đông Giang	Công ty cổ phần Tập đoàn Za Hưng	30,00	122,70	8/2009
6	Trà Linh 3	Xã Trà Linh và xã Trà Tập	Công ty cổ phần Xây dựng 699	7,20	29,64	01/2010
7	An Điềm II	Xã Sông Vàng, xã Thượng Đức	Công ty cổ phần thuỷ điện Sông Vàng	29,60	106,00	10/2010
8	Tà Vi	Xã Trà Tân	Công ty cổ phần Đầu tư năng lượng Trường Thịnh	3,00	11,90	12/2009
9	Đăk Mi 4C	Xã Phước Hiệp	Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi	18,00	69,10	12/2012
10	Đăk Sa	Xã Phước Năng	Công ty TNHH FDEVN	1,96	8,45	3/2016
11	A Vương 3	Xã A Vương	Công ty cổ phần Đầu tư khai thác TĐ A Vương 3	4,80	18,98	6/2016
12	Đăk Pring	Xã Nam Giang	Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Trung	7,50	30,44	9/2017
13	Nước Biêu	Xã Trà Tập	Công ty cổ phần Thuỷ điện Nước Biêu	14,00	49,05	10/2022
14	Tầm Phục	Xã Quế Phước	Công ty TNHH Bảo Phúc Tâm	2,40	6,86	9/2022
15	Đăk Di 1	Xã Nam Trà My, xã Trà Linh	Công ty cổ phần Tư vấn và Phát triển điện Cửu Long	28,00	98,34	8/2022
16	Đăk Di 2	Xã Nam Trà My, Xã Trà Linh	Công ty cổ phần Tư vấn và Phát triển điện Cửu Long	20,00	68,26	11/2022
17	Trà Linh 2	Xã Trà Linh, xã Trà Tập	Công ty cổ phần thủy điện Ngọc Linh	27,00	83,05	5/2023

thaont17-22/07/2026 15:19:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã, phường)	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý đập, hồ chứa thủy điện	Công suất (MW)	Điện lượng (triệu kWh)	Năm vận hành phát điện
18	Nước Bươu	Xã Trà Tập	Công ty cổ phần Thủy điện Nước Bươu	12,80	38,53	01/2024
19	Duy Sơn	Xã Duy Xuyên	Hợp tác xã Duy Sơn	1,40	2,50	1983
20	Trà My	Xã Trà Đốc	Công ty cổ phần Năng lượng Bắc Trà My	2,05	8,20	2003
21	An Điềm	Xã Thượng Đức	Công ty dịch vụ điện lực miền Trung	5,40	23,42	1991
22	Phú Ninh	Xã Phú Ninh	Công ty dịch vụ điện lực miền Trung	1,60	0,03	1990
*	**Các dự án đang thi công xây dựng (07 dự án)**			**165,10**	**562,92**	
23	Tr' Hy	Xã Hùng Sơn	Công ty cổ phần Tài chính và Phát triển Năng lượng	30,00	117,40	
24	Nước Chè	Xã Phước Năng	Công ty cổ phần thủy điện Nước Chè	30,00	93,00	
25	A Vương 5	Xã Đông Giang	Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển thuỷ điện A Vương Thượng	8,00	31,59	
26	Trà Linh 1	Xã Trà Linh, xã Trà Tập	Công ty TNHH Thanh Bình	29,60	96,43	
27	Trà Leng 2	Xã Trà Leng	Công ty cổ phần phát triển năng lượng Trà Leng	18,00	61,22	
28	Sông Bung 3A	Xã Nam Giang	Công ty cổ phần FCL	20,00	73,30	
29	Tăk Lê	Xã Trà Linh	Công ty TNHH Thanh Bình	29,50	89,98	
*	**Các dự án đã có chủ đầu tư, đang thực hiện thủ tục đầu tư (03 dự án)**			**23,00**	**78,00**	
30	Trà Leng 1	Xã Trà Leng	Công ty cổ phần phát triển năng lượng Trà Leng	12,00	41,51	
31	Nước Lah 1	Xã Nam Trà My, xã Trà Vân	Công ty cổ phần Đầu tư năng lượng Kỳ Hưng	4,00	13,32	
32	Nước Lah 2	Xã Nam Trà My, xã Trà Vân	Công ty cổ phần Đầu tư năng lượng Kỳ Hưng	7,00	23,17	
B	**Nhiệt điện**					
1	Nhà máy nhiệt điện Nông Sơn	Xã Nông Sơn	Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn-TKV	30,00	180,00	2014
C	**Điện sinh khối**					
1	Nhà máy điện sinh khối Quế Sơn	Xã Quế Sơn	Công ty TNHH Vietpeco	6,00		Chưa khởi công.

thaont17-22/07/2026 15:49:23-thaont17-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã, phường)	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý đập, hồ chứa thủy điện	Công suất (MW)	Điện lượng (triệu kWh)	Năm vận hành phát điện
D	**ĐIỆN KHÍ**					
1	Nhà máy TBKHH miền Trung I	Xã Núi Thành	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	750,00		Chưa khởi công.
2	Nhà máy TBKHH miền Trung II	Xã Núi Thành	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	750,00		Chưa khởi công.

Ghi chú:

- 04 dự án thủy điện: Duy Sơn, Trà My 1&2, An Điềm, Phú Ninh (phát điện từ hồ chứa thủy lợi Phú Ninh) là các dự án được xây dựng trước khi có yêu cầu phải thực hiện các bước quy hoạch theo quy định.

- 10 dự án thủy điện: A Vương, Sông Côn 2, Sông Tranh 2, Đak Mi 4 A-B, Sông Bung 2, Sông Bung 4, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Đak Mi 2, Đak Mi 3 thuộc quy hoạch thủy điện bậc thang do Bộ Công Thương lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

- 30 dự án thủy điện còn lại: thuộc quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (trước đây), Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch tùy giai đoạn theo quy định của pháp luật.

- 02 dự án thủy điện Nước Lah 1 và Nước Lah 2 điều chỉnh sáp nhập thành 01 dự án thủy điện Nước Lah (17MW).

- Số lượng, tên, quy mô, vị trí, địa điểm, hướng tuyến, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... các dự án của các loại hình nguồn điện sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án.

B. TỔNG HỢP CÔNG SUẤT CÁC LOẠI HÌNH NGUỒN ĐIỆN ĐƯỢC PHÂN BỔ TRONG QUY HOẠCH ĐIỆN VIII, QUY HOẠCH ĐIỆN VIII ĐIỀU CHỈNH

STT	Loại hình nguồn điện	Công suất trong QH điện VIII (MW)	Công suất trong QH điện VIII điều chỉnh (MW)		Tổng công suất các loại hình nguồn điện (MW)	
			Giai đoạn 2025-2030	Giai đoạn 2031-2035	Đến năm 2030	Đến năm 2035
1	Thủy điện nhỏ	201	373	438,3	574	1.012,3
2	Thủy điện lớn	0	0	105	0	105
3	Thủy điện tích năng	0	300	595	300	895
4	Điện mặt trời tập trung	0	100	0	100	100

STT	Loại hình nguồn điện	Công suất trong QH điện VIII (MW)	Công suất trong QH điện VIII điều chỉnh (MW)		Tổng công suất các loại hình nguồn điện (MW)	
			Giai đoạn 2025-2030	Giai đoạn 2031-2035	Đến năm 2030	Đến năm 2035
5	Điện mặt trời mái nhà	73	100	215	173	388
6	Điện rác	33	120	0	153	153
7	Điện sinh khối	06	58	357	64	421
8	Điện gió trên bờ và gần bờ	0	100	0	100	100
	Tổng cộng	**313**	**1.151**	**1.710,3**	**1.464**	**3.174,3**

Ghi chú: *Số lượng, tên, quy mô, vị trí, địa điểm, hướng tuyến, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... các dự án của các loại hình nguồn điện sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án (đối với dự án có chủ đầu tư).*

C. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN PHÙ HỢP VỚI CÔNG SUẤT PHÂN BỔ TRONG QUY HOẠCH ĐIỆN VIII, QUY HOẠCH ĐIỆN VIII ĐIỀU CHỈNH.

I. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN CÔNG SUẤT TỪ 50MW TRỞ LÊN

STT	Tên dự án	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
		GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
I	**Thủy điện**				
1	Thuỷ điện A Vương mở rộng		105,0	Xây dựng SPP tại NMTĐ A Vương Mở Rộng gồm 03 ngăn lộ 220kV; Xây dựng đường dây 220kV mạch kép, tiết diện 2xACSR330, dài khoảng 1km từ TPP NMTĐ A Vương mở rộng đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 220kV NMTĐ A Vương - Thạnh Mỹ hiện có	Theo Bảng 6, QĐ số 768/QĐ-TTg. Dự án đã vận hành phát điện từ năm 2010 với công suất 210MW.
II	**Thủy điện tích năng**				
1	Thuỷ điện tích năng A Vương	300,0		Xây dựng trạm phân phối gần cửa hầm thông gió, đấu nối từ máy biến áp đến TPP 500kV. Đấu nối về trạm 500kV Thạnh Mỹ với chiều dài đường dây 500kV mạch kép, khoảng 35km đấu nối vào lưới điện Quốc Gia.	Theo Bảng 9, QĐ số 768/QĐ-TTg. Tiếp tục điều chỉnh công suất từ 300MW lên 1.050MW ở giai đoạn tiếp theo. Chỉ được triển khai đầu tư với

STT	Tên dự án	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
		GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
				Lắp đặt thiết bị 02 ngăn lộ tại TBA 500kV Thạnh Mỹ	công suất 1.050MW khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định thống nhất.
2	Thuỷ điện tích năng Đà Nẵng GĐ1		595,0	Xây dựng TBA 500/220kV, với công suất lắp đặt 750MVA đấu nối chuyển tiếp vào 01 mạch đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi	Theo Bảng 9, QĐ số 768/QĐ-TTg.
III	**Điện mặt trời**				
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời tại Hòa Vang	50,0		ĐZ 110kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110kV, xuất tuyến 171 TBA Cầu Đỏ - xuất tuyến 171 TBA 500 Đà Nẵng	Theo Bảng 14, QĐ số 768/QĐ-TTg. Triển khai theo giai đoạn hoặc các dự án nhỏ khi được cấp có thẩm quyền quyết định và không vượt quá công suất phân bổ
IV	**Điện gió**				
1	Dự án điện gió TDX Quảng Nam 1	100,0		Đấu nối vào thanh cái 110kV TBA 220kV Tam Kỳ, chiều dài 10.5 km	Theo Bảng 13, QĐ số 768/QĐ-TTg.
V	**Điện sinh khối**				
1	Dự án Điện Sinh khối Tiên Phước		50,0	Xây dựng đường dây 110kV mạch đơn từ ĐSK Tiên Phước - Tiên Phước , dây dẫn AC 185, chiều dài 1 km	Theo Bảng 15, 768/QĐ-TTg
2	Dự án Điện Sinh khối Quảng Nam		50,0	Xây dựng đường dây 110kV mạch đơn từ ĐSK Quảng Nam - Tam Anh, dây dẫn AC 185, chiều dài 1.5 km	
VI	**Nguồn điện khí trong nước**				
1	Nhà máy tua bin khí hỗn hợp miền Trung I	750,0		Xây dựng mới đường dây 500kV mạch kép TBK Miền Trung - Dốc Sỏi 2 mạch, chiều dài toàn tuyến 2x18km	Theo Bảng 6, QĐ số 768/QĐ-TTg và Bảng 6, Phụ lục II.2, QĐ 1509/QĐ-BCT
2	Nhà máy tua bin khí hỗn hợp miền Trung II	750,0			
VII	**Nguồn điện LNG**				
1	LNG Hoà Ninh giai đoạn 1		1.500	Cấp điện áp 500kV: đấu nối và truyền tải công suất lên Hệ thống điện Quốc gia. Phương án đấu nối thực hiện bằng 02 mạch đường dây 500kV chuyển tiếp trên 01 mạch Trạm biến áp Quảng Trị – Thạnh Mỹ hoặc Trạm cắt Quảng Trị 2 – Thạnh Mỹ.	Theo Bảng 2, QĐ số 768/QĐ-TTg và Bảng 2, Phụ lục II.2, QĐ 1509/QĐ-BCT thuộc dự án dự phòng phát triển giai đoạn 2031-2035. Chỉ được triển khai khi được cấp có thẩm quyền

STT	Tên dự án	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
		GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
				Cấp điện áp 220kV: đấu nối và cấp điện cho lưới điện khu vực. Phương án đấu nối thực hiện bằng các tuyến đường dây 220kV đi các trạm biến áp Hòa Khánh, Liên Chiểu, Hải Châu và sân bay Đà Nẵng.	chấp thuận để bù đắp các nguồn điện khác trong khu vực chậm tiến độ hoặc phụ tải tăng đột biến

**** Ghi chú:***

- Các dự án nguồn điện lớn (50MW trở lên) đã có trong Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh được cập nhật vào Quy hoạch thành phố theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025 (Quy hoạch điện VIII điều chỉnh).

- Số lượng, tên, quy mô công suất, vị trí, địa điểm, hướng tuyến, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... của các dự án sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án (đối với dự án đã có chủ đầu tư).

II. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN CÔNG SUẤT DƯỚI 50MW, ĐẤU NỐI Ở CẤP ĐIỆN ÁP TỪ 110KV TRỞ XUỐNG

1. Thuỷ điện nhỏ

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
I	**Thuỷ điện nhỏ giai đoạn 2023-2030 theo Quy hoạch điện VIII**					
1	Nhà máy thuỷ điện Trà Linh 2	27,0	27,0		ĐZ 110 kV mạch đơn Trà Linh 2 đấu nối vào trạm cắt 110kV Trà Don đóng điện năm 2023	Đã vận hành
2	Nhà máy thuỷ điện Nước Bươu	12,8	12,8		ĐZ 22 kV mạch đơn Nước Bươu đấu nối vào TBA 22/110kV Nam Trà My đóng điện năm 2024	Đã vận hành
3	Nhà máy thuỷ điên Tr'Hy	30,0	30,0		ĐZ 110 kV mạch đơn TĐ Tr'Hy đấu nối vào TĐ Za Hưng , chiều dài 48.4 km và đoạn mạch kép đi chung cột với Đz Za Hưng - TBA 220kV Thạnh Mỹ dài 21,5km. Bổ sung thêm cuộn 22kV cho máy biến áp nâng tại trạm biến áp 110kV của thủy điện Tr'hy để tăng thêm nguồn cấp điện tại	Đang thi công xây dựng

thaont17-22/07/2026 15:49:03 thaont17 thaont17

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
					chỗ và phục vụ cấp điện cho các phụ tải trên địa bàn Tây Giang	
4	Nhà máy thủy điện Nước Chè	30,0	30,0		ĐZ 110kV Nước Chè - Phước Sơn dây dẫn AC185, chiều dài 6.6km	Đang thi công xây dựng
5	Nhà máy thủy điện A Vương 5	8,0	8,0		ĐZ 22kV mạch đơn đấu nối vào ngăn lộ 22kV TBA 110kV Đông Giang, chiều dài 1.5km	Đang thi công xây dựng
6	Nhà máy thủy điện Trà Linh 1	29,6	29,6		ĐZ 110kV mạch đơn NMTĐ Trà Linh 1-Trà Linh 2 dây dẫn AC185 dài 4.9 km	Đang thi công xây dựng
7	Nhà máy thủy điện An Điềm II	14,0	14,0		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn NMTĐ An Điềm II đi trạm cắt 110kV An Điềm, dây dẫn AC185, chiều dài 13.3km Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép Trạm Cắt 110kV An Điềm – rẽ Đại Lộc – XM Thạnh Mỹ, dây dẫn AC185, chiều dài 0.6km	Đã phát điện với công suất 15,6MW. Đang thi công xây dựng phần mở rộng 14MW.
8	Nhà máy thủy điện Trà Leng 2	18,0	18,0		ĐZ110kV mạch đơn từ NMTĐ Trà Leng 2 - Trạm Cắt Trà My dây dẫn AC185, chiều dài 7 km. Xây dựng thêm 03 ngăn lộ 22kV tại trạm 110kV Trà Leng 2 để cấp điện tại chỗ và phục vụ cấp điện cho các phụ tải trên địa bàn.	Đang thi công xây dựng
9	Nhà máy thủy điện Sông Bung 3A	20,0	20,0		ĐZ 35kV mạch đơn đấu vào ngăn lộ 35kV TBA 22/35/110kV-40MVA Nam Giang, dài 32km	Đang thi công xây dựng
10	Nhà máy thủy điện Trà Leng 1	12,0	12,0		ĐZ 22kV mạch đơn đấu nối vào TBA NMTĐ Trà Leng 2, dây AC-150 dài khoảng 6km. Xây dựng thêm ngăn lộ 22kV tại trạm nâng 6.3/22kV Trà leng 1 để cấp điện tại chỗ và phục vụ cấp điện cho các phụ tải trên địa bàn	Đã có chủ đầu tư
II	**Thuỷ điện nhỏ được phân bố công suất theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh**					

thaontt 22/07/2026 15:49:03-thaontt-thaontt-thaontt

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
1	Thủy điện Tăk Lê	29,5	29,5		Đường dây 110kV mạch đơn, dây AC-185 dài 5,23km, đấu nối vào TBA 110kV thủy điện Đăk Di 1, sau đó đấu nối về trạm cắt Trà Don.	Dự án đang thi công xây dựng. Theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
2	Thủy điện Nước Lah	Bao gồm dự án Nước Lah 1 (4MW) và Nước Lah 2 (7MW)	17,0		Đường dây 110kV mạch đơn, dài khoảng 2,5km, đấu nối vào TBA 110kV Nam Trà My	Đã có chủ đầu tư đối với 02 dự án Nước Lah 1 và Nước Lah 2. Điều chỉnh sáp nhập 02 dự án thủy điện Nước Lah 1 và Nước Lah 2 thành dự án thủy điện Nước Lah có công suất 17MW, đã có trong Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
3	Thủy điện Trà Linh 2	27	30		MBA nâng và đường dây 110kV hiện hữu đảm bảo truyền tải	Đã phát điện (27MW). Điều chỉnh nâng công suất phát điện thêm 3MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày
4	Thủy điện Nước Biêu	14	17,6		MBA nâng và đường dây 110kV hiện hữu đảm bảo truyền tải	Đã phát điện (14MW). Điều chỉnh nâng công suất phát điện thêm 3,6MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
5	Thủy điện Nước Bươu	12,8	14		MBA nâng và đường dây 110kV hiện hữu đảm bảo truyền tải	Đã phát điện (12,8MW). Điều chỉnh nâng công suất phát điện thêm 1,2MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
6	Thủy điện Đăk Di 1	28	30		MBA nâng và đường dây 110kV hiện hữu đảm bảo truyền tải	Đã phát điện (28MW). Điều chỉnh nâng công suất phát điện thêm 2MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
7	Thủy điện Đăk Di 2	20	23		MBA nâng và đường dây 110kV hiện hữu đảm bảo	Đã phát điện (20MW). Điều chỉnh nâng công

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
					truyền tải	suất phát điện thêm 3MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
8	Thủy điện Trà Linh 3	7,2	15,2		Bổ sung 01 TBA và thay đổi cấp điện đường dây 35kV hiện hữu thành 110kV	Đã phát điện (7,2MW). Điều chỉnh mở rộng, nâng công suất phát điện thêm 8MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
9	Thủy điện Đăk Sa	1,96	4		MBA nâng và đường dây 22kV hiện hữu đảm bảo truyền tải	Đã phát điện (1,96MW). Điều chỉnh mở rộng, nâng công suất phát điện thêm 2,04MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
10	Thủy điện Trà Leng 1	12	16		ĐZ 110kV mạch đơn đấu vào thanh cái 110kV thủy điện Trà Leng 2 (dự kiến vận hành 2027), dài 6km	Dự án đã có chủ đầu tư (12MW). Điều chỉnh nâng công suất phát điện thêm 4,0 MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
11	Thủy điện Trà Leng 2	18	25		ĐZ 110kV mạch đơn đấu vào thanh cái 110kV TC Trà My (Cụm thủy điện Nam Trà My, đường dây vận hành năm 2022), dài 7km. Xây dựng thêm 03 ngăn lộ 22kV tại trạm 110kV Trà Leng 2 để cấp điện tại chỗ và phục vụ cấp điện cho các phụ tải trên địa bàn.	Dự án đang thi công xây dựng (18MW). Điều chỉnh nâng công suất phát điện thêm 7,0 MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
12	Thủy điện Sông Bung 3A	20	25		ĐZ 35kV mạch đơn đấu vào ngăn lộ 35kV TBA 22/35/110kV-40MVA Nam Giang, dài 32km	Dự án đang thi công xây dựng (20MW). Điều chỉnh nâng công suất phát điện thêm 5,0MW theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024.

thaont17-22/07/2026 15:19:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
13	Thủy điện A Vương 5	8	12		ĐZ 22kV mạch đơn đấu vào ngăn lộ 22kV TBA 22/110-25MVA Đông Giang (đang thi công, dự kiến vận hành 2027), dài 1,5km	Dự án đang thi công xây dựng (08MW). Điều chỉnh nâng công suất phát điện thêm 4,0MW được phân bổ trong QH điện VIII điều chỉnh. Công văn số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam.

**** Ghi chú:***

- Theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024: Giai đoạn 2026-2030 10 dự án thủy điện nhỏ (đã có chủ đầu tư) được phân bổ công suất theo Quy hoạch điện VIII với tổng công suất là 201,4MW; có 13 dự án thủy điện nhỏ (đã có chủ đầu tư) đầu tư, nâng công suất được phân bổ công suất theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh với tổng công suất 258,3MW. Tổng công suất phát triển thủy điện nhỏ giai đoạn 2026-2030 là 459,7MW; phù hợp với nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 70-NQ-TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là phát huy, mở rộng tối đa công suất của các nhà máy điện hiện có"

- Các dự án thuỷ điện nhỏ có trong danh mục dự án là các dự án đã có trong quy hoạch trước, đã có chủ đầu tư và được phân bổ công suất (đối với các dự án có điều chỉnh nâng công suất) trong Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh.

- Đối với các dự án thủy điện nhỏ phát triển mới, chưa có chủ đầu tư thuộc danh mục dự án đề xuất phát triển trong tổng công suất phân bổ tăng thêm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cũ (theo Công văn số 1316/UBND-SCT ngày 07/3/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng) và tỉnh Quảng Nam cũ (theo Công văn số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam) đã được phân bổ công suất trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025: Tiếp tục rà soát, đánh giá, chuẩn xác trong quá trình thực hiện quy hoạch về số lượng, tên, quy mô công suất và phương án lưới điện đấu nối đồng bộ, giai đoạn vận hành, vị trí và địa điểm xây dựng, phù hợp với các yêu cầu thực tiễn về PCTT, môi trường, đất đai, quốc phòng, an ninh, tiến độ thực tế, tính khả thi của phương án đấu nối và truyền tải công công suất, ... và chỉ được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... của các dự án sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án (đối với dự án đã có chủ đầu tư).

2. Điện rác

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
1	Dự án Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện tại Khánh Sơn, Tp Đà Nẵng		18,0		- Giai đoạn 1: Xây dựng đường dây 22kV 02 mạch, chiều dài khoảng 02km, đấu nối vào đường dây 478/TBA 110kV Cầu Đỏ. - Giai đoạn 2: Xây dựng đường dây trung áp 22kV mạch kép vào thanh cái 22kV trạm biến áp 110kV Hòa Khánh Nam khi trạm biến áp 110kV Hòa Khánh Nam đưa vào vận hành (đồng bộ với tiến độ đưa vào vận hành trạm biến áp 110kV Hòa Khánh Nam).	Đã có chủ đầu tư. Theo Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ
2	Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt 1.000 tấn/ngày tại bãi rác Khánh Sơn, thành phố Đà Nẵng		22,0		Xây dựng mới đường dây 22kV, dài khoảng 7,5km từ Trạm phân phối đấu nối vào thanh cái 22kV Trạm biến áp 110kV Xuân Hà.	Theo Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ
3	Dự án Nhà máy xử lý rác thải và phát điện, Khu xử lý chất thải rắn Nam Quảng Nam		15,0		Xây dựng đường dây 110kV mạch kép dài khoảng 2,15km, đấu nối chuyển tiếp vào 01 mạch đường dây 110kV mạch kép Dốc Sỏi 500kV - Kỳ Hà.	Đã có quy hoạch Khu xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt tiên tiến thuộc Khu xử lý chất thải rắn Nam Quảng Nam trong Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024
4	Dự án Nhà máy điện rác Hội An		5,0		Đường dây 22kV mạch đơn về thanh cái 22kV TBA 110kV Hội An, dài 2km	Theo công suất được phân bổ trong QH VIII điều chỉnh; Công văn số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam và Công văn số 1316/UBND-SCT ngày 07/3/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng cũ.
5	Dự án điện rác tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn Quế Cường		20,0		Xây dựng đường dây 110kV mạch kép ĐR Quế Sơn - Duy Xuyên, dây dẫn AC185, chiều dài 2 km	
6	Dự án Nhà máy rác Quảng Nam		10,0		Đường dây 22kV mạch đơn về thanh cái 22kV TBA 110kV KCN Tam Anh, dài 4km	

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
7	Dự án Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện tại Khánh Sơn - giai đoạn 2			18,0	Xây dựng đường dây 110kV mạch kép, dài khoảng 2km từ cụm NM điện rác Khánh Sơn đấu nối vào đường dây 110kV rẽ TBA 220kV Hòa Khánh - Cầu Đỏ (Đấu nối cho các nhà máy điện rác tại Khánh Sơn)	
8	Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt 1.000 tấn/ngày tại bãi rác Khánh Sơn, tp Đà Nẵng (giai đoạn 2)			30,0		

Ghi chú: *Số lượng, tên, quy mô công suất, vị trí, địa điểm, hướng tuyến, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... của các dự án điện rác sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn, tổng công suất phân bổ trên địa bàn thành phố; phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án (đối với dự án đã có chủ đầu tư).*

3. Điện sinh khối

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
1	Dự án Nhà máy điện điện Sinh khối Quế Sơn		6,0		Đường dây 22kV ĐSK Quế Sơn - Trạm trung gian Quế Sơn mạch đơn dài 1km, dây dẫn ACSR 185	Đã có chủ đầu tư. Theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 và Bảng 4, phục lục II, Quyết định số 262/QĐ-TTg
2	Dự án Điện Sinh khối Đại Lộc		25,0		Xây dựng đường dây 110kV mạch đơn từ ĐSK Đại Lộc- XM Thạnh Mỹ, dây dẫn AC 185, chiều dài 1 km	Theo công suất phân bổ trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; Công văn số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam và Công văn số 1316/UBND-SCT ngày 07/3/2025 của
3	Dự án Điện Sinh khối Quế Sơn 2		30,0		Xây dựng đường dây 22kV mạch đơn từ NMĐSK Quế Sơn 2 - Quế Sơn, chiều dài 1.2 km	
4	Dự án điện Sinh khối Núi Thành			30,0	Xây dựng đường dây 110kV mạch đơn từ ĐSK Núi Thành - Kỳ Hà, dây	

thaont17-22/07/2026 15:49:03 thaont17-thaont17

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
					dẫn AC 185, chiều dài 2 km	UBND thành phố Đà Nẵng cũ
5	Dự án Điện sinh khối Đà Nẵng		2,0	13,0	Đường dây 22kV mạch kép về thanh cái 22kV TBA 110kV Liên Chiểu, dài 1.5km	

** Ghi chú:*

- Số lượng, tên, quy mô công suất, vị trí, địa điểm, hướng tuyến, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... của các dự án điện sinh khối sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở đảm bảo phù hợp với các quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch vùng nguyên liệu, các quy hoạch ngành khác có liên quan, ... và tổng công suất phân bổ trên địa bàn thành phố; phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án (đối với dự án đã có chủ đầu tư).

4. Điện mặt trời tập trung

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
I	**Dự án điện mặt trời tập trung được phân bổ công suất theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh**					
1	Dự án điện mặt trời Sông Côn		30,0		Đường dây 110kV dài khoảng 14km từ TBA nâng 22/110kV đấu nối vào TC 110kV TBA NMTĐ Sông Côn 2 và đường dây đấu nối vào lưới điện 22kV khu vực dài khoảng 10km	Theo công suất phân bổ trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; Công văn số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam
2	Dự án Nhà máy điện mặt trời hồ thủy lợi Phú Ninh		20,0		Đường dây 110kV, mạch đơn, dài 16km từ TBA nâng 22/110kV đấu nối vào TC 110kV TBA 220kV Tam Hiệp	
II	**Dự án điện mặt trời tập trung tiềm năng phát triển chưa được phân bổ công suất theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh**					
1	Các dự án điện mặt trời nổi trên các hồ thủy điện (Sông Bung 5, Khe Diên, A Vương 5 ...) và các hồ thủy lợi (Phú Ninh, Thái Xuân, Phước Hà- Đông Tiền, Khe Tân, Việt				Lưới đấu nối đồng bộ phù hợp với lưới điện khu vực dự án	Các dự án tiềm năng phát triển trong trường hợp các dự án nguồn điện mặt trời tập trung khác chậm tiến độ, không thể triển khai hoặc được phân bổ thêm công suất phát triển; việc

STT	Tên dự án	Công suất hiện trạng/theo quy hoạch được duyệt	Công suất (MW)		Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ	Ghi chú
			GĐ 2026-2030	GĐ sau năm 2030		
	An, Vĩnh Trinh, Thạch Bàn, Phú Ninh Nam, Hòa Trung, ...); điện mặt trời nổi vịnh An Hòa; các dự án điện mặt trời Tam Thạnh, Tam Sơn, Đức Phú, Núi Thành, Nước Chè...)					phát triển phải đảm bảo phù hợp với công suất nguồn điện mặt trời tập trung được phân bổ trên địa bàn thành phố; chỉ được triển khai khi đáp ứng các điều kiện theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

** Ghi chú:*

- Số lượng, tên, quy mô công suất và lưới đấu nối đồng bộ, vị trí, địa điểm, hướng tuyến, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... của các dự án điện mặt trời sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở đảm bảo phù hợp với tổng công suất phân bổ trên địa bàn thành phố; phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án (đối với dự án đã có chủ đầu tư).

D. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN

I. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN 500KV, 220KV CÓ TRONG QUY HOẠCH ĐIỆN VIII ĐIỀU CHỈNH

1. Trạm biến áp 500KV, 220KV

STT	Tên công trình	Hiện trạng	GĐ 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
I	**TBA 500kV**						
1	Đà Nẵng	2x450		2x900			
2	Thạnh Mỹ	2x450		2700			
3	Hòa Liên				900	2x900	
4	Dự phòng công suất TBA 500kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện miền Trung						Xây mới, cải tạo nâng công suất
5	Các công trình dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành hệ trạm điện, hệ thống điện						Xây mới, bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: thay thế lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy

STT	Tên công trình	Hiện trạng	GĐ 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
							bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng thiết bị
II	**TBA 220kV**						
1	Liên Chiểu		2x250				
2	Sân bay Đà Nẵng		250			2x250	
3	Tiên Sa		250			2x250	
4	Tam Hiệp		250			2x250	
5	Thạnh Mỹ	2x125		2x250			
6	Tam Kỳ	2x125		2x250			
7	Sông Tranh 2	125+250		2x250			
8	Duy Xuyên	125		2x125		125+250	
9	Điện Bàn		250				
10	Nam Hội An		250			2x250	
11	Hải Châu	250				2x250	
12	Dự phòng công suất TBA 220kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện miền Trung						Xây mới, cải tạo nâng công suất
13	Các công trình dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành hệ trạm điện, hệ thống điện						Xây mới, bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: thay thế lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng thiết bị

thaont17 22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

2. Đường dây 500KV, 220KV

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
I	**ĐZ 500kV**			
1	***Giai đoạn 2026-2030***			
a	*Xây dựng mới*			
+	Thạnh Mỹ - Rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	4	35	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Thạnh Mỹ
+	TBK Miền Trung - Dốc Sỏi	2	18	Xây mới, đồng bộ TBK Miền Trung
+	Thuỷ điện tích năng A Vương - Thạnh Mỹ	2	35	Xây mới, đồng bộ TĐTN A Vương
b	*Cải tạo*			
2	***Giai đoạn sau năm 2030***			
a	*Xây dựng mới*			
+	Hòa Liên - rẽ TBA cắt Quảng Trị 2 - Thạnh Mỹ	4	5	
+	Thuỷ điện tích năng Đà Nẵng - rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	2	9	
b	*Cải tạo*			
+	Cải tạo Thạnh Mỹ - Pleiku 2	2	199	
+	Cải tạo Đà Nẵng - Dốc Sỏi thành 2 mạch	2	100	
+	Dự phòng phát sinh đường dây 500kV xây mới và cải tạo khu vực miền trung			Xây mới và cải tạo
II	**ĐZ 220kV**			
1	***Giai đoạn 2026-2030***			
a	*Xây dựng mới*			
+	Liên Chiểu - rẽ Hòa Khánh - Huế	4	3	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Liên Chiểu
+	Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	10,5	Xây dựng mới
+	Tiên Sa - Rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	3	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Tiên Sa
+	Sân bay Đà Nẵng - rẽ Hòa Khánh - Đà Nẵng	2	5	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Sân Bay Đà Nẵng
+	Điện Bàn - Nam Hội An	2	24	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Nam Hội An
+	Đà Nẵng 500kV - Điện Bàn	2	12	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Điện Bàn
+	500 kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên	2	69	Xây dựng mới

thaont17-22/07/2026-15:49:03-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
+	Tam Hiệp - Rẽ Tam Kỳ - Dốc Sỏi	4	1	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Tam Hiệp
+	TBA cắt Đăk Ooc - Thủy điện Sông Bung 2	2	10	Xây mới, tăng cường nhập khẩu điện Lào
+	Nhánh rẽ TĐ A Vương mở rộng	2	1	Đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV NMTĐ A Vương – Thạnh Mỹ
b	*Cải tạo*			
+	Hòa Khánh – Huế	2	83,45	
+	Đà Nẵng – Tam Kỳ - Dốc Sỏi	2	100	
+	TBA cắt 220kV Đăk Ooc - Thạnh Mỹ	2	31	
+	Duy Xuyên - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng	1	50	
+	Duy Xuyên - Tam Kỳ	2	38,27	
2	***Giai đoạn sau năm 2030***			
a	*Xây dựng mới*			
+	Đà Nẵng 500 kV - rẽ Ngũ Hành Sơn - Duy Xuyên	2	8	
+	Hòa Khánh - Rẽ Hải Châu - Đà Nẵng	2	5	
+	500 kV Hòa Liên - Hòa Khánh - chuyển đấu nối Liên Chiểu	2	6	
+	500 kV Hòa Liên - Rẽ Hòa Khánh - Hải Châu	4	6	
b	*Cải tạo*			
+	Thạnh Mỹ 500 kV – Thạnh Mỹ	2	20	
+	Dự phòng phát sinh đường dây 220kV xây mới và cải tạo khu vực miền trung			Xây mới và cải tạo

**** Ghi chú:***

- Các dự án, công trình lưới điện 500kV, 220kV đã có trong Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh được cập nhật vào Quy hoạch thành phố theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII điều chỉnh).

- Số lượng, tên, quy mô công suất, vị trí, địa điểm, hướng tuyến, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... của các dự án sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án (đối với dự án đã có chủ đầu tư).

thaont17-2907/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

II. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN 110KV THUỘC PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN THÀNH PHỐ

1. Trạm biến áp 110KV

STT	Tên công trình	Hiện trạng	Giai đoạn 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
I	**Danh mục các TBA đã có trong Quyết định số 1287/QĐ-TTg và Quyết định số 72/QĐ-TTg**						
1	TBA 110kV Hòa Liên	2x40		3x63			Điều chỉnh nâng công suất đảm bảo cấp điện cho Khu CNC, FTZ vị trí 4 (599HA) và vị trí 7 (154HA) với nhu cầu sử dụng điện lớn (287MW).
2	TBA 110kV Liên Chiểu	40+63		2x63			
3	TBA 110kV Hòa Xuân	2x40		2x63			
4	TBA 110kV Ngũ Hành Sơn	40+63		2x63			
5	TBA 110kV Cảng Tiên Sa	40		2x63			
6	TBA 110kV Thuận Phước	63		2x63			
7	TBA 110kV Đại Lộc	40+25		40+63		2x63	
8	TBA 110kV Điện Bàn	40		40+63		2x63	
9	TBA 110kV Điện Nam-Điện Ngọc	25+40+63		2x40+40		3x63	
10	TBA 110kV Hội An	40+63		2x63			
11	TBA 110kV Vĩnh Điện		63			2x63	
12	TBA 220kV Điện Bàn nối cấp		63				
13	TBA 110kV Điện Ngọc		63			2x63	Đảm bảo cấp điện cho phụ tải xã Điện Bàn Đông, đặc biệt cấp điện cho các khu du lịch nghỉ dưỡng ven biển.
14	TBA 110kV Hội An 2		40			2x63	Đảm bảo cấp điện cho nhu cầu phụ tải của các phường Hội An Đông, Hội An Tây, đặc biệt cấp điện cho các Khu du lịch nghỉ dưỡng ven biển
15	TBA 110kV Cảng Liên Chiểu		63			2x63	

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Hiện trạng	Giai đoạn 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
16	TBA 110kV Khuê Trung		2x63			4x63	
17	TBA 110kV Hòa Khánh Nam		2x63				
18	TBA 110kV Thọ Quang (Núi Sơn Trà)		63			2x63	
19	TBA 110kV NM Thép Đà Nẵng		2x63				
20	TBA 110kV Sân Bay Đà Nẵng (TBA 220kV Sân Bay Đà Nẵng nối cấp)		63			2x63	
21	TBA 110kV Hòa Hải		2x63				
22	TBA 110kV Công viên 29/3				2x63		
23	TBA 110kV Làng Vân		2x63				Điều chỉnh giai đoạn quy hoạch để đảm bảo cấp điện dự án Khu phức hợp du lịch và đô thị nghỉ dưỡng Làng Vân (78,5 MVA) và các phụ tải khu vực lân cận
24	TBA 110kV An Hải		2x63				
25	TBA 110kV Hòa Nhơn				2x63		
26	TBA 110kV Hòa Châu				2x63		
27	TBA 110kV Hòa Sơn				2x63		
28	TBA 110kV Phước Lý				2x63		
29	TBA 220kV Tam Kỳ nối cấp	25		63		2x63	
30	TBA 110kV Tam Kỳ	63+25		2x63			
31	TBA 110kV Kỳ Hà	40+63		2x63			
32	TBA 110kV Tam Anh	40		40+63		2x63	
33	TBA 110kV Tam Thăng	40+63		2x63			
34	TBA 110kV HyOSung	40		3x40			
35	TBA 110kV Thăng Bình	2x25		25+63		2x63	
36	TBA 110kV Thăng Bình 2	40		2x40			
37	TBA 110kV Duy Xuyên	25+40		2x63			
38	TBA 110kV nối cấp TBA 220kV Duy Xuyên		63			2x63	

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Hiện trạng	Giai đoạn 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
39	TBA 110kV Nam Hội An		63			2x63	
40	TBA 110kV Nam Hội An nối cấp		63			2x63	Điều chỉnh nâng công suất
41	TBA 110kV Nam Phước		63			2x63	
42	TBA 110kV Hà Lam		40			40+63	
43	TBA 110kV Trường Hải		2x63				
44	TBA 110kV Chu Lai		2x63				Đảm bảo cấp điện cho nhu cầu phụ tải của Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An
45	TBA 110kV Bình Nam		63			2x63	
46	TBA 110kV Sân bay Chu Lai		63			2x63	
47	TBA 110kV Tam Tiến		63			2x63	
48	TBA 110kV Phú Ninh		40			2x63	
49	TBA 110kV Núi Thành		40			40+63	
50	TBA 110kV Thuận Yên		63			2x63	Điều chỉnh nâng công suất
51	TBA 110kV KCN Bắc Chu Lai		2x63				Đảm bảo cấp điện cho Sân bay Chu Lai, đặc biệt là cấp điện cho Khu phi thuế quan sân bay Chu Lai.
52	TBA 220kV Tam Hiệp nối cấp		63			2x63	Điều chỉnh nâng công suất
53	TBA 110kV KCN Tam Thăng 1		2x63				
54	TBA 110kV KCN Tam Thăng MR		63			2x63	
55	TBA 110kV KCN Tam Anh		63			2x63	
56	TBA 110kV KCN Nam Tam Anh		63			2x63	Đảm bảo cấp điện cho Khu dân cư, khu đô thị Tam Hoà
57	TBA 110kV Cảng Tam Hiệp		63			2x63	Đảm bảo cấp điện cho Khu Cảng Tam Hiệp Trường Hải.
58	TBA 110kV Hòa Phong	63		2x63			
59	TBA 110kV Đại Đồng	40		2x40			
60	TBA 110kV Đông Giang		25		2x40		

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Hiện trạng	Giai đoạn 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
61	TBA 110kV Nam Giang		25+40		2x40		
62	TBA 110kV Hòa Liên 2 (TBA 220kV Hòa Liên nối cấp)		2x63				Điều chỉnh giai đoạn quy hoạch để đảm bảo đảm bảo cấp điện cho Khu CNC, vị trí 4 (599ha) và vị trí 7 (401ha) thuộc khu thương mại tự do (FTZ)
63	TBA 110kV Phước Sơn	25				2x63	
64	TBA 110kV Quế Sơn		40			40+63	
65	TBA 110kV Tiên Phước		40			2x63	
66	TBA 110kV Nam Trà My	25				2x40	
67	TBA 110kV Hiệp Đức		40			2x63	
68	TBA 110kV Bắc Trà My		40			2x40	
69	Thạnh Mỹ Nối cấp	40		2x63			
70	XM Thạnh Mỹ	25		2x25			
71	Các công trình dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành hệ trạm điện, hệ thống điện						Xây mới, bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: thay thế lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng thiết bị
72	Dự phòng công suất TBA 110kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện		200	100	300	200	Xây mới, cải tạo nâng công suất
II	**Danh mục các TBA bổ sung mới so với Quyết định số 1287/QĐ-TTg và Quyết định số 72/QĐ-TTg**						
1	TBA 110kV KCN Thọ Quang				2x63		Đảm bảo cấp điện cho KCN Thọ Quang và phụ tải lân cận
2	TBA 110kV Như Nguyệt				2x63		Đảm bảo cấp điện cho phụ tải khu vực

thaont17-22/01/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Hiện trạng	Giai đoạn 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
							Khu công viên phần mềm số 2 và phụ tải lân cận
3	TBA 110kV Điện Tiến		63			2x63	Cấp điện KCN Điện Tiến
4	TBA 110kV Điện Bàn 2				2x63		
5	TBA 110kV Đại Hiệp				2x63		Đảm bảo cấp điện cho xã Đại Lộc, đặc biệt là các phụ tải công nghiệp tập trung
6	TBA 110kV Đông Quế Sơn				2x63		Đảm bảo cấp điện cho phụ tải khu vực Đông Quế Sơn cũ (nay là các xã Xuân Phú), đặc biệt là các phụ tải công nghiệp tập trung KCN Đông Quế Sơn
7	TBA 110kV Nam Hội An 1				2x63		Đảm bảo cấp điện cho nhu cầu phụ tải của Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An.
8	TBA 110kV Quế Trung				63		
9	TBA 110kV KCN Tam Thăng 2				2x63		
11	TBA 110kV KCN Tam Thăng 3				2x63		
12	TBA 110kV KCN Bắc Chu Lai 2				2x63		
13	TBA 110kV An Hòa				1x63	2x63	Đảm bảo cấp điện cho các phụ tải khu vực An Hòa, đặc biệt là các phụ tải công nghiệp.
14	TBA 110kV Nam Hội An 2				2x63		
15	TBA 110kV Bình Sa				2x63		
16	TBA 110kV Núi Thành 2				2x63		
17	TBA 110kV Tây Giang				40		
18	TBA 110kV Bà Nà		2x63			4x63	Cấp điện cho khu du lịch đỉnh và chân núi Bà Nà, FTZ vị trí 5 (90 ha), vị trí 6 (154 ha) và phụ tải khu vực lân cận.

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17-

STT	Tên công trình	Hiện trạng	Giai đoạn 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
19	TBA 110kV KCN Hòa Ninh		2x63				Cấp điện phụ tải KCN Hòa Ninh, FTZ vị trí 4 (599HA) và phụ tải khu vực lân cận
20	TBA 110kV Thu Bồn				63		Đảm bảo cấp điện cho các xã khu vực các xã khu vực phía Tây huyện Duy Xuyên cũ (nay là xã Thu Bồn mới) hiện đang nhận điện từ trạm trung gian 35/22kV Duy Hòa (T91).
21	TBA 110kV Ái Nghĩa				2x63		
22	TBA 110kV Xã Ba				2x63		Đảm bảo cấp điện khu vực xã Sông Vàng (Xã Ba cũ) (định hướng phát triển du lịch) và xã Hoà Vang, liên kết lưới điện trung áp với trạm 110kV Hoà Phong
23	TBA 110kV Đại Lộc 2				2x63		
24	TBA 110kV Đăk Óoc nối cấp				2x63		đảm bảo cấp điện cho phụ tải Cửa khẩu quốc tế Đăk Óoc
25	TBA 110kV Hòa Cường		2x63			4x63	Đảm bảo cấp điện cho nhu cầu phụ tải của các phường lân cận, đặc biệt cấp điện cho dự án trọng điểm Đà Nẵng Downtown

2. Đường dây 110KV

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
1	**Giai đoạn 2026-2030**			
a	Xây dựng mới			
+	Thăng Bình 2 - Nam Hội An	2	8	
+	Vĩnh Điện - rẽ Đz 110kV Điện Bàn- Duy Xuyên	2	4	khi có TBA 220kV Điện Bàn chuyển sang đấu nối đường dây 110kV TBA 220kV Điện Bàn - Duy Xuyên

thaont17-22/04/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
+	TBA 220kV Duy Xuyên - Quế Sơn	2	20	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Điện Ngọc (ĐNĐN 2)	2	5	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV Ngũ Hành Sơn - Điện Nam Điện Ngọc
+	Nhánh rẽ Hội An 2	2	7	Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110KV TBA 220kV Duy Xuyên - Hội An
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Nam Phước	2	8	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV TBA 220kV Duy Xuyên - Hội An
+	TBA 110kV Nam Hội An – TBA 220kV Nam Hội An	2	5	Đấu nối 110kV sau TBA 220kV Nam Hội An
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Trường Hải	2	0,1	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Tam Kỳ - Kỳ Hà, khi chưa có ĐZ này thì đấu tạm trên ĐZ TBA 220kV Dốc Sỏi – Tam Anh.
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Bình Nam	2	17	TC 110kV TBA 220kV Nam Hội An – Bình Nam
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Chu Lai	2	1.5	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Tam Anh – Dốc Sỏi.
+	TBA 110kV KCN Bắc Chu Lai - TBA 220kV Tam Hiệp	2	6	
+	TBA 220kV Tam Hiệp - rẽ TBA 220kV Tam Kỳ – Kỳ Hà	2	0,3	ĐZ 110kV đấu nối sau TBA 220kV Tam Hiệp
+	TBA 220kV Tam Hiệp - rẽ Tam Anh - TBA 220kV Dốc Sỏi	2	0,3	
+	TBA 220kV Tam Kỳ -TBA 110kV Tam Kỳ - Kỳ Hà	1	21,76	
+	Tam Thăng - KCN Tam Thăng 1	2	5	
+	KCN Tam Thăng MR - rẽ ĐZ 110kV Thăng Bình – TBA 220kV Tam Kỳ	2	5	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Sân bay Chu Lai	2	5	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV Dốc Sỏi - Kỳ Hà
+	Tam Anh - KCN Tam Anh	2	4	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Nam Tam Anh	2	4	Đấu chuyển tiếp trên 01 mạch trên ĐZ 110kV Tam Kỳ - TBA 220kV Tam Hiệp
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Thuận Yên	2	4	Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV Tam Kỳ - TBA 220kV Tam Kỳ

thaont17-02/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
+	TBA 220kV Tam Hiệp - TBA 110kV Tam Tiến - TBA 110kV Bình Nam	2	45	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Điện Tiến	2	2	Đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110kV trạm 500kV Đà Nẵng - Điện Bàn
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Phú Ninh	2	4	Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV Tiên Phước - TBA 220kV Tam Kỳ
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Núi Thành	2	4	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV Dốc Sỏi - Kỳ Hà
+	Cảng Tam Hiệp - TBA 220kV Tam Hiệp	2	5	
+	Đấu nối trạm 110kV NM xử lý khí trên bờ (GTP)	2	9,6	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Tam Hiệp – Dốc Sỏi
+	Za Hưng - Đông Giang	1	10	
+	TBA 220kV Thạnh Mỹ - Nam Giang	1	30	Chuyển vận hành đường dây 35kV hiện trạng thuộc xuất tuyến 374E58 từ trạm Thạnh Mỹ đến cột VT104 (đã được xây dựng theo tiêu chuẩn 110kV) sang vận hành cấp điện áp 110kV
+	Quế Sơn - Hiệp Đức - Sông Tranh 4	1	24	
+	Sông Tranh 2 - Bắc Trà My	2	4	
+	TBA 220kV Tam Kỳ - Tiên Phước	2	19	
+	Thuận Phước - Cảng Tiên Sa	1	9,6	
+	Nhánh rẽ Hà Lam	2	4	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TBA 220kV Tam Kỹ - Thăng Bình 2
+	Nhánh rẽ TBA Hòa Liên, tuyến thứ 2	2	2,2	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Khánh 2 - Lăng Cô
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Khuê Trung	2	1	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Liên Trì - TBA 220kV Ngũ Hành Sơn
+	TBA 220kV Liên Chiểu - NM Thép Đà Nẵng	2	4	
+	TBA 220kV Liên Chiểu – TBA 110kV Liên Chiểu	2	4	
+	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Liên Chiểu	4	1	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Khánh 2 - Lăng Cô và Hòa Khánh 2 - Cầu Hai
+	Tuyến cáp ngầm 220kV Hải Châu	1	5	

thaont17 22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
	- ĐZ 110kV Quận Ba - An Đồn (Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Hải Châu)			
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Hòa Khánh Nam	2	1	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Cầu Đỏ - TBA 220kV Hòa Khánh
+	TBA 220 kV Tiên Sa - Cảng Tiên Sa	2	1	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Cảng Liên Chiểu	2	1,2	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Khánh 2 - Lăng Cô
+	Xuất tuyến TBA 110kV Sân bay Đà Nẵng	4	5	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TBA 500kV Đà Nẵng - Liên Trì và TBA 500kV Đà Nẵng - Hòa Xuân
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Hòa Liên 2	2	0,1	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Liên - TBA 220kV Liên Chiểu
+	Nhánh rẽ TBA 110kV KCN Hòa Ninh	2	5	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Liên - TBA 220kV Liên Chiểu
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Làng Vân	2	3	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ Hòa Khánh 2 - Cầu Hai
+	Đấu nối TBA 110kV Bà Nà	2	5	Đấu nối vào TC110kV TBA 220kV Liên Chiểu
+	TBA 220kV Ngũ Hành Sơn - An Hải	2	3	
+	Đấu nối sau TBA 220kV Điện bàn	2	4	đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TBA 110kV Điện Bàn - Duy Xuyên
+	TBA 220kV Điện Bàn -Điện Bàn	1	5	
+	TBA 220kV Điện Bàn -Duy Xuyên	1	6	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Hòa Hải	2	4	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TBA220kV Ngũ Hành Sơn (Quận 3) - Điện Nam Điện Ngọc
+	Tiên Sa (220kV) - Thọ Quang (Núi Sơn Trà)	2	6	
b	Cải tạo			
+	TC 110kV TBA 220kV Duy Xuyên - TC 110kV TBA 220kV Tam Kỳ và các nhánh rẽ vào TBA 110kV	2	35	Cải tạo thành mạch kép
+	TC 110kV TBA 500kV Đà Nẵng - Đại Lộc	2	21,3	
+	Điện Nam Điện Ngọc - Hội An	2	8	Cải tạo thành mạch kép

thaont1-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
+	TBA 220kV Tam Kỳ - Tam Kỳ - Tam Anh - Dốc Sỏi	1	44,88	Giai đoạn I: cải tạo nâng tiết diện dây dẫn đoạn từ thanh cái 110kV TBA 220kV Tam Kỳ - 110kV Tam Kỳ. Giai đoạn II: cải tạo nâng tiết diện dây dẫn đoạn từ 110kV Tam Kỳ - Tam Anh – Dốc Sỏi.
+	Cải tạo, nâng khả năng tải ĐZ 110kV TBA 500kV Đà Nẵng - TBA 110kV Điện Bàn	1	6,1	
+	TBA 110kV Điện Bàn - Duy Xuyên	1	10,2	
+	Nhánh rẽ Thăng Bình 2 (VT01-VT27)	2	5,6	
+	Nhánh rẽ Tam Thăng (VT14-VT27)	4	3,2	Cải tạo thành 4 mạch
+	Cải tạo, nâng khả năng tải ĐZ 110kV TBA 500kV Dốc Sỏi – Kỳ Hà	2	17,2	
+	Đại Lộc – XM Thạnh Mỹ	1	38	
+	TBA 220kV Thạnh Mỹ – XM Thạnh Mỹ	1	3	
+	TBA 220kV Duy Xuyên - Duy Xuyên	1	3	
+	Hòa Khánh – Hòa Khánh 2	2	1,862	
+	Cầu Đỏ - Hòa Khánh	2	11,2	
+	Nhánh rẽ vào TBA 110kV Xuân Hà	2	4	
+	Nhánh rẽ vào TBA 110kV Cầu Đỏ	2	0,92	
+	Nhánh rẽ vào TBA 110kV Liên Trì	2	4,4	Đã Hoàn Thành
+	Cải tạo tuyến Điện Nam Điện Ngọc - Ngũ Hành Sơn (220kV)	2	14,6	Cải tạo thành mạch kép
+	Ngầm hóa đoạn tuyến từ T413-T401 ĐZ 110kV Huế-Đà Nẵng đi qua dự án Golden Hills city	2	2,47	
+	Đà Nẵng - Điện Nam Điện Ngọc	2	15,3	
+	Dự án di dời, hạ ngầm ĐZ 110kV Hòa Khánh 2 – Cầu Hai/Lăng Cô, cáp ngầm XLPE-1200mm2	2	0,335	
+	Hạ ngầm ĐZ 110kV mạch kép từ TBA 220 Ngũ Hành Sơn đến H61	2	1,5	

thaont17 22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
+	TBA 220kV Sông Tranh 2 - Trạm cắt Trà My - Nam Trà My	3	35,61	Xây dựng mới thêm 1 mạch, Đồng bộ với công suất nguồn thủy điện khu vực
+	Đường dây 110kV TBA 220kV Hòa Khánh - Hòa Liên - Liên Chiểu - Hầm Hải Vân	2	28	Cải tạo nâng tiết diện dây dẫn từ ACSR-185 lên ACSR-400 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải khu vực
+	Chuyển đấu nối TBA 110kV Liên Chiểu về đấu nối trên mạch đường dây TBA 220kV Hòa Khánh - Cầu Hai	2	0,5	Giảm tải cho ĐZ 110kV mạch kép TBA 220kV Hòa Khánh - Hòa Liên - Liên Chiểu - Hầm Hải Vân
+	Đường dây 110kV TBA 220kV Ngũ Hành Sơn - Liên Trì (Khuê Trung)	1	3,3	Thay dây AC240 và cáp ngầm M300 hiện hữu (TS PTC2) thành dây AC400 hoặc ACCC277, cáp ngầm M1200 để đồng bộ nhánh rẽ Liên Trì và đảm bảo cấp điện trạm 110kV Khuê Trung và Liên Trì khi cô lập 01 mạch đường dây 110kV Đà Nẵng- Liên Trì (dự kiến phụ tải 2 trạm nếu mang tải 70% công suất đặt =176MW sẽ quá tải dây dẫn hiện hữu)
+	ĐZ 110kV TBA 500kV Đà Nẵng - TBA 110kV Liên Trì và TBA 500kV Đà Nẵng - TBA 110kV Hòa Xuân (từ VT H11 đến VT H17)	2	3,7	Thay dây ac240 hiện hữu thành dây AC400 hoặc ACCC277, để đảm bảo khả năng truyền tải công suất
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Hòa Cường	2	2	Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây cáp ngầm từ TBA 500kV Đà Nẵng – Liên Trì nhằm đảm bảo cấp điện cho nhu cầu phụ tải của các phường lân cận, đặc biệt cấp điện cho dự án trọng điểm Đà Nẵng Downtown
c	Dự phòng các tuyến 110kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện		50	
2	**Giai đoạn sau năm 2030**			
a	Xây dựng mới			
+	TBA 220kV Hải Châu - Công viên 29/3	2	1	
+	Công Viên 29/3 - Liên Trì	2	2,8	Đảm bảo N-1 cho TBA 110kV Liên Trì, Khuê Trung (trên mạch vòng trạm 500kV Đà Nẵng - Khuê Trung – Liên Trì – 220kV Ngũ Hành Sơn)
+	Hòa Liên 2 - Hòa Khánh Nam	2	6	
+	Hòa Liên 2 - Hòa Nhơn	2	5	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV KCN Thọ Quang	2	0,2	Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây cáp ngầm từ TBA 220kV Hải Châu - Cảng Tiên Sa nhằm đảm bảo cấp điện KCN Thọ Quang và các vùng lân cận.

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Như Nguyệt	2	0,2	Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây cáp ngầm từ TBA 220kV Hải Châu - Cảng Tiên Sa nhằm đảm bảo cấp điện Khu công viên phần mềm số 2 và dọc trục Như Nguyệt, Bạch Đằng, đường 3/2, liên kết trung áp với các trạm 110kV Chi Lăng, Thuận Phước
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Đại Hiệp	2	4	đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV Đại Lộc – TBA 500kV Đà Nẵng
+	Hội An 2 - Điện Ngọc	1	6	Đảm bảo N-1 cho TBA 110kV Hội An 2, cụ thể trên mạch vòng (TBA 220kV Duy Xuyên -Hội An2- Điện Ngọc -Ngũ Hành Sơn-TBA 220kV Ngũ Hành Sơn)
	Thu Bồn - Đại Lộc	2	6	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Đông Quế Sơn	2	4	đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV TBA 220kV Duy Xuyên – Thăng Bình
+	Nam Hội An 1 - TBA 220kV Nam Hội An	2	9,6	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV An Hoà	2	4	Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV mạch kép trạm 220kV Tam Hiệp-Cảng Tam Hiệp
+	Hội An 2 – TBA 220kV Nam Hội An	2	10	
+	Sân bay Chu Lai - Cảng Tam Hiệp	1	8,7	Đảm bảo N-1 cho TBA 110kV Sân bay Chu Lai, Cảng Tam Hiệp (trên mạch vòng TBA 220kV Tam Hiệp - Kỳ Hà - Sân bay Chu lai-Cảng Tam Hiệp-TBA 220kV Tam Hiệp), Đảm bảo ĐTC cấp điện cho Khu thuế quan gắn với Sân bay Chu Lai
		1	1	
+	Cảng Tam Hiệp - KCN Nam Tam Anh	1	6	Đảm bảo N-1 cho TBA 110kV KCN Nam Tam Anh, Cảng Tam Hiệp, cụ thể: Trên mạch vòng (TBA 220kV Tam Hiệp- KCN Nam Tam Anh-TBA 220kV Tam Hiệp) và (TBA 220kV Tam Hiệp - Cảng Tam Hiệp - KCN Nam Tam Anh - Tam Kỳ-220kV Tam Kỳ). Đảm bảo ĐTC cấp điện cho Khu dân cư, đô thị, du lịch Tam Hoà- Tam Tiến (QĐ 184/QĐ-KKTCN ngày 29/6/2025)
+	NMTĐ An Điềm 2 – Xã Ba - Bà Nà	1	30	Đấu nối cấp điện TBA 110kV Xã Ba, đồng thời tạo mạch vòng đảm bảo N-1 cho TBA 110kV Bà Nà
+	Hòa Châu – rẽ TBA 500kV Đà Nẵng - Điện Nam Điện Ngọc	2	1	

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Hòa Sơn	2	1	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Liên - TBA 220kV Liên Chiểu
+	TBA 220kV Sân bay Đà Nẵng - Phước Lý	2	3,1	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Ái Nghĩa	2	4	đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Thu Bồn – Đại Lộc
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Điện Bàn 2	2	2	Đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110kV Điện Bàn – TBA 220kV Điện Bàn
+	NMNĐ Nông Sơn – Quế Trung	1	5	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Bình Sa	2	2	Bình Nam – TBA 220kV Nam Hội An
+	Nam Hội An 2 – TBA 220kV Nam Hội An	2	8	
+	KCN Tam Thăng 1 – KCN Tam Thăng 2	2	5	
+	KCN Tam Thăng 2 – KCN Tam Thăng 3	2	5	
+	KCN Bắc Chu Lai 1 – KCN Bắc Chu Lai 2	2	2	
+	Quế Sơn – Quế Trung	2	15	
+	Tây Giang – rẽ Za Hưng – TBA 220kV Thạnh Mỹ	2	10	
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Đại Lộc 2	2	2	đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV XM Thạnh Mỹ - Đại Lộc
+	Nhánh rẽ TBA 110kV Núi Thành 2	2	6	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Tam Hiệp – Dốc Sỏi
+	KCN Tam Thăng MR – KCN Tam Thăng 3	2	5	
b	Cải tạo			
+	Cải tạo, di dời, hạ ngầm ĐZ 110kV nhánh rẽ Xuân Hà	2	4	
c	Dự phòng các tuyến 110kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện		50	

**** Ghi chú:***

- Trong quá trình triển khai thực hiện, tùy thuộc vào điều kiện hành lang tuyến, điều kiện địa hình thực tế mỗi khu vực tuyến đường dây đi qua, có thể lựa chọn sử dụng chủng loại dây dẫn trần, dây dẫn bọc hoặc cáp ngầm sao cho đảm bảo khả năng mang tải tương đương và phù hợp với quan điểm, định hướng, tiêu chuẩn phát triển mạng lưới cấp điện. Chiều dài

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn thực hiện đầu tư.

- Tên, quy mô, vị trí, địa điểm, hướng tuyến, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... của các dự án, công trình lưới điện 110kV sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án (đối với dự án đã có chủ đầu tư).

3. Lưới trung áp

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng đến năm 2030	Khối lượng dự kiến sau năm 2030
1	**Trạm biến áp phân phối**			
a	Xây dựng mới	MVA	310,6	373
b	Cải tạo	MVA	96	115,2
2	**Đường dây trung áp**			
a	Xây dựng mới	km	1.218	1.340
b	Cải tạo	km	447	556

**** Ghi chú:***

- Tên, quy mô, vị trí, địa điểm, hướng tuyến, phạm vi ranh giới, diện tích, nhu cầu sử dụng đất,... của các dự án, công trình lưới điện trung áp sẽ được cụ thể hoá, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các quy định và yêu cầu khác liên quan, ...) hoặc trong quá trình lập các quy hoạch chuyên ngành liên quan hoặc khi triển khai thực hiện dự án (đối với dự án đã có chủ đầu tư).

E. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỆN LỰC ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA

I. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN

1. Dự án LNG Hoà Ninh giai đoạn 1: Điều chỉnh từ dự phòng sang chính thức và giai đoạn thực hiện là 2026-2030 và 2031-2035.

2. Dự án thuỷ điện tích năng A Vương: Điều chỉnh công suất từ 300MW lên thành 1.050MW.

II. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN 500KV, 220KV

1. Trạm biến áp 500KV, 220KV

STT	Tên công trình	Hiện trạng	Giai đoạn 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
I	**TBA 200kV**						
1	Đăk Óoc				250		
2	Hòa Liên (trạm nối cấp TBA 500kV Hòa Liên)				2x250		Đảm bảo cấp điện cho khu thương mại tự do. Đề nghị xem xét, bổ sung vào Quy hoạch điện VIII

STT	Tên công trình	Hiện trạng	Giai đoạn 2026-2030		Sau năm 2030		Ghi chú
			XDM (MVA)	NCS (MVA)	XDM (MVA)	NCS (MVA)	
3	NMTĐ Đak Mi 2				40		Đấu nối các nhà máy thủy điện nhỏ
4	NMTĐ Đak Mi 4B	90				200	Đấu nối các nhà máy thủy điện nhỏ

2. Đường dây 500KV, 220KV

STT	Tên công trình	Quy mô		Ghi chú
		Số mạch	Chiều dài (km)	
I	**ĐZ 220kV**			
1	***Giai đoạn 2026-2030***			
a	*Xây dựng mới*			
+	Điện Bàn - rẽ TBA 500kV Đà Nẵng - Duy Xuyên	2	4	(Thay thế phương án đấu nối TBA 220 kV Điện Bàn, TBA 220kV Nam Hội An theo QH VIII điều chỉnh (TBA 220 kV Điện Bàn - TBA 500kV Đà Nẵng và Điện Bàn - Nam Hội An) để đảm bảo tính khả thi đầu tư xây dựng
+	Điện Bàn - rẽ Duy Xuyên - Ngũ Hành Sơn	2	4	
+	Nam Hội An – rẽ Duy Xuyên – Tam Kỳ	2	11	
b	*Cải tạo*			
+	Hòa Khánh – TBA 500kV Đà Nẵng	2	24	
+	Tam Kỳ - Sông Tranh 2	2	44.8	

F. DANH MỤC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN TỰ SẢN TỰ TIÊU - KHÔNG ĐẤU NỐI LƯỚI ĐIỆN QUỐC GIA theo Khoản 3, Điều 5, Nghị định 56/2025/NĐ-CP quy định về quy hoạch phát triển mạng lưới cấp điện

STT	Tên dự án	Quy mô dự án	Lưới điện dự kiến đấu nối đồng bộ
1	Dự án Tổ hợp điện gió gần bờ kết hợp sản xuất Hydro xanh và Amoniac xanh tại vùng biển xã Thăng Trường, thành phố Đà Nẵng	• Khu vực lắp đặt tuabin và công trình phụ trợ tại vùng biển gần bờ xã Thăng Trường để sản xuất điện gió với công suất giai đoạn 1 là 500MW, có thể mở rộng lên 800 - 1.000MW trong lai. • Nhà máy sản xuất Hydro xanh và Amoniac xanh quy mô 150ha, dự kiến thực hiện tại Phân khu A của Khu công nghiệp Nam Thăng Bình	Không nối lưới quốc gia

** Ghi chú: Quy mô, vị trí, diện tích, địa điểm, phạm vi ranh giới, hướng tuyến, diện tích, nhu cầu sử dụng đất, ... của dự án được cụ thể hóa, xác định trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...) hoặc trong quá trình lập quy hoạch chuyên ngành và lập dự án đầu tư; phát triển phù hợp với Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan; dự án chỉ được triển khai khi đáp các điều kiện theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền quyết định thống nhất.*

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG DỰ TRỮ XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHO XĂNG DẦU

1. Kho xăng dầu hiện có, tiếp tục hoạt động, khai thác

STT	Tên kho	Địa điểm	Chủ sở hữu	Sức chứa (m^3)	Cầu cảng, DWT	Diện tích đất (m^2)
I	**Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023**			**194.355**		**347.825**
1	Tổng kho xăng dầu Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng	76.200	30.000	96.033
2	Kho xăng dầu Liên Chiểu K83	Phường Hải Vân	Công ty xăng dầu Quân Đội KV2	35.930	7.000	101.649
3	Kho xăng dầu Hòa Hiệp	Phường Hải Vân	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	13.120	5.000	15.034
4	Kho xăng dầu PETEC	Phường Hải Vân	Tổng Công ty Thương mại kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	9.900	5.000	39.400
5	Kho xăng dầu Liên Chiểu	Phường Hải Vân	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam, Chi nhánh SKYPEC Khu vực Miền Trung	7.000	10.000	7.636
6	Kho sân bay Đà Nẵng	PhườngHòa Cường		6.400	0	23.973
7	Kho xăng dầu Chu Lai	Xã Núi Thành	Công ty CP Xăng dầu Chu Lai	9.700	20.000	16.200
8	Tổng kho xăng dầu Hòa Khánh	Xã Núi Thành	Công ty TNHH TM&DV TH Hoà Khánh	36.200	20.000	47.900
II	**Kho dưới 5.000 m3 do thành phố quản lý**			**3.400**		**6.859**

STT	Tên kho	Địa điểm	Chủ sở hữu	Sức chứa ($m^{3)}$	Cầu cảng, DWT	Diện tích đất ($m^{2)}$
1	Kho Nhiên liệu bay Chi nhánh PA tại Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex, Chi nhánh Đà Nẵng	3.300	0	5.768
2	Kho nhiên liệu bay	Xã Núi Thành	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam, Chi nhánh Sân bay Chu Lai	100	0	1.091
	Tổng cộng			**197.850**		**354.684**

2. Kho ngừng khai thác, di dời, giải tỏa

STT	Tên kho	Địa điểm	Chủ sở hữu	Sức chứa, m^3	Cầu cảng, DWT	Diện tích đất, m^2
1	Kho xăng dầu Thanh Huyền	Phường Sơn Trà	Công ty TNHH Thanh Huyền	12.935	5.000	5.000

Ghi chú: Lý do giải tỏa là Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân thu hồi đất.

3. Mở rộng, nâng công suất kho xăng dầu hiện có

STT	Tên kho	Địa điểm	Tổng sức chứa, m^3	Quy mô hiện hữu, m^3	Quy mô mở rộng, m^3
I	**Theo Quyết định 861/QĐ-TTg**		**148.030**	**122.030**	**26.000**
1	Mở rộng Tổng kho xăng dầu Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	86.200	76.200	10.000
2	Mở rộng Kho xăng dầu K83	Phường Hải Vân	45.930	35.930	10.000
3	Mở rộng Kho xăng dầu PETEC Hòa Hiệp	Phường Hải Vân	15.900	9.900	6.000
II	**Đề xuất mới**		**8.900**	**6.400**	**2.500**
1	Mở rộng kho nhiên liệu bay SKYPEC Đà Nẵng (trong sân bay Đà Nẵng)	Phường Hòa Cường	8.900	6.400	2.500
	Tổng cộng		**156.930**	**128.430**	**28.500**

thaont17 22/07/2026 13:40:03 thaont17-thaont17-thaont17

4. Kho xăng dầu xây dựng mới

STT	Tên kho	Địa điểm	Sức chứa, m^3		Cầu cảng, DWT	Diện tích đất, m^2
			2026-2030	Sau 2030		
I	**Theo Quyết định 861/QĐ-TTg**		**77.000**	**0**		**160.600**
1	Kho xăng dầu Tiên Sa	Phường Sơn Trà	40.000		6.000 (giảm tải)	27.600
2	Kho xăng dầu Liên Chiểu	Phường Hải Vân	15.000		5.000-10.000	12.000
3	Cụm kho xăng dầu Tam Hiệp	Xã Núi Thành	22.000		5.000-10.000	121.000
II	**Đề suất bổ sung Quy hoạch**		**45.000**	**20.000**		**80.000**
1	Kho nhiên liệu bay đầu nguồn	Phường Hải Vân	25.000	10.000	5.000-10.000	40.000
2	Kho nhiên liệu bay Sân bay Chu Lai	Xã Núi Thành	20.000	10.000	5.000-10.000	40.000
III	**Kho sức chứa dưới 5.000 m^3**		**5.000**			**15.000**
1	Kho xăng dầu Hòa Hiệp Bắc	Phường Hải Vân	5.000		Đến 5.000	15.000
	Tổng cộng		**127.000**	**20.000**		**255.600**

Ghi chú:

- Ngoài danh mục trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Số lượng, tên, vị trí, diện tích, phạm vi ranh giới, nhu cầu sử dụng đất... của các dự án trên sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...), trong quá trình lập quy hoạch chuyên ngành và lập dự án đầu tư.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHO KHÍ ĐỐT

1. Các kho LPG hiện có tiếp tục khai thác

STT	Tên kho/trạm nạp	Đơn vị quản lý	Địa điểm	Tổng sức chứa (Tấn)	Tổng diện tích đất (m2)
1	Tổng kho Sản phẩm dầu khí Đà Nẵng	Công ty Cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam	Phường Sơn Trà	1.500	29.301

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên kho/trạm nạp	Đơn vị quản lý	Địa điểm	Tổng sức chứa (Tấn)	Tổng diện tích đất (m2)
2	Trạm chiết nạp LPG - Nhà máy LPG Đà Nẵng	Tổng Công ty Gas Petrolimex	Phường Sơn Trà	2.000	15.079
3	Kho chứa-chiết nạp gas	Công ty TNHH Gas Miền trung	Xã Núi Thành	3.350	48.980
	Tổng sức chứa			**6.850**	**93.360**

2. Mở rộng sức chứa kho LPG hiện có

STT	Tên kho	Đơn vị quản lý	Địa điểm	Sức chứa, Tấn		
				Hiện có	Mở rộng	Tổng
1	Tổng kho Sản phẩm dầu khí Đà Nẵng	Công ty Cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam	Phường Sơn Trà	**1.500**	**1.500**	**3.000**

3. Xây mới kho LPG

STT	Tên kho	Địa điểm	Sức chứa, Tấn		Cảng, DWT	Diện tích đất, m^2
			2026-2030	Sau 2030		
1	Kho LPG Liên Chiểu	Phường Hải Vân	5.000	10.000	5.000	100.000
	Tổng		**5.000**	**10.000**		**100.000**

4. Xây mới Kho LNG

STT	Công trình	Địa điểm	Công suất, triệu tấn/năm		Diện tích đất, ha
			2026-2030	Sau 2030	
1	Kho LNG Liên Chiểu	Phường Hải Vân	1-2	3-5	20

Ghi chú:

- Ngoài danh mục trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Số lượng, tên, vị trí, diện tích, phạm vi ranh giới, nhu cầu sử dụng đất... của các dự án trên sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...), trong quá trình lập quy hoạch chuyên ngành và lập dự án đầu tư.

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TUYẾN ỐNG DẪN DẦU, KHÍ THIÊN NHIÊN

1. Tuyến ống dẫn nhiên liệu bay

STT	Tên tuyến ống	Đường kính	Chiều dài
1	Đường ống từ Cảng Kỳ Hà về Kho nhiên liệu bay cảng hàng không quốc tế Chu Lai	12”	Khoảng 5-10 Km

2. Tuyến ống dẫn khí thiên nhiên

STT	Tên tuyến ống	Công suất (tỷ m^3/năm)	Chiều dài (km)
1	Đường ống từ trung tâm phân phối khí (GDC) tại Tam Quang - Xã Núi Thành đến các KCN lân cận	0,6 - 0,9	10 - 15
2	Hệ thống đường ống từ các kho LNG đến các khu công nghiệp lân cận	0,5 - 1	Theo các dự án
3	Đường ống dẫn khí từ kho LNG Đà Nẵng đến các Nhà máy điện LNG Hoà Ninh giai đoạn 1	2	15
4	Đường ống dẫn khí từ kho LNG Đà Nẵng đến các Nhà máy điện LNG tại Đà Nẵng	5	120

Ghi chú:

- Ngoài danh mục trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Số lượng, tên, vị trí, diện tích, phạm vi ranh giới, nhu cầu sử dụng đất... của các dự án trên sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...), trong quá trình lập quy hoạch chuyên ngành và lập dự án đầu tư.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỬA HÀNG XĂNG DẦU, TRẠM CHIẾT NẠP LPG, TRẠM CẤP KHÍ THIÊN NHIÊN

1. Cửa hàng xăng dầu

- Tiếp tục khai thác 288 cửa hàng xăng dầu và 26 tàu bán dầu đường sông. Cải tạo, nâng cấp các CHXD theo hướng số hóa, đầu tư thiết bị công nghệ để cung cấp các loại nhiên liệu mới.

- Trong giai đoạn 2026-2030: dự kiến phát triển thêm 50 cửa hàng trên địa bàn thành phố.

2. Trạm chiết nạp LPG

STT	Tên kho/trạm nạp	Đơn vị quản lý	Địa điểm	Tổng sức chứa (Tấn)	Tổng diện tích đất (m^2)
I	**Trạm hiện có**			**920**	**52.499**
1	Trạm chiết nạp Gas Hòa Cầm	Công ty cổ phần năng lượng Gas miền Trung	Phường Cẩm Lệ	150	13.000
2	Trạm nạp LPG Đà Nẵng	Công ty Cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Phường Hải Vân	110	6.000
3	Trạm nạp LPG Đà Nẵng	Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh miền Trung	Phường Hải Vân	60	7.710
4	Nhà máy sản xuất bình gas và chiết nạp gas	Công ty CP đầu tư và sản xuất Petro Miền trung	Phường Điện Bàn Đông	100	9.240
5	Nhà máy chiết nạp gas	Công ty TNHH Gas Miền trung	Phường Điện Bàn Đông	150	4.130
6	Trạm chiết nạp gas G4S	Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí G4S	Phường Hải Vân	350	12.419
II	**Xây dựng mới**			**300**	**36.000**
1	Xây mới 02-04 trạm chiết nạp LPG		Các KCN, CCN, Khu công nghệ cao, các xã vùng núi	300	36.000

Ghi chú:

- Ngoài danh mục trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Số lượng, tên, vị trí, diện tích, phạm vi ranh giới, nhu cầu sử dụng đất... của các dự án trên sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...), trong quá trình lập quy hoạch chuyên ngành và lập dự án đầu tư.

thaont17-22/01/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17-thaont17

3. Trạm cấp khí LNG, CNG

STT	Tên trạm	Địa điểm	Sức chứa, T	Diện tích đất, m^2
I	**Trạm hiện có**			
1	Trạm cấp LNG tại Nhà máy HS Hyosung	Khu công nghiệp Tam Thăng, xã Thăng Trường	45 (100 m^3)	-
2	Trạm cấp LNG tại Nhà máy gạch Đồng Tâm - Miền Trung	Khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông	45 (100 m^3)	-
II	**Lắp đặt mới**			**13.100**
1	Trạm nạp CNG cho xe ô tô sử dụng khí đốt	Khu công nghiệp Hòa Cầm, phường Cẩm Lệ	45	800
2	Trạm nạp CNG cho xe ô tô sử dụng khí đốt	Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh	45	800
3	Các trạm cấp LNG, CNG Tạm tính 10 trạm	Các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	45T/ trạm	10.000
4	Các trạm cấp LNG, CNG quy mô nhỏ. Tạm tính 15 trạm	Khách hàng công nghiệp, dân dụng	2,5-4 T/ trạm	1.500

Ghi chú:

- Ngoài danh mục trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Số lượng, tên, vị trí, diện tích, phạm vi ranh giới, nhu cầu sử dụng đất... của các dự án trên sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...), trong quá trình lập quy hoạch chuyên ngành và lập dự án đầu tư.

4. Phương án phát triển hạ tầng dịch vụ cung ứng xăng dầu khác

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích mặt nước (ha)	Ghi chú
1	Khu dịch vụ cung ứng xăng dầu kết hợp tránh bão	Phường Sơn Trà	01	Vốn nhà đầu tư

PHỤ LỤC XVI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
MẠNG LƯỚI VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Danh mục	Quy mô dự kiến	Ghi chú
1	Phát triển mới các trạm thu, phát sóng di động	1.500 trạm phát triển mới	Ưu tiên phát triển trạm thu, phát tại các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung, các cụm công nghiệp, khu sản xuất nông, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các trung tâm logistics, các địa điểm du lịch, khu vực lõm sóng, trắng sóng, khu đô thị.
2	Trạm thu phát sóng thông tin di động 5G	4.000 trạm	
3	Hạ tầng IoT phục vụ xây dựng đô thị thông minh	2 triệu thiết bị	Mở rộng mạng Lorawan thành phố, triển khai ứng dụng IoT trong các lĩnh vực trọng điểm
4	Kết nối mới tuyến cáp quang trên biển (cả dự phòng)	Kết nối mới 1- 2 tuyến cáp quang biển quốc tế	
5	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông	50% toàn thành phố	
6	Phát triển hạ tầng cáp quang tốc độ kết nối các cơ quan nhà nước, khu thương mại tự do, các khu công nghệ số, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp	100% các cơ quan nhà nước, khu thương mại tự do, các khu công nghệ số, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được kết nối cáp quang tốc độ cao (băng thông tối thiểu 01Gbps)	

Ghi chú: *Phương án phát triển mạng lưới viễn thông mang tính định hướng. Các nhiệm vụ/đề án/dự án cụ thể sẽ được bổ sung, cập nhật phù hợp với nhu cầu phát triển của thành phố.*

thaont17-20/07/2026 14:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XVII

PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM AN NINH NGUỒN NƯỚC, PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI, CẤP NƯỚC, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Phương án ưu tiên phát triển mạng quan trắc tài nguyên nước mặt và nước dưới đất

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	
		2026-2030	2031-2050
1	Bổ sung thêm 01 trạm quan trắc thủy văn kết hợp tài nguyên nước trên sông Bắc		x
2	Giám sát tự động, trực tuyến đối với số lượng, chất lượng nước của tất cả các nguồn nước quan trọng phục vụ cấp nước sinh hoạt	x	
3	Giám sát số lượng, chất lượng nước trên các sông, suối có hoạt động khai thác khoáng sản	x	
4	Xây dựng các trạm quan trắc nước mặt tự động, liên tục (hiện nay đang thực hiện quan trắc định kỳ) tại khu vực có nguồn thải lớn	x	
5	Xây dựng các trạm quan trắc nước dưới đất tự động, liên tục tại các khu vực sử dụng nhiều nước dưới đất, khu vực có nguy cơ cao với xâm nhập mặn, khu vực ven biển		x

2. Danh mục công trình, dự án thủy lợi, cấp nước

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	
			2026-2030	2031-2050
I	**Xây dựng mới**			
I.1	**Hồ chứa**			
1	Hồ chứa nước Cha Mai (đang xây dựng)	Xã Tây Hồ	x	
2	Hồ chứa Hố Khế (đang xây dựng)	Xã Lãnh Ngọc	x	
3	Hồ chứa Mò Ó (đang xây dựng)	Xã Thanh Bình	x	
4	Hồ chứa Suối Thỏ (đang xây dựng)	Xã Tiên Phước	x	
5	Hồ chứa Phước Hòa (đang xây dựng)	Xã Việt An	x	
6	Hồ chứa Lộc Đại (đang xây dựng)	Xã Quế Sơn Trung	x	
7	Hồ chứa Trường Đồng (Ba Tuc)	Xã Tam Anh	x	
8	Hồ chứa Sông Côn	Xã Bến Hiên	x	
9	Hồ chứa A Rộ	Xã Đông Giang	x	
10	Hồ chứa Thôn 4	Xã Phước Năng		x

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	
			2026-2030	2031-2050
11	Hồ chứa Thôn 6	Xã Núi Thành		x
12	Hồ chứa Năm Minh	Xã Đức Phú		x
13	Hồ chứa Đồng Cỏ	Xã Tam Mỹ		x
14	Hồ chứa Trung Chánh	Xã Tam Mỹ		x
15	Hồ chứa Hố Trác	Xã Quế Sơn		x
16	Hồ chứa Bà Mốc	Xã Quế Sơn		x
17	Hồ chứa Đồng Cổng	Xã Nông Sơn		x
18	Hồ chứa sông Bắc	Phường Hải Vân	x	
19	Hồ chứa Lỗ Đông	Xã Bà Nà		x
20	Hồ chứa Khe Răm- Hội Yên	Phường Hải Vân		x
21	Hồ chứa Bàu Bàng	Phường Hải Vân		x
22	Hồ chứa Blooc 2	Xã A Vương		x
23	Hồ chứa Ta Ri	Xã Tây Giang		x
24	03 hồ chứa: hồ chứa A Banh 2, hồ chứa Ga Nil, hồ chứa A Zach	Xã Hùng Sơn		x
25	Hồ chứa Bà Bình	Xã Trà Liên	x	
26	Hồ chứa Hố Cá	Xã Trà Liên		x
27	Hồ chứa Ào Ào, hồ chứa Suối Cát, hồ chứa Phước Tuy, hồ chứa Đá Đen	Xã Việt An		x
28	Hồ chứa Hố Khê, hồ chứa Già Bang	Xã Hiệp Đức		x
29	Hồ chứa Trường Nước, hồ chứa Đại Phong	Xã Nông Sơn		x
30	Hồ chứa Hố Lang, hồ chứa Cây Chò, đập Thạch Bích	Xã Quế Phước		x
31	Hồ chứa Suối Ngựa, hồ chứa Thôn 11, hồ chứa Bà Vĩnh, hồ chứa Hố Rắn, hồ chứa Hố Sơn	Xã Tiên Phước		x
32	Hồ chứa Hố Ốc, hồ chứa Ruộng Đằng	Xã Thanh Bình		x
33	Hồ chứa Suối Trày, hồ chứa Thôn 6	Xã Sơn Cẩm Hà		x
34	Hồ chứa Thầu Đâu	Xã Lãnh Ngọc		x
35	Hồ chứa Bồng Miêu	Xã Phú Ninh		x
36	Hồ chứa điều tiết	Xã Chiên Đàn	x	
37	Hồ chứa Vũng Thùng	Xã Đại Lộc		x
38	Hồ chứa thị trấn	Xã Trà My		x
I.2	**Đập dâng**			
1	Đập Vực Rin	Xã Thanh Bình	x	
2	Đập Ồ Ồ	Xã Lãnh Ngọc	x	
3	Điều tiết nguồn nước và chỉnh trị sông Quảng Huế	Xã Vu Gia	x	x

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	
			2026-2030	2031-2050
4	Đập ngăn mặn trên sông Vĩnh Điện	Phường Điện Bàn Đông	x	
5	Đập ngăn mặn trên sông Thu Bồn	Phường Điện Bàn, xã Nam Phước	x	
6	Đập ngăn mặn trên sông Tam Kỳ, sông Bàn Thạch	Xã Tam Xuân	x	
7	Đập ngăn mặn trên sông Cầu Đỏ	Sông Cầu Đỏ		x
8	Đập sông Bắc để nâng công suất NMN Hoà Liên	Phường Hải Vân	x	
9	Các đập dâng trên các trục kênh tiêu: Tây Tịnh, An Trạch (Tổ 1), An Châu, Tuý Loan, Đập Đồng, Đập Sa, Đèo Ông Gấm, Điện Nam, Đại Thắng, Xuân Phú, Duy Xuyên, Bàu Bàng, Tam Đàn,…	Các xã, phường: Hoà Tiến, Bà Nà, Hoà Khánh, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, Duy Xuyên, Phú Thuận, Vu Gia, Xuân Phú, Duy Nghĩa, Nam Phước, Thăng Bình, Thăng An, Chiên Đàn	x	
10	Đập dâng cấp nước tưới cho các xã Sông Kôn, Thạnh Mỹ, Đắc Pring, La Êê, Nam Giang, Phước Thành, Phước Năng, Tây Giang, A Vương, Hùng Sơn, Trà My, Trà Đốc, Trà Liên, Trà Giáp, Việt An, Phước Trà, Trà Vân, Trà Leng, Trà Tập, Trà Linh, Phước Hiệp, Sơn Cẩm Hà, Thanh Bình, Lãnh Ngọc, Quế Sơn và Quế Sơn Trung…	Các xã: Sông Kôn, Thạnh Mỹ, Đắc Pring, La Êê, Nam Giang, Phước Thành, Phước Năng, Tây Giang, A Vương, Hùng Sơn, Trà My, Trà Đốc, Trà Liên, Trà Giáp, Việt An, Phước Trà, Trà Vân, Trà Leng, Trà Tập, Trà Linh, Phước Hiệp, Sơn Cẩm Hà, Thanh Bình, Lãnh Ngọc, Quế Sơn và Quế Sơn Trung…	x	x
I.3	**Trạm bơm**			
1	Trạm bơm Đông An, Cơ Bình 2	Các xã: Quế Phước, Đồng Dương	x	
2	Trạm bơm phòng chống hạn mặn Tuý Loan	Xã Bà Nà	x	
3	Trạm bơm An Trạch 2 và đường ống nước thô về Nhà máy nước Hòa Phước	Xã Hoà Tiến	x	
4	Trạm bơm nước thô Nam Mỹ và đường ống từ Nam Mỹ về Hòa Liên	Phường Hải Vân	x	
5	Đường ống tự chảy từ hồ sông Bắc về Nhà máy nước Hòa Liên (từ hồ sông Bắc về Nam Mỹ và từ Nam Mỹ về Hòa Liên)	Phường Hải Vân	x	

thaont17-22/07/2025 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	
			2026-2030	2031-2050
6	Trạm bơm Đại Hòa lấy nước sông Thu Bồn và đường ống dẫn nước về An Trạch, nhà máy nước Cầu Đỏ và khu vực phụ cận	Xã Thu Bồn		x
7	Đường ống và trạm bơm trung chuyển đưa nước từ hồ Lỗ Đông về Nhà máy nước Hòa Phong	Xã Hoà Vang		x
8	Trạm bơm lấy nước Thu Bồn và đường ống dẫn nước về Nhà máy nước Hội An	Các xã, phường: Điện Bàn Tây, Điện Bàn		x
9	Các trạm bơm cấp nước cho các xã Nông Sơn, Việt An, Tiên Phước, Thanh Bình, Quế Sơn Trung, Phú Ninh, Bàn Thạch, Chiên Đàn	Các xã: Nông Sơn, Việt An, Tiên Phước, Thanh Bình, Quế Sơn Trung, Phú Ninh, Bàn Thạch, Chiên Đàn	x	x
10	Nâng cấp, sữa chữa các Trạm bơm và kênh trạm bơm Ái Nghĩa, Cẩm Văn, Vĩnh Điện, Gia Hội, Xuyên Đông, Gò Da, Đại Chánh	Các xã, phường: Điện Bàn, Đại Lộc, Thăng Phú, Phú Thuận, Điện Bàn Tây, Nam Phước	x	
I.4	**Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước**			
1	Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước từ hồ chứa Việt An tới hồ chứa Đông Tiến	Các xã: Việt An, Đồng Dương	x	
2	Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước từ sông Thu Bồn về sông Vu Gia (Hạ lưu cầu Giao Thủy về Nhà máy nước Cầu Đỏ)	Các xã: Đại Lộc, Hoà Tiến	x	
3	Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước từ sông Thu Bồn bổ sung nước hệ thống kênh hồ Phú Ninh.	Toàn thành phố	x	
4	Tuyến kết nối, điều hoà, chuyển nước từ các hồ chứa thuỷ điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn đến các hệ thống thuỷ lợi hiện có để phục vụ cấp nước tưới	Toàn thành phố	x	x
I.5	**Mạng lưới công trình nhà máy nước sạch nông thôn, đô thị**			
1	Nhà máy nước Phú Thuận	Xã Phú Thuận	x	
2	Nhà máy nước Hà Tân	Xã Thượng Đức	x	
3	Nhà máy nước Giao Thủy	Xã Đại Lộc	x	
4	Nhà máy nước Sông Vu Gia	Xã Hà Nha	x	
5	Nhà máy nước An Trạch	Sông Yên	x	
6	Nhà máy nước Sông Bắc	Sông Bắc		x
7	Nhà máy nước Hòa Châu	Đập Bầu Nít - Sông Quá Giáng		x
8	Nhà máy nước Động Hà Sống	Xã Hà Nha	x	
9	Nhà máy nước Khe Tân	Xã Phú Thuận	x	
10	Nhà máy nước Bình Lãnh	Xã Đồng Dương	x	
11	Nhà máy nước Bình Phú	Xã Thăng Phú	x	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	
			2026-2030	2031-2050
12	Nhà máy nước Tĩnh Yên	Xã Thu Bồn	x	
13	Nhà máy nước Kiểm Lâm	Xã Thu Bồn	x	
14	Nhà máy nước Tân Bình	Xã Hiệp Đức	x	
15	Nhà máy nước Hiệp Thuận	Xã Hiệp Đức	x	
16	Nhà máy nước Phước Hiệp	Xã Phước Hiệp	x	
17	Nhà máy nước Gò Nổi	Xã Gò Nổi	x	
18	Nhà máy nước Bắc Trà My	Xã Trà My	x	
19	Nhà máy nước Đồng Xanh	Xã Vu Gia	x	
20	Nhà máy nước Chu Lai	Xã Tam Xuân	x	
21	Nhà máy nước thị trấn Prao	Xã Đông Giang	x	
22	Nhà máy nước Sông Vàng	Xã Sông Vàng	x	
23	Nhà máy nước Quế Trung - Nông Sơn	Xã Nông Sơn	x	
24	Nhà máy nước liên xã huyện Quế Sơn	Xã Quế Sơn Trung	x	
25	Nhà máy nước Tơ Viêng (Atiêng)	Xã Tây Giang	x	
26	Nhà máy nước AXan	Xã Tây Giang	x	
27	Nhà máy nước Chà Vàl	Xã Nam Giang	x	
28	Nhà máy nước sạch xã Điện Bàn Tây	Xã Điện Bàn Tây	x	
29	Nhà máy nước sạch tập trung xã Đức Phú	Xã Đức Phú	x	
30	Nhà máy nước sạch xã Trà Liên	Xã Trà Liên	x	
31	Nhà máy nước Duy Nghĩa	Xã Duy Nghĩa	x	
32	Nhà máy nước Hòa Liên	Sông Cu Đê	x	
33	Nhà máy nước Cầu Đỏ	Sông Cẩm Lệ	x	
34	Nhà máy nước Tam Hiệp	Hồ Thái Xuân	x	
35	Nhà máy nước Tam Hiệp	Hồ Phú Ninh	x	x
36	Nhà máy nước Tam Kỳ	Hồ Phú Ninh	x	
37	Nhà máy nước Thạnh Mỹ	Sông Cái	x	
38	Nhà máy nước Khâm Đức	Suối Trèo	x	
39	Nhà máy nước Duy Xuyên	Sông Thu Bồn	x	
40	Nhà máy nước Nam Phước	Sông Thu Bồn	x	
41	Nhà máy nước Hội An	Sông Thu Bồn	x	
42	Nhà máy nước Điện Phước	Sông Thu Bồn	x	
43	Nhà máy nước Vĩnh Điện	Sông Thu Bồn	x	
44	Nhà máy nước Trảng Nhật	Sông Yên	x	
45	Nhà máy nước Thăng Bình	Sông Ly Ly, hồ Phú Ninh	x	
46	Nhà máy nước Phú Ninh	Hồ Phú Ninh	x	
47	Nhà máy nước Tân An	Sông Tranh	x	

thaont17 2/07/2026 15:49:05 thaont17 thaont17 thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	
			2026-2030	2031-2050
48	Nhà máy nước Ái Nghĩa	Sông Vu Gia	x	
49	Nhà máy nước Đông Phú	Hồ Việt An	x	x
50	Nhà máy nước Tiên Phước	Sông Tiên	x	x
51	Nhà máy nước Nam Trà My	Suối Đôi	x	
52	Nhà máy nước Tam Phước	Kênh Phú Ninh	x	
53	Hệ thống cấp nước sinh hoạt và xử lý vệ sinh môi trường liên xã Điện Quang, Điện Trung, Điện Phong	Sông Thu Bồn	x	
54	Công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Lâm	Hồ Việt An	x	
II	**Nâng cấp, sửa chữa**			
1	Nâng cấp, sửa chữa các công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, kênh mương, nhà máy nước sạch khu vực nông thôn, đô thị (*danh mục công trình chi tiết tại Hợp phần Điều chỉnh phương án quy hoạch hệ thống hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*)	Toàn thành phố	x	x

Ghi chú: *Số lượng các công trình, tên, vị trí, quy mô quy hoạch dự kiến nêu trên mang tính định hướng. Trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn, tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh danh mục, tên công trình, số lượng, vị trí, quy mô cho phù hợp với nhu cầu, cũng như điều kiện thực tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực. Ngoài ra, đối với nguồn nước dự kiến của mạng lưới công trình nhà máy nước sạch nông thôn, đô thị sẽ bao gồm các nguồn nước đã kê khai như danh mục và các nguồn nước bổ sung khác (kênh, ao, hồ,...)*

3. Danh mục các công trình, dự án hạ tầng phòng chống thiên tai

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
A	**Ngành Nông nghiệp và Môi trường**			
I	**Công trình đê, kè**			
I.1	**Xây dựng mới**			
1	Kè khẩn cấp sông Vu Gia, khu vực thị trấn Ái Nghĩa (đang thi công)	Xã Đại Lộc	x	
2	Kè 2 bờ tả, hữu sông A Vương đoạn qua khu vực trung tâm hành chính huyện Tây Giang (đang thi công)	Xã Tây Giang	x	

thaont17-22/07/2026 10:00:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
3	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ Sông Yên (Đoạn từ hạ lưu Đập An Trạch - Cầu sông Yên - Ngã ba sông Cẩm Lệ) (đang thi công)	Xã Hoà Tiến	x	
4	Kè chống sạt lở thượng lưu cầu Trường Định, sông Cu Đê (đang thi công)	Phường Hải Vân	x	
5	Kè chống sạt lở khẩn cấp sông Cu Đê (Xử lý các điểm sạt lở xung yếu) (đang thi công)	Phường Hải Vân	x	
6	Kè chống sạt lở tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (8 đoạn kè trên các sông Yên, Vĩnh Điện, Tuý Loan)	Các xã, phường: Hoà Tiến, Hoà Vang, Bà Nà, Hoà Xuân	x	
7	Kè chỉnh trị sông Vĩnh Điện đoạn qua khu dân cư E2 mở rộng Nam cầu Cẩm Lệ (bờ tả) và qua phường Hoà Quý (bờ hữu) (đang thi công)	Phường Ngũ Hành Sơn	x	
8	Kè chống sạt lở ven sông Tam Kỳ (đoạn từ cầu Tam Kỳ mới đến cầu Tam Kỳ cũ) (đang thi công)	Phường Hương Trà	x	
9	Kè chống sạt lở sông Tà Làng khu vực trung tâm cụm xã A Zứt, xã Bhalêê	Xã A Vương	x	
10	Kè chống sạt lở sông Trường	Các xã: Trà Liên, Trà Giáp, Trà Tân, Trà My	x	
11	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Quảng Huế đoạn qua thôn Phú Nghĩa	Xã Đại Lộc	x	
12	Kè chống sạt lở bờ sông Thu Bồn khu vực thôn Phú Đa, xã Thu Bồn	Xã Thu Bồn	x	
13	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Vĩnh Điện đoạn qua phường Điện Bàn Đông	Phường Điện Bàn Đông	x	
14	Kè chống sạt lở thôn Lạc Thành Đông, xã Điện Hồng	Xã Điện Bàn Tây	x	
15	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực hạ lưu đập Quảng Huế	Xã Vu Gia	x	
16	Kè chống sạt lở thôn Giao Thủy	Xã Đại Lộc	x	
17	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thu Bồn khu vực thôn Trà Đông	Xã Nam Phước	x	
18	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thu Bồn khu vực xã Thu Bồn (Giai đoạn 2)	Xã Thu Bồn		x
19	Kè chống sạt lở bờ biển tại thôn Trung Phường	Xã Duy Nghĩa	x	
20	Kè chống sạt lở sông Ly Ly, thôn An Lạc	Xã Duy Nghĩa	x	

thoant17-20/01/2026 15:49:03-thoant17-thoant17-thoant17

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
21	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Trung Phước	Xã Nông Sơn	x	
22	Kè chống sạt lở ven sông Tam Kỳ, khối phố 7	Phường Hương Trà	x	
23	Kè chống sạt lở khẩn cấp Bàu Nít đoạn qua sông Bầu Sáu, thôn Hà Tây	Phường Điện Bàn Bắc	x	
24	Kè chống sạt lở khẩn cấp sông Bình Phước đoạn qua thôn Lạc Thành Tây, Lạc Thành Đông	Xã Điện Bàn Tây	x	
25	Kè chống sạt lở bờ Nam sông Tam Kỳ	Các phường: Hương Trà, Tam Kỳ	x	
26	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn qua TT Vĩnh Điện và phường Điện Minh (cũ)	Phường Điện Bàn	x	
27	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Vĩnh Điện đoạn qua phường Điện Ngọc (cũ)	Phường Điện Bàn Đông	x	
28	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Bình Phước, đoạn qua đập Bàu Nít	Phường Điện Bàn Bắc	x	
29	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Bình Phước đoạn qua xã Điện Hồng cũ	Xã Điện Bàn Tây	x	
30	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn chảy qua Triêm Tây	Phường Điện Bàn	x	
31	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thanh Quýt	Các xã, phường: Điện Bàn Tây, An Thắng	x	
32	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn qua xã Điện Quang (cũ)	Xã Gò Nổi	x	
33	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn qua xã Điện Phước (cũ)	Phường Điện Bàn Tây	x	
34	Kè chống sạt lở bờ tả sông Bến Giá qua xã Điện Phong (cũ)	Xã Gò Nổi	x	
35	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn đoạn qua xã Điện Trung (cũ)	Xã Gò Nổi	x	
36	Kè chống sạt lở bờ tả sông Vĩnh Điện đoạn qua phường Điện An (cũ)	Phường An Thắng	x	
37	Kè chống sạt lở bờ tả sông Thu Bồn, đoạn qua xã Điện Phương (cũ)	Phường Điện Bàn	x	
38	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thanh Quýt, đoạn qua xã Điện Thắng Nam (cũ)	Phường An Thắng	x	
39	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Bàu Sấu	Phường Điện Bàn Bắc	x	
40	Kè chống sạt lở sông Yên đoạn thượng lưu đoạn kè xung yếu	Phường Điện Bàn Bắc	x	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
41	Kè chống sạt lở bờ tả sông Thu Bồn qua xã Điện Hồng (cũ)	Xã Điện Bàn Tây	x	
42	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Bình Phước đoạn qua La Thọ	Các xã, phường: Điện Bàn Tây, An Thắng	x	
43	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Thu Bồn đoạn qua xã Điện Hồng (cũ), Điện Thọ (cũ), Điện Phước	Xã Điện Bàn Tây	x	
44	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Vĩnh Điện, đoạn qua Cẩm Đồng	Xã Gò Nổi	x	
45	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Thu Bồn, đoạn qua Bến Hục-Kỳ Long	Phường Điện Bàn Đông	x	
46	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Vĩnh Điện đoạn qua Tứ Câu	Phường Điện Bàn Đông	x	
47	Kè chống sạt lở bờ sông Ấp Bắc	Xã Vu Gia	x	
48	Kè chống sạt lở bờ sông Thuận Hòa	Xã Phú Thuận	x	
49	Kè chống sạt lở bờ sông Mỹ Hảo	Xã Vu Gia	x	
50	Kè chống sạt lở bờ sông Hanh Tây- Tây Lễ	Xã Phú Thuận	x	
51	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Đông Phước	Xã Phú Thuận	x	
52	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Tân Hà	Xã Vu Gia	x	
53	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Hà Dục Đông- Tịnh Đông Tây	Xã Phú Thuận	x	
54	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Hanh Đông	Xã Phú Thuận	x	
55	Kè chống sạt lở bờ sông khu vực Quảng Yên	Xã Phú Thuận	x	
56	Kè chống sạt lở từ chợ Phú Đa - Khe Cát	Xã Thu Bồn	x	
57	Kè chống sạt lở Khe Cát - Cầu Cây Khế	Xã Thu Bồn	x	
58	Kè chống sạt lở khu dân cư từ tổ 5 - Tổ 6	Xã Thu Bồn	x	
59	Kè chống sạt lở Trạm bơm Vinh Cường - Cầu Mỹ Lược	Xã Thu Bồn	x	
60	Kè chống sạt lở khu dân cư mới Mỹ Lược	Xã Thu Bồn	x	
61	Kè chống sạt lở khu vực sau chợ Mỹ Lược	Xã Thu Bồn	x	
62	Kè chống sạt lở khu vực Cỏ Cùn - Trụ điện Lệ Bắc	Xã Thu Bồn	x	
63	Kè chống sạt lở khu dân cư Cù Bàn - Cồn Đu	Xã Duy Nghĩa	x	
64	Kè chống sạt lở khu dân cư Vạn Buồng	Xã Duy Xuyên	x	
65	Kè chống sạt lở từ cầu Chiêm Sơn - Khu dân cư Xuân Sơn	Xã Duy Nghĩa	x	
66	Kè chống sạt lở Kênh Nam	Xã Duy Nghĩa	x	

thaont1 / 2/07/2026 15:49:05 thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
67	Kè chống sạt lở Đồng Loát	Xã Duy Nghĩa	x	
68	Kè chống sạt lở Cầu suối Yến	Xã Duy Xuyên	x	
69	Kè chống sạt lở Bắc Biên	Xã Duy Xuyên	x	
70	Kè chống sạt lở từ bãi Đào tơ đến chân cầu đường tránh lũ	Xã Duy Xuyên	x	
71	Kè chống sạt lở khu dân cư An Lạc	Xã Duy Nghĩa	x	
72	Kè chống sạt lở khu dân cư Bắc Trà Đông	Xã Nam Phước	x	
73	Kè chống sạt lở phía Bắc cầu Hà Tân	Xã Nam Phước	x	
74	Kè chống sạt lở từ Cầu Hà Tân đến chợ Bàn Thạch	Xã Nam Phước	x	
75	Kè chống sạt lở ven sông thôn Trung Phường	Xã Duy Nghĩa	x	
76	Kè chống sạt lở khu đô thị Nồi Rang	Xã Duy Nghĩa	x	
77	Kè chống sạt lở khu dân cư Miếu Trắng - Bến Hến	Xã Duy Nghĩa	x	
78	Kè chống sạt lở Bến An Lương	Xã Duy Nghĩa	x	
79	Kè chống sạt lở khu dân cư Hà Nhuận	Xã Nam Phước	x	
80	Kè chống sạt lở khu dân cư Triều Châu	Xã Nam Phước	x	
81	Kè chống xói lở khu vực UBND xã Phước Lộc (cũ) và trường THCS Phước Lộc	Xã Phước Thành	x	
82	Kè chống xói lở khu vực trường TH và THCS và sân vận động xã Phước Thành	Xã Phước Thành	x	
83	Kè chống sạt lở bờ suối nước Xe, suối nước Sa	Xã Phước Hiệp	x	
84	Kè chống sạt lở bờ sông Bàn Thạch	Các xã, phường: Bàn Thạch, Quảng Phú, Tam Kỳ, Tam Xuân	x	
85	Kè chống sạt lở bờ Đông sông Cái; suối Ban Mai, Sông Vàng, Phu Son; suối Đha Nghi, Lấy, Vầu; suối A Duông, Tà Xí, Ka Nơm, Tà Vạc; suối Hiệp, Nhiều; suối Tu Ngung, A Dung	Các xã: Nam Giang, La Êê, La Dêê, Đắc Pring		x
86	Kè chống sạt lở suối Tây Yên	Xã Phú Ninh	x	
87	Kè chống sạt lở sông Bà Rén	Xã Xuân Phú	x	
88	Kè chống sạt lở sông Ly Ly	Xã Xuân Phú	x	
89	Kè chống sạt lở sông Ly Ly giai đoạn 2	Xã Xuân Phú		x
90	Kè chống sạt lở bờ sông Trạm	Xã Trà My	x	
91	Kè chống sạt lở trung tâm hành chính xã Trà My	Xã Trà My	x	
92	Kè chống sạt lở Làng ông Hiền	Xã Nam Trà My	x	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
93	Kè bảo vệ cánh đồng Mừng Lứt	Xã Trà Leng	x	
94	Kè chống sạt lở sông Bồng Miêu xã Tam Lãnh (cũ)	Xã Phú Ninh	x	
95	Kè chống sạt lở Nam sông Vĩnh Điện, thôn Hòa An	Xã Gò Nổi	x	
96	Kè chống sạt lở Thanh Hà, phường Thanh Hà (cũ)	Phường Hội An Tây	x	
97	Kè chống sạt lở ven sông nội thị - thị trấn Prao (cũ)	Xã Đông Giang	x	
98	Kè chống sạt lở sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ	Phường An Khê	x	
99	Kè chống sạt lở sông Vĩnh Điện	Phường Điện Bàn Đông	x	
100	Kè chống sạt lở kết hợp giao thông và phát triển du lịch 2 bên bờ sông Mùi	Xã Đức Phú	x	
101	Kè chống sạt lở thôn 6 xã Trà Đốc, khu vực sông Bui	Xã Trà Đốc	x	
102	Kè chống sạt lở thôn 5	Xã Trà Đốc	x	
103	Kè chống sạt lở cánh đồng suối Trĩ	Xã Trà Đốc	x	
104	Kè chống sạt lở cánh đồng sản xuất tại Tố dân cư Bút Tưa thôn Bhlô Bền	Xã Sông Kôn	x	
105	Kè chống sạt lở khu dân cư dọc sông Voi theo dọc tuyến đường trung tâm xã Jơ Ngây cũ	Xã Sông Kôn	x	
106	Kè chống sạt lở bờ sông Côn (khu vực cầu Hà Tân, thôn Tân Hà, Hà Tân, Tân An)	Xã Thượng Đức	x	
107	Kè chống sạt lở thôn 4 xã Trà Giáp, đoạn từ trụ sở UBND xã đến nhà ông Thạch.	Xã Trà Giáp	x	
108	Kè chống sạt lở thôn 2 xã Trà Giáp, khu vực suối Toong	Xã Trà Giáp	x	
109	Kè chống sạt lở thôn 1 xã Trà Giáp, khu vực suối Gôn và suối Van	Xã Trà Giáp	x	
110	Kè chống sạt lở thôn 1 xã Trà Giáp, khu vực đồi cáp Tu	Xã Trà Giáp	x	
111	Kè chống sạt lở thôn 2 xã Trà Giáp, khu vực suối Part (Sau lưng nhà ông Trường)	Xã Trà Giáp	x	
112	Kè chống sạt lở thôn 1 xã Trà Giáp, khu vực suối Toong	Xã Trà Giáp	x	
113	Kè chống sạt lở thôn 2 xã Trà Giáp, khu vực đồi ông Ký	Xã Trà Giáp	x	

thaont17-2026-15:49:03-thaont17thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
114	Kè chống sạt lở thôn 2 xã Trà Giáp, khu vực suối Crac	Xã Trà Giáp	x	
115	Đầu tư xây dựng đập và kè chống sạt lở suối Ngheo thôn 3 xã Trà Giáp	Xã Trà Giáp	x	
116	Kè chống sạt lở thôn 3 xã Trà Giáp, khu vực tái định cư	Xã Trà Giáp	x	
117	Kè chống sạt lở thôn 4 xã Trà Giáp, khu vực suối ngheo gần nhà văn hoá thôn	Xã Trà Giáp	x	
118	Kè chống sạt lở thôn 5 xã Trà Giáp, khu vực xà Nu	Xã Trà Giáp	x	
119	Kè chống sạt lở bờ sông Ví	Xã Trà Liên	x	
120	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát lũ phía đông tuyến Võ Chí Công ra biển	Xã Thăng An	x	
121	Kè chống sạt lở bờ biển tại thôn Bình Trung, Thuận An	Xã Tam Hải	x	
122	Kè chống sạt lở dọc tuyến đường ven biển Hoàng Sa - Trường Sa - Võ Nguyên Giáp (dài gần 2.000 m).	Các phường: Hải Châu, Hoà Cường, Ngũ Hành Sơn	x	
123	Kè chống sạt lở và bảo vệ bờ biển xã đảo Tam Hải	Xã Tam Hải	x	
124	Công trình chống xói lở khẩn cấp dọc bờ biển phường Hội An Tây (từ khu vực Thịnh Mỹ đến An Bàng)	Phường Hội An Tây	x	
125	Công trình chống xói lở khẩn cấp bờ biển Cửa Đại đoạn từ Khu vực An Bàng đến phường Điện Bàn Đông	Các phường: Hội An Đông, Điện Bàn Đông	x	
126	Kè biển Liên Chiểu đoạn cầu Nam Ô đến núi Vân Dương, dài 1,2km và đoạn 300m còn lại từ núi Vân Dương đến giáp với kè đã xây dựng	Phường Hải Vân	x	
127	Kè Mân Quang ứng phó BĐKH	Phường Sơn Trà	x	
128	Kè biển đoạn Mân Thái - Mỹ An dài 4km	Phường Sơn Trà	x	
129	Kè biển Sơn Trà - Điện Ngọc	Các phường: Sơn Trà, Điện Bàn Đông	x	
130	Kè chống sạt lỡ bờ biển Hội An	Các phường: Hội An Đông, Hội An Tây	x	x
131	Kè bảo vệ bờ sông, cầu và cảnh quan ven Sông Tranh	Các xã: Trà Tập, Nam Trà My	x	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
132	Kè chống sạt lở khẩn cấp Sông Thu Bồn bảo vệ dân cư Trung tâm hành chính xã Nông Sơn	Xã Nông Sơn	x	x
133	Nâng cấp kè, đê ngăn mặn kết hợp giao thông các xã vùng Đông huyện Núi Thành (cũ) (nay là các xã Tam Xuân, Tam Anh)	Các xã: Tam Xuân, Tam Anh	x	x
134	Các tuyến kè khẩn cấp, kè chống sạt lở, kè bảo vệ bờ sông, bờ biển	Toàn thành phố	x	x
I.2	**Nâng cấp, sửa chữa**			
1	Nâng cấp, sửa chữa các công trình kè chống sạt lở bờ sông/bờ biển/khu dân cư; kè bảo vệ bờ sông/bờ biển; các tuyến đê sông, đê cửa sông, đê ngăn mặn (*Danh mục công trình chi tiết tại Hợp phần Điều chỉnh phương án quy hoạch hệ thống hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*)	Toàn thành phố	x	x
II	**Hệ thống tiêu thoát nước**			
1	Nạo vét, khơi thông sông Trường Giang (Dự án thành phần của Dự án phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam)	Sông Trường Giang	x	x
2	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, nắn chỉnh, chỉnh trang các tuyến kênh tiêu, trục tiêu	Toàn thành phố	x	x
3	Nạo vét, khơi thông dòng chảy, chỉnh trị các sông, đoạn sông, hạ lưu sông tăng khả năng thoát lũ	Toàn thành phố	x	x
4	Nạo vét, kè chắn sông Đào đảm bảo thoát lũ thị trấn Nam Phước (cũ)	Xã Nam Phước	x	
5	Đầu tư xây dựng tuyến kênh thoát nước từ hệ thống suối thôn Tú Nghĩa xã Bình Tú đến sông Trường Giang	Xã Thăng Điền	x	
6	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống tiêu thoát nước mùa mưa lũ, kết hợp với tưới tiêu mùa nắng và đê ngăn mặn	Các xã: Thăng Trường, Thăng An	x	
7	Đầu tư xây dựng cầu Đa Cô thay thế cho cống tăng khả năng thoát lũ, chống ngập khu vực phường Hòa Khánh	Phường Hoà Khánh	x	
8	Dự án Nạo vét và hoàn thiện trục tiêu huyện Thăng Bình	Các xã: Thăng Bình, Thăng An	x	x
III	**Khu neo đậu tránh, trú bão, cảng cá**			
1	Nâng cấp, mở rộng các cảng cá kết hợp khu neo đậu và tránh trú bão	Các cảng cá: Hồng Triều, Cù Lao Chàm và các cảng cá khác	x	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
2	Nâng cấp cảng cá Tam Quang đạt tiêu chí cảng cá loại I	Xã Tam Quang	x	
3	Đầu tư xây dựng khu neo đậu và tránh trú bão Tam Tiến; Bình Dương; dọc sông Trường Giang	Các xã: Tam Anh, Tam Hải, Tam Xuân, Thăng An, Duy Nghĩa	x	
IV	**Các dự án di dời, bố trí tái định cư vùng thiên tai sạt lở đất, lũ quét**			
IV.1	**Khu vực các xã miền núi**			
1	Dự án sắp xếp, bố trí dân cư, tái định cư vùng thiên tai các xã miền núi (các dự án đã phê duyệt, chuyển tiếp thực hiện giai đoạn 2026 - 2035)	Các xã miền núi	x	x
2	Dự án sắp xếp, bố trí dân cư, tái định cư, khu dãn dân vùng thiên tai các xã miền núi (các dự án dự kiến mở mới)	Các xã miền núi	x	x
3	Dự án đầu tư xây dựng các công trình kè chống sạt lở các khu vực miền núi thành phố Đà Nẵng	Các xã miền núi	x	x
IV.2	**Khu vực các xã đồng bằng**			
1	Dự án sắp xếp, bố trí dân cư vùng thiên tai (Các dự án xen ghép)	Các xã: Đại Lộc, Hà Nha, Quế Phước, Trà My…	x	x
2	Dự án sắp xếp, bố trí dân cư, tái định cư vùng thiên tai sạt lở, lũ quét các xã đồng bằng (Các dự án quy mô tập trung)	Các xã, phường: Hải Vân, Hoà Khánh, Thăng Phú, Điện Bàn Bắc, Nông Sơn, Quế Phước, Tiên Phước, Lãnh Ngọc, Sơn Cẩm Hà, Thăng Trường, An Thắng, Tây Hồ,…	x	x
V	**Công trình nhà sinh hoạt cộng đồng đa năng**			
1	Đầu tư xây dựng các nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão, lũ	Toàn thành phố	x	x
2	Đầu tư xây dựng các nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão, lũ; nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa đã có bị hư hỏng do thiên tai hoặc quy mô diện tích không đảm bảo	Toàn thành phố	x	x
3	Nâng cấp, sửa chữa các nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa bị hư hỏng, xuống cấp do tác động của thiên tai	Toàn thành phố	x	x

thaont17-22/01/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Phân kỳ đầu tư	
			2026-2030	2031-2050
VI	**Các công trình phòng chống thiên tai khác**			
1	Đầu tư xây dựng các công trình PCTT phục vụ bảo vệ rừng (theo đề xuất cơ quan chuyên ngành)	Toàn thành phố	x	x
VII	**Các giải pháp phi công trình phục vụ phòng chống thiên tai**			
1	Dự án xây dựng hành lang thoát lũ các sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ, Yên, Túy Loan, Quá Giáng, Vĩnh Điện, Cu Đê	Các sông: Cầu Đỏ - Cẩm Lệ, Yên, Túy Loan, Quá Giáng, Vĩnh Điện và Cu Đê	x	x
B.2	**Ngành Giao thông, Xây dựng**			
1	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa các công trình liên quan đến ngành giao thông, xây dựng (theo đề xuất của cơ quan chuyên ngành)		x	x
B.3	**Ngành Y tế, Giáo dục, Du lịch, Văn hoá Thể thao**			
1	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa các công trình liên quan đến các ngành Y tế, Giáo dục, Du lịch, Văn hoá Thể thao (theo đề xuất của các Sở: Y Tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch)		x	x

Ghi chú: Số lượng các công trình, tên, vị trí, quy mô quy hoạch dự kiến nêu trên mang tính định hướng, được cụ thể hóa tại Hợp phần Điều chỉnh phương án quy hoạch hệ thống hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, đầu tư tiếp tục được rà soát, cập nhật, điều chỉnh danh mục, tên công trình, số lượng, vị trí, quy mô cho phù hợp với nhu cầu cũng như điều kiện thực tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực.

thaont17-22/01/2025 15:49:02-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XVIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG THOÁT NƯỚC THẢI, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ NGHĨA TRANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến (ha)
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn: - Đầu tư các nhà máy tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng, bùn thải, chất thải nguy hại; chất thải rắn từ công tác cắt tỉa cây xanh;… - Đầu tư các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt.	Phường Hòa Khánh	70
2	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đại Lộc: - Đầu tư mở rộng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu liên hợp; - Đầu tư các nhà máy tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng, bùn thải, chất thải nguy hại; chất thải rắn từ công tác cắt tỉa cây xanh;… - Đầu tư các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt.	Xã Đại Lộc	50
3	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Quế Cường: - Đầu tư mở rộng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu liên hợp; - Đầu tư các nhà máy tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng, bùn thải, chất thải nguy hại; chất thải rắn từ công tác cắt tỉa cây xanh;… - Đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt.	Xã Quế Sơn Trung	50
4	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam thành phố: - Đầu tư mở rộng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu liên hợp; - Đầu tư các nhà máy tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng, bùn thải, chất thải nguy hại; chất thải rắn từ công tác cắt tỉa cây xanh;… - Đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt.	Xã Núi Thành	100
5	Tiếp tục đầu tư hoàn thiện Khu xử lý chất thải rắn Hội An	Phường Hội An Tây	8
6	Khu xử lý chất thải rắn Thạnh Mỹ	Xã Thạnh Mỹ	5
7	Khu xử lý chất thải rắn Chàl Vàl	Xã Nam Giang	5
8	Khu xử lý chất thải rắn khu vực Đông Giang	Xã Đông Giang	3

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến (ha)
9	Khu xử lý chất thải rắn Mà Cooih	Xã Bến Hiên	5
10	Khu xử lý chất thải rắn Jơ Ngây	Xã Sông Kôn	5
11	Khu xử lý chất thải rắn A Chiing	Xã Tây Giang	1,5
12	Khu xử lý chất thải rắn Trà Giáp	Xã Trà Giáp	5
13	Khu xử lý chất thải rắn Phước Trà	Xã Phước Trà	8
14	Khu xử lý chất thải rắn Trà Đốc	Xã Trà Đốc	5
15	Khu xử lý chất thải rắn Đông Phú	Xã Quế Sơn	1,6
16	Khu xử lý chất thải rắn Nông Sơn	Xã Nông Sơn	5
17	Khu xử lý chất thải rắn Bình Hòa	Xã Hiệp Đức	5
18	Khu xử lý chất thải rắn Khâm Đức	Xã Khâm Đức	3
19	Khu xử lý chất thải rắn Phước Hòa	Xã Phước Hiệp	5
20	Khu xử lý chất thải rắn Tiên Hà	Xã Sơn Cẩm Hà	10
21	Khu xử lý chất thải rắn Trà Don	Xã Nam Trà My	10
22	Khu xử lý chất thải rắn Tam Nghĩa	Xã Núi Thành	5,2
23	Khu xử lý chất thải rắn Tam Xuân 2	Xã Tam Xuân	21
24	Nhà máy tái chế dầu công nghiệp, dầu thải và tiêu hủy chất thải nguy hại	Xã Đại Lộc	1,7
25	Nhà máy phân loại và xử lý chất thải rắn sinh hoạt Bắc Trà My	Xã Trà My	7,3
26	Các nhà máy tái chế chất thải rắn xây dựng khu vực Hòa Vang	Các xã, phường: Hòa Khánh, Liên Chiểu, Hải Vân, Hòa Xuân, Bà Nà, Hòa Vang	5-7
27	Các nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bùn thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp,....tại các Khu liên hợp và các khu xử lý	Toàn thành phố	-
28	Các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, phục hồi môi trường bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh, các bãi rác tự phát gây ô nhiễm môi trường	Toàn thành phố	-
29	Các điểm thu gom, phân loại, tập kết, các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; các trạm thu hồi vật liệu trên địa bàn các phường, xã	Toàn thành phố	-

thaont17-22/07/2026 15:19:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến (ha)
30	Các điểm thu gom, phân loại, tái chế; các điểm tập kết/trung chuyển chất thải rắn xây dựng và phá dỡ trên địa bàn các phường, xã	Toàn thành phố	-
31	Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại các khu vực phát triển đô thị trên toàn thành phố	Toàn thành phố	-
32	Đầu tư hệ thống xử lý nước thải phân tán tại các khu vực dân cư nông thôn tập trung	Toàn thành phố	-
33	Đầu tư cải tạo nâng cấp nghĩa trang Hoà Ninh, Hoà Sơn, An Châu	Toàn thành phố	-
34	Nghĩa trang tại khu vực xã Đại Lộc	Xã Đại Lộc	200
35	Nghĩa trang tại khu vực xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	300
36	Nghĩa trang tại khu vực xã Chiên Đàn	Xã Chiên Đàn	200
37	Nghĩa trang tại khu vực xã Tam Anh	Xã Tam Anh	150
38	Nghĩa trang tại khu vực xã Núi Thành	Xã Núi Thành	150
39	Các dự án nghĩa trang, công viên vĩnh hằng	Phía Tây thành phố	-

Ghi chú: *Số lượng các khu xử lý chất thải, nghĩa trang, vị trí, quy mô quy hoạch dự kiến nêu trên mang tính định hướng, sẽ được cụ thể hóa tại các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chuyên ngành và dự án đầu tư. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, đầu tư tiếp tục rà soát, cập nhật danh mục cho phù hợp với nhu cầu xử lý chất thải cũng như điều kiện thực tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực. Đối với Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Quế Cường và Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam thành phố xem xét bố trí riêng phân khu vực tiêu hủy gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm mắc bệnh, nghi mắc bệnh trên địa bàn thành phố và ngoài thành phố vận chuyển vào địa bàn thành phố bị phát hiện cần xử lý tiêu hủy tại chỗ.*

thaont17-22/07/2025 15:09:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XIX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Danh mục	Địa điểm	Thời gian thực hiện
A	**ĐẦU TƯ NÂNG CẤP, MỞ RỘNG**		
I	**TRƯỜNG THPT**		
1	Trường THPT Cẩm Lệ	Phường Cẩm Lệ	2026-2030
2	Trường THPT Võ Chí Công	Phường Ngũ Hành Sơn	2026-2030
3	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Phường An Hải	2026-2030
4	Trường THPT Thanh Khê	Phường Thanh Khê	2026-2030
5	Trường THPT Thái Phiên	Phường Thanh Khê	2026-2030
6	Trường THPT Ngô Quyền	Phường An Hải	2026-2030
7	Trường THPT Nguyễn Hiền	Phường Hòa Cường	2026-2030
8	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Phường Hòa Khánh	2026-2030
9	Trường THPT Tôn Thất Tùng	Phường An Hải	2026-2030
10	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	Xã Gò Nổi	2026-2030
11	Trường THPT Võ Chí Công – Hùng Sơn	Xã Hùng Sơn	2026-2030
12	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	Phường Hòa Xuân	2026-2030
13	Trường THPT Núi Thành	Xã Núi Thành	2026-2030
14	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	Xã Đại Lộc	2026-2030
15	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Xã Thăng An	2026-2030
16	Trường THPT Tiểu La	Xã Thăng Bình	2026-2030
17	Trường THPT Lê Hồng Phong	Xã Thu Bồn	2026-2030
18	Trường PTDTNT THCS và THPT Phước Sơn	Xã Khâm Đức	2026-2030
19	Trường THPT Hiệp Đức	Xã Hiệp Đức	2026-2030
20	Trường THPT Nông Sơn	Xã Nông Sơn	2026-2030
21	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	Phường Điện Bàn	2026-2030
22	Trường THPT Cao Bá Quát	Xã Tam Anh	2026-2030
23	Trường THPT Chu Văn An	Xã Hà Nha	2026-2030
24	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	Xã Phú Thuận	2026-2030
25	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	Xã Tiên Phước	2026-2030
26	Trường THPT Nguyễn Dục	Xã Phú Ninh	2026-2030
27	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	Xã Duy Xuyên	2026-2030
28	Trường THPT Sào Nam	Xã Nam Phước	2026-2030
29	Trường THPT Trần Văn Dư	Xã Tây Hồ	2026-2030

STT	Danh mục	Địa điểm	Thời gian thực hiện
30	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	Xã Đông Giang	2026-2030
31	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	Xã Quế Sơn Trung	2026-2030
32	Trường THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Phường Bàn Thạch	2026-2030
33	Trường THPT Duy Tân	Phường Quảng Phú	2026-2030
34	Trường THPT Lương Thế Vinh	Phường Điện Bàn Đông	2026-2030
35	Trường THPT Quế Sơn	Xã Quế Sơn	2026-2030
36	Trường THPT Tây Giang	Xã Tây Giang	2026-2030
37	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Phường Hội An	2026-2030
38	Trường THPT Lý Tự Trọng	Xã Đồng Dương	2026-2030
39	Trường THPT Trần Phú	Phường Hải Châu	2026-2030
40	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Phường Hòa Khánh	2026-2030
41	Trường THPT Âu Cơ	Xã Sông Vàng	2026-2030
42	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	Phường Hội An Tây	2026-2030
43	Trường THPT Hùng Vương	Xã Thăng Điền	2026-2030
44	Trường THPT Khâm Đức	Xã Khâm Đức	2026-2030
45	Trường THPT Lê Quý Đôn	Phường Tam Kỳ	2026-2030
46	Trường THPT Tố Hữu	Xã Thạnh Mỹ	2026-2030
47	Trường THPT Nam Trà My	Xã Nam Trà My	2026-2030
48	Trường THPT Nguyễn Trãi	Phường Liên Chiểu	2026-2030
49	Trường THPT Phan Bội Châu	Phường Hương Trà	2026-2030
50	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	Xã Thăng Bình	2026-2030
51	Trường THPT Trần Cao Vân	Phường Tam Kỳ	2026-2030
52	Trường THPT Trần Quý Cáp	Phường Hội An	2026-2030
53	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Xã Chiên Đàn	2026-2030
54	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Phường An Thắng	2026-2030
55	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Xã Xuân Phú	2026-2030
56	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	Xã Đại Lộc	2026-2030
57	Trường THPT Bắc Trà My	Xã Trà My	2026-2030
58	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	Xã La Dêê	2026-2030
59	Trường THPT Liên Chiểu	Phường Hoà Khánh	2026-2027
60	Trường THPT Phan Thành Tài	Phường Hoà Xuân	2026-2027
61	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	Phường Cẩm Lệ	2026-2027
62	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	Phường Ngũ Hành Sơn	2026-2027
63	Trường THPT Ông Ích Khiêm	Xã Hòa Vang	2026-2027
64	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	Phường An Hải	2026-2027
65	Trường THPT Hoàng Diệu	Xã Điện Bàn Tây	2026-2027
66	Trường PTDTNT THCS và THPT Nước Oa	Xã Trà My	2026-2027
67	Trường THPT Duy Tân	Phường Quảng Phú	2026-2027

STT	Danh mục	Địa điểm	Thời gian thực hiện
68	Trường PTDTNT THCS và THPT Nam Trà My	Xã Nam Trà My	2026-2027
69	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	Phường Hội An	2026-2027
70	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	Phường Hội An Tây	2026-2027
71	Trường THPT chuyên biệt Tương Lai	Các phường: Hải Châu (cơ sở 1), Cẩm Lệ (cơ sở 2), An Hải (cơ sở 3)	2026-2027
72	Trường THPT Trần Phú - Việt An	Xã Việt An	2026-2027
73	Trường THPT Phước Lý	Phường An Khê	2026-2030
74	Trường THPT Hoàng Diệu	Xã Điện Bàn Tây	2026-2030
75	Trường THPT Hồ Nghinh	Xã Duy Nghĩa	2026-2030
76	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Xã Tiên Phước	2026-2030
77	Trường THPT Nguyễn Huệ	Xã Núi Thành	2026-2030
II	**CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		
1	Trường Cao đẳng Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	2026-2030
2	Trường Cao đẳng y tế Đà Nẵng	Phường Tam Kỳ	2026-2030
3	Trường Cao đẳng Quảng Nam	Phường Điện Bàn Đông	2026-2030
4	Cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp	Các xã, phường trên địa bàn thành phố	2026-2030
III	**CÁC CƠ SỞ KHÁC**		
1	Trường Chính trị Quảng Nam (cơ sở 2 của Trường Chính trị thành phố Đà Nẵng)	Phường Tam Kỳ	2026-2030
IV	**CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**		
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị xây dựng Đại học Đà Nẵng trở thành Đại học quốc gia, nằm trong top 200 đại học hàng đầu Châu Á	Phường Hải Châu	2026-2030
2	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị xây dựng Đại học Duy Tân nằm trong top 200 đại học hàng đầu Châu Á	Phường Hải Châu	2026-2030
3	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị xây dựng đại học thể dục - thể thao Đà Nẵng trở thành nơi đào tạo huấn luyện viên, vận động viên của vùng, cả nước	Phường Thanh Khê	2026-2030
B	**ĐẦU TƯ XÂY MỚI**		
I	**TRƯỜNG THPT**		
1	Trường THPT	Phường Sơn Trà	2026-2030
2	Trường THPT	Phường An Hải	2026-2030
3	Trường THPT	Phường Điện Bàn Đông	2026-2030
4	Trường THPT	Xã Hòa Vang	2026-2030
5	Trường THPT	Xã Duy Nghĩa	2026-2030

STT	Danh mục	Địa điểm	Thời gian thực hiện
6	Trường THPT	Xã Thăng Trường	2026-2030
7	Trường THPT	Xã Bà Nà	2026-2030
8	Trường liên cấp	Xã Bà Nà	2026-2030
10	Thu hút đầu tư xây dựng một số trường THPT tư thục có thương hiệu trên địa bàn thành phố	Các xã, phường trên địa bàn thành phố	2026-2030
II	**CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		
1	4 Trung tâm GDTX thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (nâng cấp, di dời, xây dựng mới)	Bố trí cho phù hợp về không gian sau sáp nhập gắn với các Khu kinh tế, Thương mại tự do, khu công nghiệp, đô thị dịch vụ trên địa bàn thành phố	2026-2030
2	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Xã Bà Nà	2026-2030
3	Viện nghiên cứu, đào tạo và phát triển nhân lực công nghệ bán dẫn và trí tuệ nhân tạo Đà Nẵng	Phường Điện Bàn Bắc	2026-2030
4	Thu hút đầu tư một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thương hiệu ở trong và ngoài nước đào tạo các ngành nghề về công nghệ (bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, logistics, du lịch…) thành lập mới; đặt phân hiệu trên địa bàn thành phố	Bố trí tại khu kinh tế, Thương mại tự do, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố	2026-2030
III	**CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**		
1	Trường Đại học Phan Châu Trinh (cơ sở 2)	Phường Hội An	2026-2030
2	Thu hút đầu tư xây dựng một số đại học, học viện có uy tín, thương hiệu quốc tế đào tạo về công nghệ, tự động hóa, lượng tử, bán dẫn… và khu đô thị nghiên cứu – đào tạo phía Nam	Các xã phường: Ngũ Hành Sơn, Tam Xuân, Tam Kỳ, Hương Trà, Quảng Phú, Bàn Thạch và khu vực lân cận	2026-2030
3	Xây dựng Khu đại học quốc gia Đà Nẵng (Khu đô thị đại học phía Bắc)	Các phường: Ngũ Hành Sơn, Điện Bàn Đông, Điện Bàn Bắc	2026-2030

Ghi chú: *Đối với trường học xây dựng mới: tên gọi, vị trí, quy mô sẽ được cụ thể hóa tại các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chuyên ngành và dự án đầu tư. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, đầu tư tiếp tục rà soát, cập nhật danh mục cho phù hợp với nhu cầu cũng như điều kiện thực tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực. Đối với diện tích đất xây dựng trường học: Đối với trường học xây mới, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất bảo đảm đủ tiêu chí diện tích đạt chuẩn quốc gia. Đối với trường học hiện hữu, cả tạo, nâng cấp, ưu tiên bố trí hoặc hoán đổi quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước được giao quản lý, trụ sở công dôi dư để bổ sung cho trường học; ưu tiên sử dụng đất ở, đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp không phải là công trình giáo dục và đào tạo, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp sang sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo, định hướng bảo đảm đủ tiêu chí diện tích đạt chuẩn quốc gia.*

PHỤ LỤC XX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Danh mục	Loại hình	Quy mô /Số lượng	Dự kiến địa điểm	Giai đoạn
1	Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng	Nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu - phát triển (R&D) công nghệ sinh học, y dược, nông nghiệp công nghệ cao	01 trung tâm	Phường An Khê	2026-2030
2	Trung tâm Nghiên cứ phát triển và chuyển giao công nghệ vùng	Nghiên cứu, đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp công nghiệp, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ	01 trung tâm	Khu công nghệ cao Đà Nẵng; khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng; Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng	2026-2030
3	Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia dùng chung hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ cho nghiên cứu công nghệ cốt lõi, công nghệ chiến lược	Nghiên cứu khoa học và công nghệ trình độ cao	03-04 phòng thí nghiệm	Khu công nghệ thông tin tập trung - khu công viên phần mềm (khu công viên phần mềm số 2); Đại học Đà Nẵng; Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng	2026-2030
4	Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng	Không gian làm việc chung, R&D, khởi nghiệp	01-02 cơ sở	Trung tâm thành phố; khu công nghệ cao; Trung tâm Công nghệ Sinh học Đà Nẵng	Đến 2030
5	Mạng lưới vườn ươm, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp	Ươm tạo, thương mại hóa công nghệ	Nhiều cơ sở	Khu công nghệ cao; các khu công nghiệp; khu đô thị đổi mới sáng tạo; Trung tâm Công nghệ Sinh học Đà Nẵng	Đến 2030
6	Trung tâm dữ liệu (Data Center)	Hạ tầng dữ liệu phục vụ đô thị thông minh, khoa học và công nghệ, thị trường khoa học và công nghệ	07 trung tâm	Khu công nghệ cao; các khu công nghiệp; khu công nghệ số tập trung	Đến 2030

thaont17-22/07/2026 15:49:0 - thaont17-thaont17-thaont17

STT	Danh mục	Loại hình	Quy mô /Số lượng	Dự kiến địa điểm	Giai đoạn
7	Trạm cáp quang biển cập bờ (thứ ba)	Kết nối quốc tế, bảo đảm hạ tầng số	01 trạm	Khu vực ven biển	2026-2030
8	Hệ thống hạ tầng dữ liệu khoa học và công nghệ	Số hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ	01 hệ thống	Trung tâm dữ liệu thành phố	Đến 2030
9	Các tổ chức trung gian thị trường khoa học và công nghệ	Kết nối cung - cầu công nghệ	03 tổ chức	Nội thành; khu công nghệ cao	Đến 2030
10	Thí điểm ứng dụng Blockchain	Thí điểm có kiểm soát trong giao dịch tài sản số	01 mô hình	Trung tâm tài chính quốc tế; Khu thương mại tự do; khu công nghệ số tập trung	2026-2030
11	Hạ tầng phục vụ thành phố AI, đô thị thông minh	Ứng dụng AI, dữ liệu lớn trong quản lý đô thị	01 hệ thống	Toàn thành phố Đà Nẵng	Đến 2030
12	Công viên khoa học Đà Nẵng	Không gian nghiên cứu, sản xuất, phát triển, thử nghiệm công nghệ mới, công nghệ chiến lược kết hợp giáo dục, giải trí, du lịch, trải nghiệm thực tế	01 trung tâm	Phường Quảng Phú	2026-2035
13	Khu làm việc và đào tạo khởi nghiệp	Tạo không gian tập trung hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	01	Phường Sơn Trà	Đến 2030
14	Đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho các đơn vị sự nghiệp công lập	Tiếp tục nâng cấp các cơ sở nghiên cứu công lập theo Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị	Các đơn vị sự nghiệp công lập khoa học và công nghệ	Thành phố Đà Nẵng	Đến 2030
15	Đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu, kho dữ liệu, sàn dữ liệu, các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số	Hạ tầng dữ liệu	Nhiều cơ sở dữ liệu	Thành phố Đà Nẵng	Đến 2030
16	Hoàn thiện dữ liệu lõi, dữ liệu quan trọng của thành phố theo danh mục được phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố	Hạ tầng dữ liệu	Nhiều cơ sở dữ liệu	Thành phố Đà Nẵng	Đến 2030

STT	Danh mục	Loại hình	Quy mô /Số lượng	Dự kiến địa điểm	Giai đoạn
17	Xây dựng nền tảng bản sao số thành phố đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển đô thị	Hạ tầng dữ liệu	Nhiều cơ sở dữ liệu	Thành phố Đà Nẵng	Đến 2030
18	Phát triển các nền tảng số, ứng dụng dùng chung đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số	Nền tảng số, ứng dụng dùng chung	Các nền tảng số, ứng dụng	Thành phố Đà Nẵng	Đến 2030
19	Quy hoạch vùng bay thử nghiệm cho thiết bị bay không người lái	Khu vực thử nghiệm	01-02 khu vực	Thành phố Đà Nẵng	Đến 2030
20	Viện nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ bán dẫn và trí tuệ nhân tạo Đà Nẵng	Nghiên cứu phát triển, thử nghiệm sản xuất, đào tạo lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo	01	Phường Điện Bàn Bắc	2026-2030

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XXI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên cơ sở	Địa điểm	Thời gian thực hiện
I	**Xây dựng, thành lập mới**		
1	Bệnh viện Y học nhiệt đới	Phía Nam thành phố	2026-2030
2	Bệnh viện Lão khoa	Thành phố Đà Nẵng	2026-2030
3	Bệnh viện Đà Nẵng (cơ sở 2)	Phường Ngũ Hành Sơn	2026-2030
4	Bệnh viện Bắc Hòa Vang	Phường Hòa Khánh	2026-2030
5	Bệnh viện đa khoa mới/chuyên khoa Nội tiết	Phường Hội An Tây	2026-2030
6	Bệnh viện đa khoa mới/chuyên khoa Tai mũi họng/chuyên khoa Tim mạch	Phường Điện Bàn	2026-2030
7	Các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa chất lượng cao/trung tâm chẩn đoán và điều trị khoa quốc tế	Các xã, phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2026-2030
8	Các cơ sở y tế chăm sóc sức khỏe kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng	Các khu du lịch, tổ hợp thương mại dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố, các xã, phường	2026-2030
9	Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm	Các xã, phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2026-2030
10	Bệnh viện/Trung tâm Bệnh nghề nghiệp, Trung tâm sức khỏe lao động và môi trường	Các xã, phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2026-2030
11	Trung tâm Công nghiệp Dược, Dược liệu	Phía Nam TP Đà Nẵng	2026-20230
II	**Đầu tư, nâng cấp, mở rộng**		
1	Bệnh viện Đà Nẵng (bệnh viện hạng đặc biệt, xây mới Trung tâm chẩn đoán, điều trị kỹ thuật cao Bệnh viện Đà Nẵng)	Phường Hải Châu	2026-2030
2	Bệnh viện đa khoa Quảng Nam	Phường Tam Kỳ	2026-2030
3	Bệnh viện Hữu nghị Việt - Hàn Đà Nẵng	Xã Núi Thành	2026-2030
4	Bệnh viện Phụ sản Nhi Đà Nẵng (bệnh viện cấp vùng, xây mới khối điều trị quy mô 1.000 giường bệnh)	Phường Ngũ Hành Sơn	2026-2030
5	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam	Phường Tam Kỳ	2026-2030
6	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng (bệnh viện cấp vùng)	Phường Hòa Khánh	2026-2030

STT	Tên cơ sở	Địa điểm	Thời gian thực hiện
7	Bệnh viện Tâm thần thành phố Đà Nẵng	Phường Liên Chiểu	2026-2030
8	Bệnh viện Tâm thần Quảng Nam	Phường Quảng Phú	2026-2030
9	Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng	Phường Thanh Khê	2026-2030
10	Bệnh viện Da liễu Quảng Nam	Phường Tam Kỳ	2026-2030
11	Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng	Phường Hòa Xuân	2026-2030
12	Bệnh viện Y học cổ truyền Quảng Nam	Phường Tam Kỳ	2026-2030
13	Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	2026-2030
14	Bệnh viện Mắt Quảng Nam	Phường Quảng Phú	2026-2030
15	Bệnh viện Phục hồi chức năng thành phố Đà Nẵng	Phường Hòa Xuân	2026-2030
16	Bệnh viện Phổi Đà Nẵng	Phường An Khê	2026-2030
17	Bệnh viện Răng Hàm Mặt thành phố Đà Nẵng	Phường Thanh Khê	2026-2030
18	Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu	Phường Hòa Khánh	2026-2030
19	Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam	Phường Điện Bàn	2026-2030
20	Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam	Xã Đại Lộc	2026-2030
21	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch Quảng Nam	Phường Quảng Phú	2026-2030
22	Cải tạo, nâng cấp các trung tâm y tế khu vực trên địa bàn	Các phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2026-2030
23	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng: (i) các trung tâm: Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng, Cấp cứu thành phố Đà Nẵng, Giám định y khoa thành phố Đà Nẵng, Pháp y thành phố Đà Nẵng, Kiểm nghiệm thành phố Đà Nẵng; (ii) Chi cục: An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng; Dân số thành phố Đà Nẵng	Các phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2026-2030
24	Sở Y tế	Phường Hòa Khánh	2026-2030
III	**Cấp xã/Phường**		
1	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng mới cơ sở vật chất, trang thiết bị trạm y tế xã, phường và các điểm trạm đảm bảo tiêu chí về trạm y tế cấp xã, phường mới theo quy định.	Các xã, phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2026-2030

PHỤ LỤC XXII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện
I	**CƠ SỞ VĂN HÓA**		
1	Tổ hợp trung tâm nghệ thuật biểu diễn cấp quốc gia	Phường Hòa Xuân	2027-2030 và sau năm 2030
2	Trung tâm Văn hóa điện ảnh và Hội nghị thành phố	Các phường: Hòa Cường, Cẩm Lệ	2026 -2030 và sau năm 2030
3	Nhà hát lớn thành phố	Phường Ngũ Hành Sơn	2026 – 2030 và sau năm 2030
4	Nhà hát nghệ thuật truyền thống, Nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống	Các phường: Ngũ Hành Sơn, Hội An	2026 - 2030
5	Trường quay Đà Nẵng và trung tâm hậu kỳ điện ảnh	Phường Hải Vân	2030
6	Đầu tư đồng bộ các trung tâm văn hóa, thể thao đạt chuẩn theo quy định tại các xã phường	Toàn thành phố	2026 - 2050
7	Các bảo tàng chuyên ngành (Bảo tàng điêu khắc Chăm cơ sở 2, Bảo tàng Mỹ thuật cơ sở 2, Bảo tàng Đà Nẵng cơ sở 2, Bảo tàng tranh "Trận chiến 1858-1860" tại Đà Nẵng, Bảo tàng biển Việt Nam, Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh - Chăm Pa, Bảo tàng Hội An, Bảo tàng Mỹ sơn, Bảo tàng văn hóa xứ Quảng và danh nhân văn hóa)	Các xã, phường: Cẩm Lệ, Thanh Khê, Hòa Khánh, Sơn Trà, Duy Xuyên, Hội An Tây, Thu Bồn, khu vực phía Nam, phía Tây thành phố Đà Nẵng	2026-2030 và 2030-2050
8	Thư viện Khoa học Tổng hợp cấp vùng	Phường Hải Châu	2023-2030
9	Dự án quần thể văn hoá Hùng Vương	Phường Hải Vân	2023-2030
10	Cung văn hóa thiếu nhi phía Nam	Phường Tam Kỳ	2026 - 2030
11	Khu/tổ hợp/trung tâm công nghiệp văn hóa hoặc trung tâm văn hóa sáng tạo (chuyển đổi, tái thiết từ cơ sở, cụm, khu công nghiệp, trụ sở cơ quan nhà nước cũ/dôi dư)	Các phường: Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây; các phường thuộc đô thị trung tâm Đà Nẵng	2026-2050
12	Trung tâm chiếu phim quốc gia	Phường Hòa Xuân	2026 - 2030 và sau 2030
13	Hạ tầng, cảnh quan khuôn viên Tượng đài Trường Sơn (giai đoạn 2)	Xã Thạnh Mỹ	2026-2030

STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện
14	Bảo tồn, phát huy các làng cổ, làng nghề truyền thống, văn hóa dân gian	Thành phố Đà Nẵng	2026 - 2030 và sau 2030
15	Dự án cụm dịch vụ cộng đồng làng nghề Hội An	Đô thị Hội An	2026 - 2030 và sau 2030
16	Bảo quản, tu bổ, phục hồi hệ thống di tích	Thành phố Đà Nẵng	2026 - 2030 và sau 2030
II	**KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ, QUẢNG TRƯỜNG, CÔNG VIÊN**		
1	Quảng trường Trung tâm	Phường Hải Châu	2023-2030
2	Công viên tại khu đất Đài phát sóng An Hải	Phường Sơn Trà	2023-2030
3	Công viên Văn hóa lịch sử Ngũ Hành Sơn	Phường Ngũ Hành Sơn	2023-2030
4	Khu phức hợp Công viên văn hoá đa chức năng và thể dục thể thao trước Quần thể Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh Hùng	Phường Quảng Phú	2026-2030
5	Tổ hợp/khu phức hợp Công viên lễ hội sự kiện quốc tế quy mô lớn kết hợp đa chức năng	Xã Thăng An/Thăng Trường	2030-2050
6	Khu công viên bách thảo bách thú hồ Đồng Xanh, Đồng Nghệ	Xã Hòa Tiến	2026-2030 và sau năm 2030
7	Các công viên văn hóa chuyên đề kết hợp bảo tàng văn hóa đồng bào thiểu số và tiện ích dịch vụ	Các xã: Bến Giằng, Đắc Pring, Phước Hiệp, Sông Kôn, Sông Vàng và các xã phía Tây đảm bảo điều kiện	2026-2030 và sau năm 2030
8	Khu tổ hợp công trình phục vụ lễ hội pháo hoa Quốc tế	Phường Ngũ Hành Sơn	2026-2030
III	**CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO**		
1	Trung tâm huấn luyện, đào tạo Taekwondo và huấn luyện Đấu kiếm quốc tế tại Đà Nẵng	Phường Hòa Xuân	2030-2050
2	Khu liên hợp thể thao Hòa Xuân và các hạng mục tiện ích	Phường Hòa Xuân	2023-2030
3	Mạng lưới các cơ sở bệnh viện, trung tâm dịch vụ khám bệnh, chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng cho vận động viên thể dục, thể thao	Phường Điện Bàn Đông	2030-2050
4	Tổ hợp thể thao đạt chuẩn Olympic (gồm sân vận động đạt chuẩn quốc tế, nhà thi đấu, bể bơi, trung tâm huấn luyện và các tiện ích hỗ trợ, kết hợp thương mại dịch vụ)	Các xã: Thăng An, Thăng Trường và các xã, phường ven biển đảm bảo điều kiện	2030-2050

STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện
5	Sân vận động, nhà ở vận động viên, Trung tâm đào tạo và huấn luyện vận động viên thể dục, thể thao cơ sở phía Nam	Phường Hương Trà	2030-2050
6	Trường đua ngựa (dự án Câu lạc bộ cưỡi ngựa Việt Nam)	Phường Hải Vân	2023-2030
7	Trung tâm thể thao chất lượng cao	Các phường: Hải Vân, Liên Chiểu	2026-2030
8	Khu liên hợp thể thao bãi biển	Phường Quảng Phú	2026-2030
9	Tổ hợp thể thao và giải trí quốc tế	Xã Thăng An	2026-2030
10	Các sân gôn kết hợp dịch vụ du lịch	Các xã, phường: Nông Sơn, Hà Nha, Tam Xuân, Thăng Phú, Đồng Dương, Thăng An, Hòa Vang, Hòa Liên, Bà Nà, Bàn Thạch, Duy Nghĩa, Điện Bàn Đông và các địa phương đáp ứng điều kiện	2026 - 2030 và 2030 - 2050

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XXIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. DANH MỤC CHỢ

STT	Tên chợ	Địa điểm dự kiến	Diện tích quy hoạch dự kiến (ha)	
			Đến 2030	Sau 2030
1	Chợ đầu mối Nông sản miền Trung- Tây Nguyên	Xã Thăng Bình		100
2	Chợ đầu mối Hòa Phước	Phường Hoà Xuân	30,90	
3	Chợ Sơn Trà (Chợ Thọ Quang cũ)	Phường Sơn Trà	1,64	
4	Chợ Quảng Phú	Phường Quảng Phú	3,88	
5	Chợ Hoà Cường Nam	Phường Hoà Cường	2,03	Sau khi di dời chợ đầu mối Hòa Cường đến chợ đầu mối Hòa Phước
6	Chợ kinh doanh sinh vật cảnh và hoa tươi			
7	Nghiên cứu, đánh giá cụ thể vị trí thuận lợi để hình thành Chợ đầu mối tổng hợp quốc tế có quy mô lớn phù hợp với định hướng phát triển của thành phố.			
8	Nghiên cứu, đánh giá cụ thể vị trí thuận lợi để hình thành chợ đầu mối thuỷ sản/chợ thuỷ sản phù hợp với định hướng phát triển của thành phố.			

Ghi chú: *Số lượng, tên, vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới của các chợ sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...) và lập dự án đầu tư.*

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

II. TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Quy hoạch (ha)	
			Đến 2030	Sau 2030
1	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế Đà Nẵng	Xã Thăng Trường		100
2	Trung tâm thương mại - dịch vụ/sự kiện/hội nghị	Xã Hoà Vang	04	
3	Trung tâm thương mại, dịch vụ	Xã Núi Thành	2	
4	Trung tâm thương mại Hoà Tiến	Xã Hoà Tiến	5,6	
5	Trung tâm thương mại tổng hợp Tân Bình	Xã Hiệp Đức	0,4	
6	Trung tâm thương mại Trường Đồng	Phường Bàn Thạch	1,92	
7	Trung tâm thương mại, dịch vụ	Phường Hội An	2,16	
8	Trung tâm thương mại, dịch vụ	Xã Bà Nà	2	
9	Trung tâm thương mại Hòa Xuân	Phường Hoà Xuân	10,2	
10	Khu phức hợp trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí và chung cư cao cấp phường An Hải	Phường An Hải	6,17	
11	Định hướng phát triển mới và bố trí quỹ đất để hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ, siêu thị tại các xã, phường và khu vực đặc thù, bảo đảm phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và chức năng theo quy hoạch; bảo đảm tính khả thi nguồn lực thực hiện			

Ghi chú: *Số lượng, tên, vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới của các trung tâm hội chợ triển lãm; trung tâm thương mại, dịch vụ sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...) và lập dự án đầu tư.*

III. HẠ TẦNG LOGISTICS (NẰM NGOÀI KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO)

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích Quy hoạch dự kiến (ha)	
			Đến 2030	Sau 2030
1	Trung tâm logistics Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng	Phường Hoà Cường	5	10
2	Trung tâm logistics quốc gia Chu Lai gắn với Cảng biển - Hàng không - Đường sắt	Xã Núi Thành	200	500
3	Trung tâm logistics Chalval – Nam Giang (Tiểu khu 2)	Xã Nam Giang	28,43	28,43
4	Trung tâm logistics cửa khẩu (Tiểu khu I)	Xã La Dêê		8
5	Trung tâm logistics Hòa Nhơn (ICD)	Xã Bà Nà	40	75
6	Trung tâm logistics xã Bà Nà	Xã Bà Nà	30	30
7	Trung tâm logistics Ga Kim Liên	Phường Hải Vân	6	10
8	Trung tâm logistics Khu CNC Đà Nẵng	Phường Liên Chiểu	5	20
9	Trung tâm logistics xã Hoà Vang	Xã Hoà Vang	50	50
10	Trung tâm logistics xã Hoà Tiến	Xã Hoà Tiến	5	5
11	Trung tâm logistics KCN Tam Thăng - Tam Kỳ	Phường Bàn Thạch	14	14
12	Trung tâm logistics Thăng Bình gắn với Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế	Các xã: Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường	20	50
13	Trung tâm logistics Quảng Phú	Phường Quảng Phú	10	10
14	Trung tâm logistics hỗ trợ chợ đầu mối và ngành bán buôn gắn với chợ đầu mối Hòa Phước	Phường Hoà Xuân	70	70
15	Định hướng phát triển mới các trung tâm, khu logistics trên địa bàn các xã, phường, đặc khu phù hợp các loại quy hoạch, hạ tầng giao thông kết nối và liên kết vùng, bảo đảm hiệu quả khai thác và phát triển bền vững.			

Ghi chú: *Số lượng, tên, vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới của các trung tâm logistics sẽ được cụ thể hóa, xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn (trên cơ sở phân tích, đánh giá chi tiết các điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành...) và lập dự án đầu tư.*

thaont17-22/07/2026 13:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XXIV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG AN SINH XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn 2026- 2030	Giai đoạn đến năm 2050
I	**Đầu tư nâng cấp, mở rộng**			
1	Trung tâm Công tác xã hội Đà Nẵng	Phường Hải Châu	x	x
2	Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Đà Nẵng	Phường Hòa Khánh	x	x
3	Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Quảng Nam	Phường Hương Trà	x	x
4	Trung tâm Bảo trợ xã hội Đà Nẵng	Phường Hòa Khánh	x	x
5	Trung tâm Bảo trợ xã hội Quảng Nam	Phường Hội An	x	x
6	Làng Hòa Bình Quảng Nam	Xã Chiên Đàn	x	x
7	Làng trẻ em SOS Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	x	x
II	**Đầu tư xây dựng mới**			
1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người người cao tuổi (02 cơ sở)	Xã, phường trên địa bàn thành phố	x	x
2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	Xã, phường trên địa bàn thành phố		x
3	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần	Xã, phường trên địa bàn thành phố		x

Ghi chú: địa điểm, phạm vi ranh giới, quy mô diện tích của các cơ sở trợ giúp xã hội xác định cụ thể theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn hoặc khi lập các thủ tục đầu tư.

thaont17-20/7/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XXV
ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất *	Mã	Diện tích năm 2024	Diện tích định hướng đến năm 2030	So sánh
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)-(4)*
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**1.016.581,89**	**961.207,26**	**-55.374,63**
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	58.990,38	50.978,71	-8.011,68
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	59.257,23	46.145,93	-13.111,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	85.385,70	85.583,31	197,62
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	173.956,55	178.138,15	4.181,60
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	326.324,17	311.094,68	-15.229,49
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	308.170,92	284.508,32	-23.662,60
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	*60.899,69*	*64.148,04*	*3.248,35*
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.823,35	2.281,46	-1.541,89
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	99,55	809,43	709,88
1.9	Đất làm muối	LMU	3,19	3,19	0,00
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	570,85	1.664,08	1.093,24
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**154.972,47**	**223.865,90**	**68.893,44**
	Trong đó:				
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	18.111,02	22.269,32	4.158,30
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	10.023,82	14.892,93	4.869,11
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	400,71	1.602,37	1.201,66
2.4	Đất quốc phòng	CQP	6.873,87	7.784,00	910,13
2.5	Đất an ninh	CAN	2.169,12	3.302,00	1.132,88
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	3.339,45	6.582,36	3.242,90
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	363,70	819,19	455,49
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	29,08	36,56	7,48
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	213,14	482,60	269,47
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1.467,48	2.220,66	753,18

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất *	Mã	Diện tích năm 2024	Diện tích định hướng đến năm 2030	So sánh
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)-(4)*
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1.034,54	2.448,92	1.414,38
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	87,35	420,08	332,73
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0,00	10,00	10,00
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	2,32	2,53	0,21
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,67	0,67	0,00
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	141,18	141,15	-0,03
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	11.695,54	42.289,88	30.594,34
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	3.597,27	13.821,72	10.224,45
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	871,58	4.620,78	3.749,20
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0,00	260,88	260,88
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3.426,61	9.837,22	6.410,61
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1.991,57	4.883,72	2.892,16
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.808,52	8.865,56	7.057,04
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	37.243,19	63.558,75	26.315,57
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	21.407,29	32.768,04	11.360,75
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	6.178,26	7.766,36	1.588,10
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	23,56	333,51	309,96
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	25,94	386,20	360,26
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	448,20	785,05	336,85
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	196,44	945,15	748,72
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	7.730,72	14.893,78	7.163,06
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	41,98	269,44	227,46
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	114,51	541,83	427,32
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1.076,32	4.869,40	3.793,09
2.9	Đất tôn giáo	TON	216,45	340,37	123,92
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	342,79	437,11	94,33
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	7.731,75	9.127,10	1.395,35
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	26.258,42	21.137,72	-5.120,70

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất *	Mã	Diện tích năm 2024	Diện tích định hướng đến năm 2030	So sánh
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)-(4)*
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	4.657,51	4.251,80	-405,71
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	21.600,91	16.885,92	-4.714,99
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	30.566,34	30.541,99	-24,35
3	**Nhóm đất chưa sử dụng**	**CSD**	**15.479,75**	**3.811,24**	**-11.668,50**
4	**Đất sử dụng cho khu công nghệ cao****		**1.128,40**	**1.710,00**	**581,60**

Ghi chú:

*- * Chỉ tiêu sử dụng đất được xác định theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.*

*** Đất sử dụng cho công nghệ cao không cộng tổng vào diện tích tự nhiên.*

- Tên, vị trí, quy mô diện tích và ranh giới các dự án sẽ được xác định chính xác khi lập quy hoạch cấp dưới (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết...) hoặc khi lập dự án đầu tư.

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XXVI

CÁC DỰ ÁN KINH TẾ BIỂN, SỬ DỤNG KHÔNG GIAN BIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	**Điều chỉnh không gian phát triển**		
1	Dự án phát triển đô thị gắn với mở rộng không gian phát triển ra biển	Vịnh Đà Nẵng, vịnh An Hòa và một số khu vực tiềm năng	Đến năm 2030
2	Điều chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển thành phố	Toàn bộ địa bàn thành phố	2025-2026
3	Nghiên cứu, đánh giá tính hiệu quả, chi phí lợi ích về kinh tế, xã hội, môi trường và đề xuất phương án xử lý chồng lấn giữa các hoạt động sử dụng không gian biển	Vùng biển ven bờ thành phố, trọng tâm là khu vực bán đảo Sơn Trà	2026-2027
II	**Du lịch, dịch vụ**		
1	Dự án phát triển du lịch trên các đảo (14 đảo với tổng diện tích khoảng 3.258 ha)	Các đảo trên địa bàn thành phố	2025-2030
2	Phát triển các tuyến du lịch biển kết nối giữa đất liền với các đảo, kết nối giữa thành phố Đà Nẵng với các địa phương trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Vùng không gian biển được phân cấp cho thành phố quản lý	2026-2030
3	Lập phương án và bố trí không gian cho hoạt động vui chơi, giải trí trên biển	Các khu vực biển có điều kiện phù hợp	2026-2030
III	**Hàng hải**		
1	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cảng biển, luồng hàng hải, khu bến, kết cấu hạ tầng cảng biển khác theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 ngcủa Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Theo quy hoạch	Thường xuyên
2	Xây dựng trung tâm logistic hạng I tại khu vực cảng Liên Chiểu, Đà Nẵng	Cảng Liên Chiểu	2026-2030
3	Đánh giá và lựa chọn các vị trí đổ trên bờ và nhận chìm ở biển đối với chất nạo vét trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Vùng bờ phía nam thành phố	2026-2027
IV	**Thủy sản**		
1	Nghiên cứu đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, chuyển đổi công năng các cảng cá và khu neo đậu	Cảng cá: Thọ Quang, Tam Quang, Hồng Triều và các cảng cá, khu neo đậu khác	2026-2030

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
2	Nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao	Các xã: Tam Xuân, Tam Anh và một số khu vực khác	2027-2030
3	Phát triển hệ thống sản xuất giống thủy sản chất lượng cao	Khu vực phía nam thành phố, gồm các xã, phường: Phú Ninh, Núi Thành, Thăng Trường, Hương Trà,…	2027-2030
4	Đầu tư phát triển dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản, chợ đầu mối, chợ đấu giá thủy sản, các cơ sở chế biến, kho lạnh	Trên địa bàn thành phố	Thường xuyên
V	**Bảo tồn**		
1	Đầu tư hạ tầng thiết yếu trong các khu bảo tồn biển	Theo Quyết định cấp có thẩm quyền	2028-2030
2	Thiết lập khu vực cấm đánh bắt có thời hạn, khu bảo vệ nguồn lợi, khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản	Theo Quyết định cấp có thẩm quyền	2026-2030
3	Nuôi cấy nhân tạo rạn san hô	Hòn Sơn Trà Con, Sơn Trà, Cù Lao Chàm và một số khu vực có tiềm năng	2027-2030
4	Xây dựng bản đồ đa dạng sinh học vùng biển ven bờ thành phố tỉ lệ 1:500.000	Trong vùng biển 06 hải lý	2026-2030
5	Nghiên cứu thiết lập hành lang đa dạng sinh học	Nối liền các khu bảo tồn biển và các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	2027-2030

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XXVII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên dự án, đề án	Địa điểm dự kiến
1	Dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn và ven biển	Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn tại các xã: Hùng Sơn, Tây Giang, A Vương, La Dê, La Êê, Nam Giang, Bến Giằng, Đắc Pring, Phước Năng, Phước Chánh, Khâm Đức, Phước Thành, Trà Đốc, Trà Giáp, Trà Vân, Nam Trà My. Trồng rừng phòng hộ ven biển tại các xã: Duy Nghĩa, Thăng An, Thăng Trường, Tam Xuân, Tam Anh, Núi Thành và phường Quảng Phú, Hội An, Hội An Đông.
2	Dự án trồng rừng gỗ lớn	Tại các xã: Tam Mỹ, Đức Phú, Phú Ninh, Thạnh Bình, Tiên Phước, Sơn Cẩm Hà, Lãnh Ngọc, Phước Trà, Việt An, Quế Phước, Hiệp Đức, Quế Sơn, Nông Sơn, Quế Sơn Trung, Hòa Vang, Bà Nà, Đại Lộc, Hà Nha, Phú Thuận, Thượng Đức, Sông Kôn, Sông Vàng, Bến Hiên, Đông Giang
3	Dự án Cắm mốc ranh giới 3 loại rừng	81 xã có đất quy hoạch lâm nghiệp
4	Dự án sinh kế dưới tán rừng, các mô hình trồng cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ	Tại các xã: Hải Vân, Bà Nà, Hòa Vang, Hòa Tiến, Đông Giang, Đăk Pring, Đại Lộc, Đồng Dương, Đức Phú, A Vương, Bến Giằng, Bến Hiên, Chiên Đàn, Duy Xuyên, Hà Nha, Hùng Sơn, Hiệp Đức, Khâm Đức, Lãnh Ngọc, La Dêê, La ÊÊ, Nông Sơn, Nam Giang, Nam Trà My, Phước Chánh, Phước Hiệp, Phước Năng, Phước Thành, Phước Trà, Phú Ninh, Phú Nhuận, Quế Phước, Quế Sơn, Quế Sơn Trung, Sông Kôn, Sông Vàng, Sơn Cẩm Hà, Tây Giang, Tây Hồ, Tam Anh, Tam Mỹ, Thăng Phú, Thạnh Bình, Thạnh Mỹ, Thượng Đức, Thu Bồn, Trà Đốc, Trà Giáp, Trà Leng, Trà Liên, Trà Linh, Trà My, Trà Tân, Trà Tập, Trà Vân

thaont17-22/07/2026 15:49:03 thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên dự án, đề án	Địa điểm dự kiến
5	Dự án trồng và sản xuất, chế biến sâm Ngọc Linh	Tại các xã: Nam Trà My, Trà Linh, Trà Tập, Trà Leng, Trà Vân, Trà Đốc, Đức Phú và Phước Thành
6	Dự án/Đề án điều tra, đánh giá, phân dạng lập địa đất lâm nghiệp	81 xã có đất quy hoạch lâm nghiệp
7	Dự án nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để xây dựng mô hình rừng trồng sản xuất trên các dạng lập địa chính	81 xã có đất quy hoạch lâm nghiệp
8	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác phát triển rừng, quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng	81 xã có đất quy hoạch lâm nghiệp
9	Dự án phát triển các loại cây vùng ven biển thành phố Đà Nẵng thích ứng với biến đổi khí hậu	Tại các xã: Duy Nghĩa, Thăng An, Thăng Trường, Tam Xuân, Tam Anh, Núi Thành và các phường: Quảng Phú, Hội An, Hội An Đông
10	Dự án hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các Hạt Kiểm lâm và các trạm bảo vệ rừng	Tại các Hạt Kiểm lâm và các Trạm bảo vệ rừng trên địa bàn thành phố
11	Dự án xây dựng cơ chế tín chỉ các bon rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	81 xã có đất quy hoạch lâm nghiệp
12	Dự án Nâng cao năng lực quản lý rừng, phòng cháy chữa cháy	81 xã có đất quy hoạch lâm nghiệp
13	Dự án xây dựng chính sách và phát triển rừng dành cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	81 xã có đất quy hoạch lâm nghiệp

thaont17-22/07/2026 15:49 thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XXVIII
PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Loại khoáng sản	Số điểm mỏ	
		Giai đoạn 2026-2030	Tầm nhìn 2050
I	**Nhóm I**		
1	Sắt	5	3
2	Vàng	67	70
3	Thiếc - Wolfram		4
4	Than đá	1	3
5	Serpentin	2	2
II	**Nhóm II**		
1	Đá vôi xi măng	1	2
2	Đá vôi làm đá vôi	1	2
3	Sét xi măng	2	2
4	Đá ốp lát/mỹ nghệ	4	3
5	Kaolin	7	13
6	Felspat	10	7
7	Cát trắng	1	9
III	**Nhóm III**		
1	Đá xây dựng	148	70
2	Cát sỏi	186	56
3	Sét	102	26
4	Nước khoáng, nước nóng	9	15
IV	**Nhóm IV**		
1	Đất san lấp	240	99

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XXIX
DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM QUY MÔ LỚN, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. Các dự án đầu tư từ nguồn đầu tư công

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	**Hạ tầng giao thông**	
1	Đầu tư nâng cấp, cải tạo các Quốc lộ 14D	Các xã: Bến Giằng, Nam Giang, La Dêê,
2	Đầu tư nâng cấp, cải tạo các Quốc lộ Đông- Tây (14B, 14G, 40B)	Các xã: Bến Giằng, Nam Giang, La Dêê, Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Trà My, Trà Tân, Nam Trà My, Trà Linh
3	Nâng cấp, mở rộng đường tránh Nam Hải Vân (đoạn từ nút giao Hòa Liên đến nút giao đường ven biển nối Cảng Liên Chiểu)	Các phường: Hải Vân, Liên Chiểu
4	Cụm nút giao thông Lê Thanh Nghị - Cách Mạng Tháng Tám - Thăng Long - đường dẫn lên cầu Hòa Xuân	Các phường: Hòa Cường, Hòa Xuân
5	Tuyến đường ven sông Cu Đê nối cảng Liên Chiểu đến nút giao lên đường cao tốc Bắc - Nam	Các phường: Liên Chiểu, Hải Vân
6	Tuyến đường đô thị tốc độ cao phía Đông thành phố (kết nối Trung tâm thành phố Đà Nẵng - Nam Hội An - Chu Lai)	Các xã, phường: Ngũ Hành Sơn, Điện Bàn Đông, Hội An Tây, Hội An Đông, Duy Nghĩa, Thăng An, Thăng Trường, Bàn Thạch, Quảng Phú, Tam Xuân
7	Mở rộng cải tạo, cảnh quan đường Võ Nguyên Giáp - Trường Sa - Lạc Long Quân	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.606 đoạn nối từ đường Hồ Chí Minh đến cửa khẩu phụ Tây Giang	Các xã: Avương, Tây Giang, Hùng

thaont17-22/12/2026 17:09:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
		Sơn
9	Đầu tư xây dựng Bến Cảng Liên Chiểu - Phần cơ sở hạ tầng dùng chung còn lại	Phường Hải Vân
10	Tuyến đường kết nối vị trí số 4 đến vị trí số 6 Khu thương mại tự do thành phố Đà Nẵng	Các xã: Bà Nà, Hòa Vang
11	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14H đoạn qua xã Quế Phước	Xã Quế Phước
12	Nâng cấp, cải tạo cảnh quan đường ven biển Nguyễn Tất Thành	Các phường: Hải Vân, Liên Chiểu, Hòa Khánh, Thanh Khê, Hải Châu
13	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14H đoạn qua xã Thu Bồn	Xã Thu Bồn
14	Tuyến đường kết nối đường vành đai phía Tây đến cao tốc La Sơn - Túy Loan (phía sau Khu công nghệ cao)	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
15	Đường nối từ cảng Kỳ Hà đi cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Các xã: Núi Thành, Tam Mỹ
16	Đường Vành đai 1 (đường Vành đai Tây 1)	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
17	Đường giao thông kết nối vùng sản xuất nguyên liệu khu vực Tây Nam thành phố	Các xã: Tiên Phước, Sơn Cẩm Hà, Việt An
18	Hoàn thiện đường ven biển 129 đoạn sân bay Chu Lai đi Quảng Ngãi	Xã Núi Thành
19	Đường hành lang biển phát triển hạ tầng du lịch (đoạn từ Tam Hải đến Duy Nghĩa)	Các xã: Duy Nghĩa, Thăng An, Thăng Trường, Quảng Phú, Tam Xuân, Tam Anh, Tam Hải
20	Mở rộng tuyến đường tuyến đường Bà Nà - Suối Mơ kết nối đường Nguyễn Sinh Sắc	Các xã: Bà Nà, Hòa Khánh
21	Mở rộng tuyến đường Hoàng Sa - Bãi Bắc	Phường Sơn Trà
22	Đường nối cảng Liên Chiểu đến đường cao tốc Bắc - Nam	Phường Hải Vân
23	Đầu tư cầu qua sông Trường Giang nối xã Núi Thành với xã Tam Hải	Các xã: Núi Thành, Tam Hải
24	Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các đập dâng thuộc hệ thống thủy lợi An Trạch	Xã Hoà Tiến
II	**Hạ tầng thủy lợi, cấp nước, phòng chống thiên tai**	

thaont17-22/07/2026 15:49:03 thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
1	Đầu tư xây dựng hồ chứa nước sông Bắc	Phường Hải Vân
2	Đầu tư xây dựng công trình điều tiết nguồn nước và chỉnh trị sông Quảng Huế	Xã Vu Gia
3	Đầu tư xây dựng đập ngăn mặn trên sông Thu Bồn	Các xã, phường: Điện Bàn, Nam Phước
4	Đầu tư xây dựng đập ngăn mặn trên sông Vĩnh Điện	Phường Điện Bàn Đông
5	Kè chống xói lở bờ biển tại phường Hội An Tây và phường Hội An Đông	Các phường: Hội An Tây, Hội An Đông
6	Chống xói lở khẩn cấp và bảo vệ bờ biển xã đảo Tam Hải	Xã Tam Hải
7	Khu sắp xếp, bố trí dân cư, tái định cư, khu dãn dân vùng thiên tai	Trên địa bàn thành phố
III	**Giáo dục và Đào tạo**	
1	Đầu tư, xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất các trường phổ thông nội trú, bán trú tại các xã biên giới đất liền	Các xã: Avương, Tây Giang, Hùng Sơn, Đắc Pring, La Dêê, La ÊÊ
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng trường lớp và đầu tư trang thiết bị dạy và học cho trường mầm non và phổ thông công lập 2026-2030	Trên địa bàn thành phố
IV	**Khoa học, công nghệ**	
1	Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng	Phường An Hải
V	**Y tế**	
1	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam. Hạng mục: Xây mới khối điều trị 08 tầng và khối khám bệnh + điều trị 06 tầng	Phường Tam Kỳ
2	Trung tâm chẩn đoán, điều trị kỹ thuật cao Bệnh viện Đà Nẵng	Phường Hải Châu
3	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng. Hạng mục: Xây mới khối điều trị quy mô 1.000 giường bệnh	Phường Ngũ Hành Sơn
VI	**văn hóa, thể thao, du lịch**	
1	Công viên văn hóa lịch sử Ngũ Hành Sơn	Phường Ngũ Hành Sơn
2	Trung tâm Văn hóa điện ảnh và Hội nghị thành phố	Các phường: Hòa Cường, Cẩm Lệ
3	Khu phức hợp Công viên văn hoá đa chức năng và thể dục thể thao trước Quần thể Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh Hùng (địa bàn Quảng Nam trước sáp nhập)	Phường Quảng Phú
4	Hạ tầng, cảnh quan khuôn viên Tượng đài Trường Sơn (giai đoạn 2)	Xã Thạnh Mỹ

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
5	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Phật viện Đồng Dương	Xã Đồng Dương
VII	**Khai thác quỹ đất và giải phóng mặt bằng**	
1	Các khu tái định cư phục vụ GPMB đường sắt cao tốc Bắc - Nam (các Khu TĐC tại các xã Điện Hòa và Điện Tiến (cũ) phục vụ việc bố trí TĐC đối với dự án Đường vành đai phía Bắc và dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, ...)	Trên địa bàn thành phố
2	Khu Tái định cư phục vụ giải toả các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do, đường đô thị tốc độ cao và các dự án trọng điểm	Trên địa bàn thành phố
VIII	**Thương mại**	
1	Dự án đầu tư xây dựng chợ Cồn	Phường Hải Châu
IX	**Nông nghiệp, môi trường**	
1	Nâng cấp sửa chữa hoàn thiện kênh chính Bắc Phú Ninh	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
X	**Quốc phòng, an ninh**	
1	Doanh trại đóng quân Công an thành phố	Phường Ngũ Hành Sơn

II. Các dự án đầu tư từ nguồn vốn hỗn hợp (vốn đầu tư công, vốn ODA, vốn đầu tư theo phương thức PPP...)

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	**Hạ tầng giao thông**	
1	Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam	Các xã: Thăng An, Thăng Trường, Tam Xuân, Tam Anh, Tam Hải và phường Quảng Phú
2	Đầu tư xây dựng luồng Cửa Lở; cầu kết nối khu bến Tam Hiệp, Tam Hòa; đường nối khu công nghiệp Việt Hàn và đường Võ Chí Công	Các xã: Tam Hải, Tam Anh, Núi Thành
3	Hệ thống đường sắt đô thị trên địa bàn thành phố (Trung tâm Đà Nẵng - Hội An)	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
4	Đường Nguyễn Sinh Sắc nối dài	Phường Hòa Khánh
5	Liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam	Trên địa bàn thành phố

thaont17-22/07/2026 15:49:39-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
6	Tuyến hầm qua sân bay Đà Nẵng	Các phường: An Khê, Hòa Cường
7	Dự án Đầu tư, khai thác Cảng hàng không Chu Lai và hệ sinh thái kinh tế và đô thị sân bay theo phương thức đối tác công tư	Xã Núi Thành
8	Đường Vành đai phía Tây 2 nối dài (đoạn từ đường số 8 Khu công nghiệp - Đường Đinh Liệt kết nối hầm qua Sân bay - QL14B)	Các xã: Bà Nà, Hòa Khánh, An Khê
II	**Giáo dục và đào tạo**	
1	Khu Đại học Đà Nẵng	Các phường: Ngũ Hành Sơn, Điện Bàn Đông, Điện Bàn Bắc
III	**Khoa học, công nghệ**	
1	Trung tâm dữ liệu quy mô vùng	Khu vực Khu Công nghệ cao và khu vực Nam Hội An
2	Công viên Khoa học Đà Nẵng	Phường Quảng Phú
IV	**Văn hóa, thể thao, du lịch**	
1	Cải tạo cảnh quan các tuyến ven sông Hàn và Công viên trung tâm thành phố	Các phường: Ngũ Hành Sơn, Hòa Cường, Hải Châu, An Hải, Sơn Trà
2	Tổ hợp trung tâm nghệ thuật biểu diễn cấp quốc gia	Phường Hòa Xuân
3	Tổ hợp/khu phức hợp Công viên lễ hội sự kiện quốc tế quy mô lớn kết hợp đa chức năng	Xã Thăng An/Thăng Trường
4	Tổ hợp thể thao đạt chuẩn Olympic (gồm sân vận động đạt chuẩn quốc tế, nhà thi đấu, bể bơi, trung tâm huấn luyện và các tiện ích hỗ trợ, kết hợp thương mại dịch vụ)	Các xã, phường: Tam Kỳ, Thăng An
5	Trường quay Đà Nẵng và Trung tâm hậu kỳ điện ảnh	Phường Hải Vân
6	Trường quay sản xuất game show, các chương trình nghệ thuật	Thành phố Đà Nẵng

thaont17-29/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
7	Công viên công cộng phía Bắc đường Phan Đăng Lưu và hạ tầng kỹ thuật thương mại dịch vụ khu vực Nại Nam	Phường Hòa Cường
V	**Khai thác quỹ đất và giải phóng mặt bằng**	
1	Di dời ga đường sắt và tái phát triển đô thị vùng ga di dời (phần đền bù giải tỏa)	Trên địa bàn thành phố
VI	**Nông nghiệp, môi trường**	
1	Đầu tư hoàn thiện các trung tâm phát triển hậu cần nghề cá trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Trên địa bàn thành phố
2	Hiện đại hóa thủy lợi nhằm thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam	Trên địa bàn thành phố
3	Hoàn thiện đô thị Tam Kỳ (Chống ngập thành phố Tam Kỳ)	Các phường: Bàn Thạch, Hương Trà, Quảng Phú, Tam Kỳ và xã Tam Xuân
4	Chuyển đổi công năng cảng cá Thọ Quang	Phường Sơn Trà

III. Các dự án đầu tư từ nguồn vốn huy động ngoài ngân sách

STT	Tên dự án dự kiến	Địa điểm dự kiến
I	**Kết cấu hạ tầng**	
1	Hạ tầng phức hợp cao tầng Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Đà Nẵng	Các phường: An Hải, Hải Châu
2	Khu tổ hợp công trình phục vụ lễ hội pháo hoa Quốc tế	Phường Ngũ Hành Sơn
3	Đầu tư tổng thể bến cảng Container Liên Chiểu	Phường Hải Vân
4	Dự án mở rộng nhà ga T1	Phường Hòa Cường
5	Dự án Xây dựng Nhà ga hành khách quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng	Phường Hòa Cường
6	Đầu tư xây dựng và kinh doanh du lịch đường thủy nội địa (dọc sông Hàn, Cổ Cò, Vĩnh Điện, Cẩm Lệ)	Trên địa bàn thành phố
7	- Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn thành phố: + KCN Hòa Nhơn + KCN phía tây cao tốc qua huyện Thăng Bình; + KCN Điện Tiến; + KCN Đại Lộc; + KCN Đại Sơn; - Đầu tư xây dựng các khu chức năng của Khu thương mại tự do Đà Nẵng.	Theo phương án khu công nghiệp, khu thương mại tự do

8	Cải tạo cảnh quan 2 bên bờ sông Hàn	Các phường: Ngũ Hành Sơn, Hòa Cường, Hải Châu, An Hải, Sơn Trà
9	Mở rộng, nâng cấp bến cảng Chu Lai thuộc Khu bến cảng Tam Hiệp	Khu kinh tế mở Chu Lai
10	Xây dựng các cụm Cảng đường thủy nội địa	Theo quy hoạch
11	Đầu tư, nâng cấp các cầu cảng, bến hàng lỏng trong khu kinh tế mở Chu Lai	Khu kinh tế mở Chu Lai
12	Đầu tư xây dựng các Tiểu khu thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang	Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang
13	Hạ tầng các khu công nghiệp, khu công nghiệp công nghệ cao	Trên địa bàn thành phố
II	**Công nghiệp, thương mại - dịch vụ, logistics**	
1	Dự án LNG Hòa Ninh	Xã Bà Nà
2	Bến cảng lỏng/khí tại khu bến Liên Chiểu	Phường Hải Vân
3	Trung tâm logistics hỗ trợ chợ đầu mối và ngành bán buôn gắn với chợ đầu mối Hòa Phước	Phường Hòa Xuân
4	Trung tâm thương mại Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân
5	Chợ đầu mối Hòa Phước	Phường Hòa Xuân
6	Tổ hợp điện gió gần bờ kết hợp sản xuất Hydro xanh và Amoniac xanh tại vùng biển xã Thăng Trường, thành phố Đà Nẵng	Xã Thăng Trường
7	Chuỗi dự án khí - Điện cá Voi xanh	Xã Núi Thành
8	Khu du lịch nghỉ dưỡng và giải trí tổng hợp Làng Vân	Phường Hải Vân
9	Khu công viên văn hóa vui chơi giải trí, thương mại dịch vụ cao cấp (Danang Downtown)	Phường Hòa Cường
10	Khu phức hợp thương mại dịch vụ cao tầng Chi Lăng	Phường Hải Châu
11	Khu thương mại dịch vụ hồ Đồng Nghệ	Xã Hòa Tiến
12	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí hòn Sơn Chà	Phường Hải Vân
13	Khu phức hợp du lịch, nghỉ dưỡng Long Thạnh Tây	Xã Tam Hải
14	Khu du lịch sinh thái Tỉnh Thủy	Phường Quảng Phú
III	**Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo**	
1	Tổ hợp đổi mới sáng tạo phía Nam thành phố	Phường Ngũ Hành Sơn
2	Khu Công nghệ số tập trung	Trên địa bàn thành phố

thaoht17-22/07/2025 15:49:03-thaoht17-thaoht17-thaoht17

3	Trung tâm dữ liệu Data Center	Phường An Khê
4	Dự án Đầu tư xây dựng Trạm cập bờ ALC Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn
IV	**Các dự án sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường**	
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt 1.000 tấn/ngày tại bãi rác Khánh Sơn theo hình thức PPP	Phường Hòa Khánh
2	Nhà máy xử lý rác thải và phát điện tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam thành phố	Phía Nam Thành phố
3	Trồng các loại cây dược liệu và sản xuất chế biến sâm	Các xã: Trà Tập, Trà Linh, Trà Đốc, Phước Thành
4	Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Tam Tiến	Xã Tam Xuân
5	Các dự án nghĩa trang, công viên vĩnh hằng	Phía Tây thành phố
V	**Các dự án khu đô thị, khu dân cư, nhà ở**	
1	Khu đô thị hỗn hợp phía Nam trục Nguyễn Tất Thành	Phường Quảng Phú
2	Khu đô thị lấn biển Vịnh Đà Nẵng	Vịnh Đà Nẵng
3	Khu đô thị ESG giải trí, thể thao, sáng tạo, công nghệ xanh tại khu vực Nam Hội An	Khu vực Nam Hội An
4	Khu đô thị ven sông Trường Giang	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
5	Khu đô thị Chu Lai	Xã Núi Thành
6	Khu đô thị hỗn hợp Điện Dương	Phường Điện Bàn Đông
7	Khu đô thị thông minh Đông Duy Xuyên - Thăng Bình	Các xã: Duy Nghĩa, Thăng An, Thăng Trường
8	Khu đô thị/dân cư sinh thái Sông Thu Bồn	Xã Nam Phước
9	Khu đô thị sinh thái cao cấp Vịnh An Hòa 1	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
10	Khu đô thị Tam Anh Bắc	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
11	Khu đô thị Tây Bắc sân bay Chu Lai	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn

thaont17-22/07/2026 15:49:03-thaont17-thaont17-thaont17

12	Khu đô thị hỗn hợp phía Bắc trục Nguyễn Tất Thành	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
13	Khu đô thị sườn đồi (gồm 02 dự án: khu đô thị Đông Nam sườn đồi và khu đô thị Tây Bắc sườn đồi)	Xã Bà Nà
14	Khu đô thị sinh thái Hòa Tiến	Các xã, phường: Hòa Tiến, Cẩm Lệ
15	Các dự án đô thị ven sông Thu Bồn	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
16	Khu đô thị hỗn hợp Điện Ngọc - Điện Nam Bắc	Các phường: Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Đông
17	Các dự án nhà ở xã hội thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
18	Các dự án khu đô thị, khu dân cư, nhà ở phù hợp với các quy hoạch theo Luật quy hoạch đô thị và nông thôn	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
19	Khu phức hợp dịch vụ thương mại đô thị bến du thuyền Thọ Quang	Phường Sơn Trà
VI	**Các dự án giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội**	
1	Các Bệnh viện đa khoa quốc tế	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
2	Các Viện dưỡng lão	Theo quy hoạch đô thị và nông thôn
3	Trường trung cấp Phật giáo	Xã Hòa Vang
4	Viện nghiên cứu, đào tạo và phát triển nhân lực công nghệ bán dẫn và trí tuệ nhân tạo Đà Nẵng	Phường Điện Bàn Bắc
VII	**Các dự án đang rà soát theo Kết luận số 269/KL-TTCP ngày 16 tháng 9 năm 2019**	

Ghi chú:

- Tên công trình, dự án có thể thay đổi và dự án có thể phân khai thành các dự án phù hợp.

- Vị trí, quy mô, diện tích, phạm vi ranh giới của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập các quy hoạch đô thị và nông thôn, lập dự án đầu tư.

- Các công trình, dự án khác căn cứ vào các quy hoạch đô thị - nông thôn, quy hoạch chuyên ngành, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

- Các dự án tại Mục IV về các dự án đang rà soát theo Kết luận số 269/KL-TTCP ngày 16 tháng 9 năm 2019: các dự án tại khu vực Bán đảo Sơn Trà chỉ triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

thaont17-2/01/2026 15:49:02-thaont17-thaont17-thaont17

PHỤ LỤC XXX
HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của thành phố Đà Nẵng	1:1.000.000
2	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	1:100.000
3	Sơ đồ phương án hệ thống đô thị, nông thôn	1:100.000
4	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:100.000
5	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	
5.1	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội: thương mại, du lịch, dịch vụ	1:100.000
5.2	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội: y tế, an sinh xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao	1:100.000
5.3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, khoa học công nghệ	1:100.000
6	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	
6.1	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: giao thông; cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	1:100.000
6.2	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: cấp điện, năng lượng, thông tin và truyền thông, hạ tầng viễn thông thụ động	1:100.000
6.3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: chất thải rắn, nghĩa trang	1:100.000
7	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:100.000
8	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	
8.1	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản	1:100.000
8.2	Sơ đồ phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, thủy lợi	1:100.000
9	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:100.000
10	Bản đồ chuyên đề: Sơ đồ phương án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp	1:100.000
11	Bản đồ phương án phát triển 03 loại rừng	1:100.000
12	Bản đồ phân vùng sử dụng không gian biển	1: 25.000
13	Bản đồ hiện trạng Phương án phát triển hoạt động nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
14	Bản đồ quy hoạch Phương án phát triển hoạt động nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000